

NGÀY 15 THÁNG 11 NĂM 1964

BACH KHOA

năm thứ tám

VŨ - BẢO vụ Krouchtchev ở Liên - Xô • BÙI -
HỮU - SÙNG nguyện vọng của thanh niên ngày
nay • NGUYỄN - NGU - Í sống và viết với Á-Nam
Trần - Tuấn - Khải • DOHAMIDE gia đình người
Hồi-giáo • NGUYỄN - HIẾN - LÊ ba nền văn minh
tương lai của thế giới • HOÀNG - ĐÔNG -
PHƯƠNG vòng tay học trò • XUÂN - HIẾN
nụ đầu mùa — vông nô • VÕ -
HỒNG cái nhìn người mẹ • ĐOÀN - THÊM
hòa âm X X X • HỮU - PHƯƠNG hoàng
hôn trên biển • NGUYỄN - MINH - HOÀNG
giải Nobel hòa bình 1964 : mục sư Luther
King • THU - THỦY
giải Nobel văn chương
1964 với J.P. Sartre •

189



Thanh thoát

Fine
Dịu dàng

Racée
Tonique

NƯỚC HOA
NGÔI SAO
EAU
DE
COLOGNE
L'ÉTOILE



DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^{te} F^{me} DES DISTILLERIES DE L. I. C. DiC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIẢ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên đề dặt kiểm
soát lại nắp chì giữa gian
bọc ở miệng chai chính gốc
nằm phía trong nắp vặn
đỉnh ốc còn nguyên vẹn.

DiC

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẠC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M

Số thương mại Saigon số : 157E

Q.G.D.B. : 55.826.21.001

C.C.P. SAIGON No 27.04

TRỤ SỞ : 29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018 — Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh : Hàng lang Eden; Saigon

Điện thoại : 23.207

ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG

ĐẠI - DIỆN CÁC NGÂN - HÀNG TRÊN THẾ - GIỚI

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng chính (Siège Social)

ĐÀI BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24.547

CHI NHÁNH CHOLON (Agence de Cholon)

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gandot)

Điện thoại : 36.268 và 36.269

KHO HÀNG : HU-KHỐ và KHO THƯỜNG

(Entrepôt Frictif et Ordinaire)

300, Đại-lộ Trịnh-Minh-Thế, Khánh-hội, Saigon

Điện thoại : 20 859

Danh sách điện báo : COMMUBANK



CÁC HÃNG ĐẠI-LÝ THIẾT LẬP TRÊN CÁC THÀNH THỊ LỚN KHẮP THẾ GIỚI, CHUYÊN DOANH TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG : VÀ KIÊM DOANH CÁC NGHIỆP VỤ HU-KHỐ và KHO THƯỜNG (ĐỂ CHO THÂN CHỦ ĐƯỢC TIỆN LỢI GỞI TRỮ HÀNG HÓA); VÀ CÓ TỬ BẢO HIỂM CHO THUÊ, MỖI TỬ TIỀN THUÊ MỖI NĂM TỪ 300\$ TRỞ LÊN.

BÁCH

KHOA trong số này

Số 189 ngày 15-11-64

VŨ-BẢO	chính biến ở Liên-Xô : vụ Krouchtchev	5
BÙI-HỮU-SÚNG	nguyện vọng của thanh niên ngày nay	19
NGUYỄN-NGU-Í	sống và viết : với Á-Nam Trần-Tuấn-Khai	24
DOHAMIDE	gia đình người Hồi-Giáo	37
NGUYỄN-HIỂN-LÊ	ba nền văn minh — Tương lai của thế giới	43
HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG	vòng tay học trò (truyện dài)	51
XUÂN-HIỂN	nụ đầu mùa — vong nô (thơ)	60
VÕ-HỒNG	cái nhìn người mẹ (truyện ngắn)	63
ĐOÀN-THÊM	hòa âm XXX (thơ)	70
HỮU-PHƯƠNG	hoàng hôn trên biển (thơ)	72
NGUYỄN-MINH-HOÀNG	giải Nobel hòa bình *1964 : mục sư Luther King	73
THU-THỦY	giải Nobel văn chương 1964 : J. T. Sartre	81

BÁCH-KHOA

trong những số tới

Bản chúc thư của Togliatti và biển

cổ ở Liên-Xô

VŨ-BẢO

Jean Dupuis hay Bắc-Kỳ tưng rỗi

NGUYỄN-PHƯƠNG

Những sự xáo động trong thời-dại

quá độ hiện nay

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Chính sách thi hành ở miền Bắc từ

1961 đến tháng 7-1964 (Họ Hồ

10 năm ở miền Bắc, IV)

NHƯ-PHONG

Nhạc Jazz

TRẦN-VĂN-KHÊ

Vấn đề phát triển ngành ngư nghiệp

tại Việt-Nam

LÊ-DŨNG-DÂN

Những xu hướng mới trong âm nhạc

TÔN-THẮT-TIỆT

Viết và sống với nhà văn Lê-văn-Siêu

NGUYỄN-NGU-Í

Một ngày của Ivan (Dịch A. Sol-

jénitsyne)

NGUYỄN-MINH-HOÀNG

Gió trên đồi (truyện ngắn)

TRÙNG-DƯƠNG

Trường hợp của Mãnh (truyện ngắn)

NGUYỄN-THỊ-THUY-VŨ

Chỗ của Huệ (truyện ngắn)

DOÃN-DÂN

BÁCH-KHOA SƠ KỶ NIỆM 8 NĂM

Ra ngày 15-1-65 cũng là **Số Tết** năm Ất-Tỵ. Vậy các bài, các sáng tác về Tết và Xuân năm nay, xin các bạn gửi đến Tòa soạn trước ngày 15-12-64.

Chính biên ở Liên - Xô :

VỤ KROUCHTCHEV

★ VŨ - BẢO

CHIẾC máy điện tử của thị trường chứng khoán Nữu - Ước chậm ứ lại trong 25 phút vì chỉ trong một buổi người ta đã ném ra bán thốc bán tháo đi 6.500.000 cổ phần. Kể từ khi Tổng Thống Kennedy bị ám sát vào ngày 22 tháng 11 năm ngoái cho tới nay thị trường chứng khoán Nữu.Ước mới gặp một sự sáo trộn lớn lao như vậy. Lý do là vì Nikita Sergueievitch Krouchtchev « tuổi cao và sức kém đã phải xin từ chức đệ nhất bí thư Trung Ương Cộng Sản và chủ tịch Hội-Đồng Chánh phủ Nga Xô ».

Cuộc đời chính trị của một lãnh tụ đã làm cả thế giới kiêng nể trong 10 năm gần đây nay chấm dứt bằng một thông cáo không dài tới 10 dòng. Và tướng De Gaulle khi hay tin đã trút tâm sự của những kẻ nắm quyền bính qua câu quán thoại la tinh « Sic transit gloria mundi ». (Vinh dự ở đời là thế cả).

Nhưng thế giới đọc thông cáo của khối Cộng Sản bao giờ cũng cố đi tìm ý ở ngoài lời và ai nấy tự đặt

câu hỏi xem « bệnh » gì đã khiến cho Krouchtchev đau nặng đến như vậy.

Cuốn phim biến cố

Qua những tin tức rời rạc mà người ta nhận được thì cuộc hạ bệ Krouchtchev đã diễn ra như sau :

Krouchtchev nghỉ đã được một tuần tại Sotchi bên bờ Hắc Hải. Ngày 12 tháng 10 Krouchtchev còn gọi vô tuyến điện thoại chào mừng ba phi hành gia Komarov Egorov và Feoktistov trên phi thuyền Voskhod (Bình Minh) Một linh cảm gì đã cho Krouchtchev thấy rằng mình sẽ không còn ở tại chức lâu nữa và ông ta đã nói :

« Thôi chúc các bạn lúc trở về trên đất mẹ được bình yên. Bây giờ có đồng chí Mikoyan ngồi cạnh tôi. Đồng chí đang dăng lấy máy trong tay tôi. Và tôi phải trả lại máy cho đồng chí đó ».

Nhưng cái máy người ta dăng ra khỏi tay Krouchtchev không phải

chỉ là cái máy nói mà là cả bộ máy chính trị.

Sáng ngày 13, Krouchtchev tiếp bộ trưởng phụ trách nguyên - tử năng của Pháp Gaston Palewski. Hai người đang ngồi nói chuyện thì bỗng có người hầu cận đẩy cửa bước vào, theo lời Palewski thuật lại sau này.

Krouchtchev đứng dậy xin lỗi phải trở về ngay Mạc-Tư-Khoa « vì chuyện tiếp rước mấy phi hành gia ». Và sau đó là cả một tấm màn dày đặc được buông xuống.

Người ta chỉ biết là có hai buổi họp. Trung-Uơng Cộng-Sản Nga-Sô (họp đủ thì 170 người) nhóm ngày 13. Mikhail Suslov đọc bản buộc tội theo đó thì Đảng thấy đồng chí Krouchtchev đã phạm các lỗi sau đây : gia đình trị, tôn thờ cá nhân, lầm lẫn trong chánh sách đối với Trung-Cộng.

Sau đó đến buổi họp của Chủ tịch đoàn Xô - Viết tối cao, 30 người nhóm vào ngày 14 tháng 10. Buổi chiều không thấy tờ Izvestia bày bán trên các sạp báo. Tờ này do Aleksei Adzhubei con rể của Krouchtchev làm chủ bút và thường ra khoảng 5 giờ chiều. Nhưng cũng chưa ai đề ý. Gần 10 giờ đêm bức ảnh khổng lồ của Krouchtchev vẫn được treo trên nóc khách sạn Moskva ngay sát điện Cẩm-Linh bỗng được hạ xuống và đến nửa đêm thì hãng thông tấn Tass loan báo bản thông cáo chính thức. Cả thế giới sửng sốt khi được tin Krouchtchev vì « lý do sức khỏe » đã không thể



KROUCHTCHEV

Cai tặc, cái tội

tiếp tục đảm nhận các chức vụ trong Đảng bộ cũng như trong chánh phủ và hai chức này sẽ do hai người thay thế, Leonid Brezhnev 57 tuổi đã được cử làm đệ nhất bí thư Trung-Uơng Cộng-Sản và Aleksei Kossyguine 60 tuổi làm Thủ Tướng chánh phủ.

Đây là tất cả các sự kiện mà người ta ghi nhận được. Nhưng đằng sau các sự kiện đó là cái gì, câu hỏi này chắc chắn sẽ còn lớn vồn rất lâu trong trí óc những nhà chuyên môn nghiên cứu về các vấn đề Nga-Sô. Không ai được biết rõ nội dung bản cáo trạng do Suslov tuyên đọc ra sao nhưng dù có biết cũng không có ích lợi chi nhiều vì bản cáo trạng đó chỉ là một vấn-đề thủ-tục, nó không là nguyên-nhân của việc Krouchtchev ra đi. Và người ta chỉ còn biết đưa ra một số giả-thuyết.

Cái tóc, cái tội.

Không có câu nào sai hơn với trường hợp Krouchtchev vì tóc ông ta không nhiều, mà tội người ta tìm ra thật lắm. Có những tội về con người của ông ta, có những tội về chánh sách đối ngoại, có những tội về chánh sách đối nội.

★ Một lối sùng bái cá nhân mới.

Người ta còn nhớ chính Krouchtchev năm 1956 trước Đại Hội Cộng Sản lần thứ 20, đã lên án gài gao chủ-nghĩa tôn thờ cá nhân của Staline. Nhưng sau khi đã đập vỡ được cái thần-tượng Staline thì Krouchtchev, với nhiều nhân nại và tính toán, lại tạo ra một thần - tượng Krouchtchev bằng một đường lối hết sức riêng biệt. Ông ta không đề cho người ngoài cái hình ảnh của một nhà độc tài lạnh lùng bí mật hay khát máu nguy hiểm, tuy rằng đã có lúc người ta gọi ông là «tên đồ tề xứ Ukraine» và tay ông đã nhiều phen không biết run khi đề lên cò súng. Trái lại với bộ mặt phúng phính của một em bé bụ sữa, với thân hình cao 1 thước 60 và nặng trên 100 kí, với ba nốt ruồi lớn mọc sù ở má bên phải, ông đã khéo tạo nên hình ảnh một nông dân Nga phục phịch, trào phúng một cách hồn nhiên, biết vắt sữa bò, thạo về phân bón và mê say đồng ruộng. Ông đóng vai này như một kịch sĩ lành nghề và người Nga có lúc gọi ông là To-varitch Koukourouza (đồng chí bấp ngô).

Nhưng các đồng chí của ông ở Sô-Viết tối cao hay Trung - Ương Cộng-Sản thì lại không thể nào chịu được cái thói ba-hoa gặp đâu nói đấy của ông, cái lối giải quyết công việc tàn bạo thiếu tế nhị và thứ nhất là những trò hề của ông khi rút giấy đập lên trên mặt bàn ở Đại-hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc, hay khi gạ Mikoyan xuống đường vật nhau một keo trong một chuyến công du. Giới trí thức cho ông là một moujik gặp thời (moujik = nhà quê) và người ta không lấy làm lạ khi thấy tờ Pravda, cơ quan chính thức của đảng Cộng-Sản Liên-Xô, sau khi Krouchtchev đề, đã tìm ra đủ mọi danh-từ để tả con người của ông : « óc thô, quyết định vội vàng, hành động xa rời thực tế, phách lối, loạn ngôn v.v.. »

★ Một chánh sách đối ngoại lăm lẩn.

Krouchtchev đã bị kết tội là ít nhất đã lăm ở ba điểm :— hòa hoãn với Tây Phương

— buông thả với các nước Cộng Sản Đông Âu

— và nặng nhất là đã đi đến chỗ tan vỡ với Trung Cộng

— 1) Nếu hòa hoãn với Tây-Phương chỉ có nghĩa là sống chung hòa bình, sang Mỹ thăm Eisenhower viếng nữ-hoàng Anh, gặp De Gaulle hay Kennedy thì không nói làm gì. Đảng này Krouchtchev chấp nhận cả một sự rút lui nhục nhã ở Cuba năm 1962 khi đặt các hỏa-tiên ở đảo này rồi dưới áp-lực của Hoa-Kỳ phải đem tàu đến chỗ hỏa

tiền đi, làm mất mặt không những cho Nga-Sô mà cho cả khối Cộng-Sản. Người Nga không thể nào quên được là Staline chỉ có chiến xa mà đã mang về bao nhiêu lãnh-thổ mới trong khi Krouchtchev lúc nào cũng huênh hoang với võ-khí nguyên-tử của mình mà không giữ nổi đảo Cuba.

Cũng trong đường lối hòa-hoãn này Nga đã ký với Tây phương hiệp ước cấm các cuộc thí nghiệm nguyên tử nghĩa là Nga đã muốn một mình giao-hảo với những nước bằng vai phải lứa đã có võ khí nguyên tử và đã cấm đường Trung-Cộng không cho nước này thử bom làm lễ vào làng.

Lại hòa hoãn nữa khi Nga không tỏ một thái độ gì lúc Trung-Cộng tranh chấp với Ấn-Độ về vấn đề biên giới hay khi tàu Maddox của Mỹ bắn chìm hải thuyền Bắc-Việt.

Cái thái độ mập mờ của Krouchtchev muốn ve vãn bọn « phản-động » đã khiến Mao-Trạch-Đông phải kêu lên : « Chủ nghĩa Cộng-Sản đâu có phải là ái tình. Chủ nghĩa Cộng-sản là cái búa để đập vào đầu kẻ thù ».

2.— Người Nga cũng không thể nào không hoang mang khi thấy các nước Cộng-sản Âu-châu, trước đây dưới thời Staline đã ngoan ngoãn đóng vai vệ tinh, ngày nay đã dỏ què muốn quay riêng theo một quỹ đạo độc-lập.

Chính Krouchtchev tại Đại-Hội Cộng-sản Liên-Sô lần thứ 20 đã đưa ra khẩu hiệu : « Có nhiều

đường đi tới xã-hội chủ-nghĩa ». Nhưng có điều Krouchtchev không ngờ là khi đã lỏng tay cương thì khó lòng mà nắm trở lại chẳng khác gì thầy phù thủy đã thả âm binh chỉ còn biết nhìn xem chúng tác quái. Các nước chư-hầu Cộng-sản được lời của Krouchtchev « như cời tấm son » và đi ngay tới kết-luận là người ta có thể phát-triển xã-hội chủ-nghĩa mà không cần theo con đường của Nga-Sô, người ta có thể không nghe lệnh Mạc-Tư-Khoa mà vẫn là một đảng viên Cộng-sản tốt.

Togliatti đưa ngay ra thuyết « Cộng-sản đa tâm », trung-tâm của chủ-nghĩa từ nay không phải chỉ có một Nga-Sô. Nello Ciolli phụ họa : « Chúng tôi là người Ý trước khi là Cộng-sản ». Lỗ-Mã-Ni từ chối không gia nhập tổ chức kinh tế Cộng-sản Đông-Âu COMECON và ngày 22 tháng 4 năm 1964 ra một bản tuyên ngôn độc lập này lửa, theo đó thì từ nay không còn có đảng Cộng-sản « cha » và đảng Cộng-sản « con » nữa, các đảng bình đẳng với nhau và tự ý quyết định lấy việc nội bộ của mình (1). Cả đến Hung-Gia-Lợi đã bị đàn áp đẫm máu năm 1956 mà ngày nay cũng tấp tênh cứng đầu.

Thực ra trách Krouchtchev đã phá kỷ cương của khối Cộng-sản cũng không đúng hẳn vì cái ý kiến « Có nhiều đường đi tới xã-hội chủ

(1) Cui Bách-Khoa số 185 « Trường hợp Lỗ-Ma-Ni ».

nghĩa » chính là của Marx và Lenine. Có một điều là thế giới Cộng-sản đã biến đổi, nên dù Krouchtchev không làm gì hơn là nhắc lại một giáo điều chính thống mà đã bị kết tội là có những sáng kiến tà-luận.

Cũng vẫn trong việc giao thiệp với các nước Cộng-sản chư hầu, người ta còn trách Krouchtchev đã có một thái độ hết sức bất nhã với Đông-Đức. Năm lần bảy lượt nói ký hiệp-ước riêng với Walter Ulbricht về vấn-đề Đông - Đức nhưng chưa thấy đâu mà đã tính tháng Giêng năm tới sang Tây Đức thăm Ludwig Erhard. Muốn thấy việc này chương như thế nào thì chỉ việc tưởng tượng Mao-Trạch-Đông sang Nam Cao-Ly cùng tướng Phác-Chánh-Hy chén thù chén tạc.

3. — Nhưng lỗi lầm nặng nhất của Krouchtchev vẫn là chuyện tranh chấp với Trung-Cộng (2).

Không phải là thế giới Cộng-sản tán thành chủ trương gây hấn của Trung-Cộng. Cũng không phải là ai nấy không rõ những mối tương tranh giữa Nga-Sô và Trung-Cộng bắt rễ từ những nguồn gốc sâu xa về vai trò lãnh-đạo cộng-sản thế-giới, về lãnh thổ do những khoảng đất bao la nằm giữa biên-giới Tân-Cương và Kazakhstan, về kinh tế với những hướng đi mỗi ngày một khác biệt, về chủng tộc màu da vân vân... Nhưng lỗi của Krouchtchev là đã giải quyết vấn đề một cách phũ phàng, không những đã đẩy Trung-Cộng đến chân tường mà lại còn đặt

các đảng anh em vào một địa vị hết sức khó xử. Vả lại bài học của Staline còn sờ sờ ra đó, chỉ vụng tính với Nam Tư mà năm 1948 đã đẩy hẳn thống chế Tito sang hàng ngũ « bọn xét lại », không hi vọng lôi kéo về với đại gia đình. Đối với Nam-Tư nhỏ bé mà còn như vậy, huống chi đối với Trung-Cộng 40 lần rộng hơn, làm sao mà có thể cạn tàu ráo máng được.

Nhưng Krouchtchev đã khăng khăng triệu tập vào tháng chạp năm nay một hội nghị sơ bộ 28 đảng Cộng Sản để chuẩn bị năm tới lôi Trung Cộng ra trước Đại Hội Nghị các đảng Cộng Sản toàn thế giới, như ra trước một thứ tòa-án nhân-dân xét tội. Như vậy mỗi một đảng Cộng-Sản bó buộc phải đứng trước một vấn-đề chọn lựa, hoặc là theo Nga hoặc là theo Trung-Cộng, hoặc là chọn một thái độ lừng chừng chờ đợi. Nguyên khối Cộng-Sản Quốc Tế sẽ bị nứt nẻ ra làm 3 mảnh. Hơn thế nữa ngay trong nội bộ một đảng Cộng Sản trong một nước cũng sẽ có phe Hoa, phe Nga như gần đây người ta đã nhận thấy tại Ấn-Độ hay Nhật-Bản. Cái hình ảnh thuần nhất của Cộng Sản Quốc Tế nếu chưa đến lúc rạn vỡ thì ít nhất cũng đã tới giai đoạn phanh soè ra như nan quạt.

Lỗi giải quyết thiếu tế nhị của Krouchtchev về vấn đề tranh chấp Nga-Hoa đã làm cho hầu hết các

(2) Cui Bách-Khoa số 184 : Một giai đoạn mới trong cuộc tranh chấp Bắc-Kinh — Mạc-Tư-Khoa.

đảng Cộng-sản trên thế giới hoang mang dù họ ngã về phe nào cũng vậy. Không có ai tóm tắt cái cảm tưởng nặng nề đó một cách vừa xác thực vừa khiêm cung như Gustavo Machado, lãnh tụ đảng Cộng-sản Vénézuéla : « Tội tôi thấy như là một đàn con đứng nhìn bố mẹ đánh nhau ».

Nhưng Mao-Trạch-Đông đã có một lời nói tiên tri hơn khi viết cho Krouchtchev : « Ngày mà các đồng chí triệu tập Đại-Hội các đảng Cộng-sản trên thế giới để mà xét vụ này cũng là ngày mà các đồng chí bước chân xuống mồ tự chôn mình ». Có thể lúc nói thì Mao-Trạch-Đông chỉ nghĩ nói cho sừng mịng, nhưng gặp khi địch thủ bị vận thì một lời nói đó cũng đủ hạ nhau rồi.

★ Ở trong nước, canh nông thất bại, kế hoạch suy sụp.

Chuyện đời thường éo le như vậy. Krouchtchev lúc nào cũng tự hào hiểu biết nhiều về canh nông, thì chính canh nông đã là một vấn đề chôn vùi tên tuổi của đồng chí bấp ngô Tovaritch Koukourouza. Năm 1953 Krouchtchev ném ra một chương trình vĩ đại khai khẩn 40 triệu mẫu tây đất hoang ở vùng Kazakhstan (diện tích Việt-Nam tự do 17 triệu mẫu).

Mấy năm đầu thì khá và Krouchtchev đã hi vọng chất ngập đất Liên-Sô những lúa mì, bắp, đậu. Nhưng chỉ đến năm 1958 là đã có dấu hiệu sút - giảm năng suất. Hàng triệu người làm việc giữa

một thời-tiết đôi khi xuống tới 50 độ dưới độ không đã thấy không sức nào kham nổi mãi. 30 000 máy gặt vút bỏ ngoài trời dầm mưa dãi tuyết. Mất mùa 3 năm trời liền và đến 1963 thì thật là năm tai hại. Từ ngày Staline chết đến nay dân số Nga đã tăng thêm lên 35 triệu miệng ăn. Không đủ bánh hàng ngày cho dân. Nga đã phải mua của Hoa-Kỳ 450 triệu mỹ kim ngũ cốc, ngoài ra còn phải mua của Gia-Nã-Đại, Úc-Đại-Lợi và Argentine 385 triệu mỹ kim nữa, tổng cộng 935 triệu mỹ kim (90 tỷ bạc Việt Nam). Thế là hàng mấy trăm thùng vàng khối của vô-sản Liên-Sô đã phải đem chở đi đổi lấy lúa mì tư-bản, trong khi chờ ngày xã-hội chủ nghĩa chôn hết được bọn Tư-Bản phản-động.

Krouchtchev đã cách chức 18.479 viên chức phụ trách về canh nông và đã kết tội các nhà máy phân bón đã trễ nải trong việc sản xuất và cung cấp phân bón. Nhưng có điều Krouchtchev quên là tất cả các nhà máy hóa-học trên hoàn cầu cũng không thay đổi được tâm lý người nông-dân đi cấy cho nhà nước mà không được hưởng lợi cho thân mình.

Canh nông thất bại thế nào, thì kế hoạch phát triển kinh tế dưới thời Krouchtchev cũng sa sút như vậy. Krouchtchev đã có ý định đáng khen là muốn nâng cao mức sống của dân chúng Nga, nên gần đây khi ấn định mục tiêu cho kế hoạch, Krouchtchev đã không dành ưu tiên cho kỹ nghệ nặng nữa mà

cho các sản phẩm tiêu thụ. Nhưng công việc này không có giản dị. Khi còn nhăm sản xuất máy bay hay chiến xa, thì việc thiết-lập và thực hiện kế hoạch còn dễ dàng vì quân đội không có quyền từ chối máy bay hay chiến xa do các nhà máy đưa tới. Nhưng đến khi lo sản xuất đồ tiêu thụ thì chẳng có kế hoạch nào có thể buộc người dân Nga phải đi đôi giày không vừa chân họ. Khi một nền kỹ nghệ nhăm thỏa mãn nhu cầu của giới tiêu thụ thì nó không thể nào không kể tới sự chọn lựa của khách hàng.

Hơn nữa kế hoạch đặt những mức mà các ngành bó buộc phải đạt tới. Ban giám đốc các nhà máy sợ mắc lỗi khi mình không sản xuất đủ mức nên chỉ lo làm sao cho đủ số lượng mà không cần để ý đến phẩm chất. Hàng xấu thì dân chúng lại không mua do đó tại các cửa hàng quốc doanh người ta đã phải bán kẹp một thứ hàng tốt với một thứ hàng xấu, để cho món nợ lời món kia đi. Và bà vợ của Văn-hào Ilya Ehrenbourg đã kể lại câu chuyện bà đi mua một cái dù mà đã phải vác về thêm một cái bánh xe đạp.

Cũng vì phải đạt tới mức sản xuất đã ấn định trong kế hoạch nên người ta còn chứng kiến nhiều câu chuyện kỳ cục hơn nữa. Một nhà máy làm bóng đèn điện được giao cho phải sản xuất bao nhiêu triệu Watts bóng đèn, đã chỉ lo làm toàn bóng đèn từ 500 watts trở lên cho chóng đạt mục tiêu kế hoạch. Thành ra bóng đèn làm xong chỉ có thể

dùng thắp hải-đăng, còn dân chúng tìm bóng đèn một, hai chục watts thắp trong nhà thì rất khó. Nhà máy làm đèn được chỉ thị phải sản xuất bao nhiêu triệu đèn thì toàn làm đèn nhỏ cho chóng xong. Các kế-hoạch-gia ấn-định lại cách khác phải làm bao nhiêu tấn đèn, thì nhà máy lại quay sang làm toàn đèn to cho nặng cân — Người ta đã nói đùa nếu kế hoạch đòi phải sản xuất bao nhiêu roubles đèn chẳng hạn thì có lẽ nhà máy kia sẽ sản xuất đèn toàn bằng vàng khối.

Việc thiết lập và theo dõi kế hoạch càng ngày càng phức tạp. Một kinh tế gia Nga-Sô đã tính rằng hiện nay Nga có 200.000 nhà máy sản xuất khoảng 200 triệu món đồ tiêu thụ, việc kế hoạch hóa sự sản xuất của các nhà máy đó đã trở nên khó khăn gấp 1.600 lần so với năm 1928. Nếu không cải tổ bộ máy kế hoạch một cách mạnh mẽ thì phải dùng một số công chức 36 lần đông hơn nữa là phải huy động tất cả các người Nga đến tuổi trưởng thành.

Trước cái cảnh tượng canh-nông và kế-hoạch thật lùì như vậy, người dân Nga chỉ còn biết phản ứng bằng nụ cười trào phúng. Ai nấy còn nhớ các đôi nhân tình muốn nói tới mỗi tình ngày một đắm thắm thường dùng câu: « Anh yêu em ngày hôm nay hơn ngày hôm qua nhưng kém ngày mai ». Có người hỏi một người dân Nga đang nổi đuôi dài chờ linh bánh xem năm 1964 làm ăn như thế nào thì

đã được người đó trả lời : « kém năm 1963 và hơn năm 1965 ».

Bảng kê những lỗi lầm của Krouchtchev kể đã là dài và người ta tưởng chừng như nghe tin ông ta bị hạ bệ thiên hạ sẽ thở ra khoan khoái. Nhưng trái lại ít nhà độc tài có thể tự hào đã để lại nhiều cảm tình như vậy.

Phản ứng của các nước.

Các nước Tây Phương nói chung còn giữ một thái độ chờ đợi. Khi ông Krouchtchev ra đi, Hoa-Kỳ sắp bầu Tổng Thống. Vị Tổng Thống mới chắc chắn sẽ có những hoạt động ngoại giao tiếp xúc với thủ tướng Anh Wilson, Tây-Đức Erhard và Tổng Thống De Gaulle để cùng định thái độ. Dầu sao Hoa-Kỳ cũng có vẻ không hoang nghênh sự đổi thay. Ông Krouchtchev muốn có những tật xấu gì thì cũng đã là người quen biết khá lâu và như phương ngôn đã nói : « con quỷ mình biết vẫn còn hơn con quỷ chưa quen » (Better the devil you know than the devil you don't).

Hỉ hã nhất có vẻ là Trung-Cộng. 11 giờ sau khi có tin Krouchtchev bị hạ bệ, Trung-Cộng « ăn mừng » bằng cách cho nổ quả bom nguyên tử đầu tiên. Nếu người ta nhớ rằng trước đây chính Krouchtchev đã giúp đỡ chuyên-viên và kỹ-thuật cho Trung - Cộng trong việc xây dựng lò nguyên tử, rồi sau đó đã ra lệnh rút hết chuyên-viên Nga về mang theo cả những họa-đồ thì người ta thấy rằng việc cho

nổ bom nguyên-tử ít nhất cũng phải cho các nhà lãnh đạo Trung-Cộng sự thỏa mãn đã trả được mối hận xưa. Tuy nhiên đứng về phương diện ngoại-giao, Trung-Cộng không bình luận gì về tin Krouchtchev cả, chỉ đánh điện chúc mừng Brejnev và Kossyguine, và sau đó có đăng lại một bài của báo Zeri I Popullit, cơ quan của đảng cộng sản Albanie chỉ trích Krouchtchev.

Ngoài phản ứng trên của Trung-Cộng và Albanie, có thể nói là hầu hết các đảng cộng sản khác đều tỏ bày cảm tình với người ra đi. Tiệp-Khắc, Hung-Gia-Lợi, Đông-Đức đều nói lên sự « ngạc nhiên » và « súc động » của mình cùng nhắc lại những thực hiện của Krouchtchev.

Đảng Cộng-Sản Na-Uy trên tờ Fiheten (Tự Do) đã cho rằng sự giải thích việc « từ chức » của Krouchtchev là không đúng và đòi hỏi các nhà lãnh đạo Nga phải nói rõ sự thực.

Đảng Cộng-Sản Bỉ và Pháp cũng phát biểu ý kiến tương tự, Pháp còn cử cả một phái đoàn sang Mạc-Tư-Khoa để tìm hiểu thêm, và đòi cho gặp Krouchtchev.

Đảng Cộng-sản Ý đã có một thái độ rõ rệt nhất, triệu tập một phiên nhóm bất thường và ra một tuyên ngôn nói rõ sẽ « theo đúng đường lối tiến bộ mà Đại-hội Cộng-sản Liên-Sô lần thứ 20 đã vạch ra, cùng với thuyết sống chung hòa-

bình mà đồng chí Krouchtchev đã là tay thợ chính xây-dựng nên ».

Ngoài thế-giới Cộng-Sản, người ta cũng lưu ý đến lời tuyên bố của Tổng-thư-ký Liên-Hiệp-Quốc U Thant : « Tên ông Krouchtchev sẽ được ghi trong lịch sử như là một người đã thành công một phần nào trong thuyết sống chung hòa-bình, và một người đã cho một phần quan trọng của dư luận Tây phương tin ở sự thực thà của mình ». U Thant cũng tỏ ý mong muốn thấy Krouchtchev được công khai tuyên bố về lý do việc ra đi.

Tờ Observatore Ramano, cơ quan của Tòa Thánh La-Mã thì cầu chúc cho Krouchtchev không phải mang những nỗi hận của kẻ bại.

Đặc biệt nhất tờ Sunday Express của Anh thì lại còn xin việc làm cho Krouchtchev, và yêu cầu Nga cử ông ta làm đại sứ tại Anh Quốc. Tờ báo này nhắc đến tiền lệ ông Molotov bị hạ bệ và được cử đi làm đại sứ Nga ở Ngoại Mông.

Người ta tò mò muốn biết thế-giới phản ứng như vậy còn chính người dân Nga thì họ nghĩ gì về việc ra đi của Krouchtchev. Nhưng có phỏng vấn người dân Nga chắc cũng sẽ vô ích thôi vì họ sẽ nhắc lại đúng như lời bản thông cáo chính thức và trả lời vội vàng : « Tôi cho là ông Krouchtchev kém



BREJNEV

KOSSYGUINE

Những kẻ đang viết trang sử mới của Liên-Xô

sức khỏe nên đã xin từ chức ». Gần đây bác sĩ Hans Kroll một nhà ngoại giao Tây Đức quen biết Krouchtchev nhiều, có lẽ đã trả lời thay cho họ : « Nếu bên Nga mà có bầu cử tự do, tôi tin rằng Krouchtchev sẽ chiếm đa số lớn ».

Người ta hiểu tại sao mà công việc đầu tiên của Brejnev và Kosyguine là phải trấn-an dư-luận của các đảng Cộng-sản anh em. Bắt đầu là Ba-Lan. Hai người kế vị của Krouchtchev vừa gặp Gomulka, lãnh tụ Cộng-sản Ba-Lan tại khu rừng Bialowieska, ở về phía đông bắc xứ này, gần biên giới Nga-Sô, nơi mà trước đây Krouchtchev vẫn thường đi săn với Gomulka, và chắc chắn trong câu chuyện không có gì khác hơn là giải thích về « bệnh tình » Krouchtchev.

Cho đến bao giờ.

Nhiều bình luận gia cho rằng mỗi xúc động của các đảng Cộng-

sản thế-giới về chuyện Krouchtchev còn kéo dài và có thể gây chia rẽ trầm trọng trong hàng ngũ của họ. Đó chỉ là một sự võ đoán vì ta chớ quên người Cộng-Sản tạo ra thần tượng giỏi như thế nào thì phá vỡ thần-tượng cũng lại khéo như thế vậy. Ở một nước mà sử sách còn được viết lại theo quan điểm duy-vật, thế-hệ sắp tới chưa chắc gì đã nhắc đến Krouchtchev nhiều hơn thế-hệ bây giờ còn nói đến Staline Dầu sao những người cùng thời với Krouchtchev chắc chưa quên ngay hình ảnh của một nhà độc tài thuộc một loại khá riêng biệt. Gần dân chúng, trong một năm trời Krouchtchev tiếp khách nhiều hơn Staline trong một phần tư thế kỷ ; chịu ra ngoài gặp các chánh khách các nước, trong 7 năm mà 55 lần công du làm sứ giả cho nước Nga; đùa nghịch như một tên hề ; móc túi Boulganine lấy trộm gói thuốc lá hay trèo lên xe lửa kéo còi inh ỏi; mắc nhiều lỗi lầm nhưng ít nhất đối ngoại ý-thức được hiềm-họa nguyên-tử, chủ trương sống chung hòa-bình, chịu mất mặt còn hơn chấp-nhận chiến-tranh, đối nội ý-thức được sự cần thiết nâng cao mức sống dân chúng, nói tóm lại nắm được các vấn-đề chính yếu ở tầm mắt một nhà lãnh-đạo.

Có lẽ nhờ thế mà Krouchtchev tuy bị « thanh toán » đột ngột nhưng không đến nỗi phũ phàng. Trước đây ở Nga mỗi lần có một cuộc hạ bệ như vậy là máu chảy, đầu rơi, tù đầy rùng rợn. Đây là lần đầu

một nhà độc tài Nga được « thanh toán » êm đềm như một cuộc khủng hoảng nội các trong một nước dân chủ đại-nghị. Trung-Uơng Cộng-sản và Sô - Viết tối cao không tin nhiệm và Krouchtchev ra khỏi chính trường với con rề và nửa tá người cộng sự thân tín. Đến nỗi một người Nga đã nói đùa với mấy người bạn Tây-phương :

« Ngay cả về việc thay đổi chánh phủ, xã-hội chủ-nghĩa cũng thắng tư-bản đế-quốc, chúng tôi thay xong chánh phủ rồi mà Hoa-Kỳ chưa bầu được Tổng - thống còn Anh Quốc vẫn chưa đếm xong phiếu bầu Thủ-tướng ».

Những con người mới.

Trách vụ của Krouchtchev đã được chia ra cho hai người : Brejnev coi về Đảng và Kossyguine coi về Hội Đồng Chánh phủ. Theo tổ chức của Nga-Sô thì Brejnev quan trọng hơn và từ nay là con người số 1 của Nga-Sô, ít nhất cho tới khi có những biến cố mới.

Brejnev sinh năm 1906 ở Ukraine, đồng hương với Krouchtchev. Học về canh nông và năm 32 tuổi bắt đầu cuộc đời chính trị. Năm 46 tuổi Brejnev đã chiếm được một ghế phụ khuyết trong Trung Ương Cộng-Sản Đảng và đã có lần tán tụng Staline như sau : « Staline là nhà kiến trúc thần thành của Cộng - Sản chủ nghĩa. Thật là một đại hạnh cho tổ-quốc chúng ta trong cuộc - tranh đấu của

nhân dân cho sự nầy nở của Cộng - Sản chủ nghĩa đã được lãnh-đạo bởi đệ nhất vĩ nhân của thời đại, ông thầy uyên bác của chúng ta Joseph Staline ». Nhưng ngay sau khi thầy uyên bác chết thì Brejnev lại là một trong những cộng sự viên thân cận của Krouchtchev. Năm 1954 được cử coi việc khai khẩn các vùng đất hoang Kazakhs-tan, — chính những vùng đất sau này làm cho Krouchtchev khốn đốn —, thì Brejnev may mắn được hai năm mưa đều, công nhân còn hăng hái nên mùa màng thật tốt.

Từ 1960 đến năm 1964, Brejnev là chủ tịch Xô Viết tối cao, tức là quốc trưởng của Liên-Xô, một chức vụ hữu danh mà vô thực nhưng cũng giúp cho Brejnev xây dựng được tiếng tăm đủ để thay Krouchtchev trong chức đệ nhất Bí thư Trung-ương Cộng-sản.

Người ta được biết Brejnev thích sưu tầm đồng hồ cò và chơi chim, quần áo cắt đẹp, cravate lụa Ý, có một cô con gái có nhan sắc tên Galina, mỗi khi đi theo Brejnev thường làm cho cha được hoan-nghênh thêm.

Kossyguine già hơn Brejnev 3 tuổi, sinh tại Leningrad, lạnh lùng ít nói ít cười. Ông ta là một kỹ-thuật gia danh tiếng của Nga-Sô, đã từng là ủy viên kỹ-nghệ dệt, Bộ trưởng kỹ nghệ nhẹ, phó chủ



Krouchtchev và đoàn tùy tùng : (1) Brejnev (2) Kossyguine (3) Mikoyan, những kẻ hiện đang kế vị ông

tịch rồi chủ tịch Ủy-Ban Kế-hoạch nhà nước, phó thủ-tướng đặc-trách kỹ nghệ. Được thưởng hai huy-chương Lénine và được tặng danh hiệu « Anh hùng lao-động xã-hội ». Nhưng chưa ai được nghe ông ta nói về chính sách ngoại giao bao giờ.

Một xe, hai ngựa.

Tập đoàn Brejnev — Kossyguine gọi tắt là B — K từ nay sẽ thay thế cho ông K (Krouchtchev).

Người ta thấy rằng mỗi khi Nga hạ xong một lãnh tụ độc tài đã gây nổi một uy thế cá nhân lớn mạnh

thì Nga hay chọn thề tài tập đoàn chỉ-huy để thay thế. Staline chết đi là tam đầu chế Malenkov, Beria, Molotov và bây giờ sau Krouchtchev là lưỡng-đầu-chế Brejnev-Kossyguine.

Nhưng tập đoàn chỉ huy chưa bao giờ tỏ ra có hiệu quả. Lỗi này thường đưa đến sự nghi kỵ dòm ngó nhau, thứ nhất là ở một thời-đại mà sự phát triển của kỹ-thuật đòi hỏi những quyết định mau lẹ thì lỗi đó chỉ có thể đưa đến sự tê liệt.

Nhiều người mắc phải bệnh lo nghĩ vẩn vơ cho kẻ khác, đã bắn khoản không biết rồi từ đây « đường dây nóng » sẽ nối vào bàn giấy của ai Brejnev hay Kossyguine ? (Đường dây nóng «hot line» là đường viễn ký nối liền giữa Tổng thống Mỹ và ông Krouchtchev trước đây. Đường này dùng liên lạc khi có những sự vô cùng khẩn cấp như chiến tranh nóng nguyên tử chẳng hạn do đó mang tên là đường dây nóng).

Rồi cũng những ông « ăn cơm nhà vác ngà voi » ấy lo hộ cho Nga không biết rồi từ nay ai sẽ bấm nút chiến tranh nguyên tử. Chẳng lẽ để Brejnev vì Brejnev chỉ lo việc Đảng, chẳng lẽ để Kossyguine vì ông này còn ở dưới Brejnev. Theo hiến pháp thì Chủ tịch đoàn Xô-Viết tối cao 30 nhân viên, tuyên bố chiến tranh và ký hiệp ước hòa bình, nhưng Chủ tịch đoàn mà bấm nút chiến tranh nguyên tử thì nhiều ngón tay bấm quá cho một

nút. Trong khi đó với các hỏa tiễn mới, 15 phút trù trừ là đủ chậm rồi.

Chỉ tại Lénine khi đặt ra giáo điều « Tập-đoàn chỉ-huy » không ngờ rằng sau này còn có bom nguyên-tử !

Cho nên ai nấy chờ đợi sẽ có một lúc tại Nga, lãnh đạo Đảng và lãnh đạo Chính phủ sẽ lại nhập một. Tập đoàn B — K chỉ là một giai đoạn tạm thời. Rồi đây B sẽ nuốt K hay ngược lại K sẽ nuốt B sẽ chìm ? Hay chưa biết chừng một ngư ông thứ ba nào sẽ chờ B — K tranh nhau mà thủ lợi.

Và lại trong lịch-sử Nga Xô hiện đại, đây là lần thứ hai có tập đoàn B — K. Tập đoàn B — K thứ nhất là tập đoàn Boulganine-Krouchtchev và năm 1958 ông K Krouchtchev đã đá ông B Boulganine ra khỏi tập đoàn mà nắm hết quyền hành.

Những vấn đề còn nguyên vẹn

Nhưng đó là tương lai. Trong hiện tại tập đoàn Brejnev — Kossyguine sẽ vấp phải đúng những vấn đề đã làm cho ông Krouchtchev bị hạ bệ.

Vấn đề nóng hổi nhất là việc triệu tập Đại Hội nghị các đảng Cộng-Sản. Có người đã nghĩ rằng Nga sẽ hủy hay sẽ hoãn việc triệu tập. Nhưng báo Pravda ra ngày 17 tháng 10 đã viết : « Đảng Cộng-Sản Liên Xô sẽ tiếp tục hoạt động tích cực nhằm triệu tập Đại hội các đảng Cộng-Sản

trên thế giới đề thảo luận về các vấn đề thời sự liên quan đến sự tranh đấu cho hòa bình, dân chủ, độc lập quốc gia và xã hội chủ nghĩa cũng như cho việc tăng cường sự thống nhất phong trào cộng sản và thợ thuyền quốc tế trên căn bản những nguyên tắc bất dịch của quốc tế vô sản ».

Lẽ tất nhiên là không có một chữ nào chỉ trích xa hay gần Trung Cộng. Có thể rồi đây Nga Sô sẽ cử người sang thăm Trung Cộng sẽ viện trợ kinh tế cho Trung Cộng, sẽ giúp Trung Cộng vào các tổ chức quốc tế, nhưng sự hòa-hoãn làm lành với Mao-Trạch-Đông chỉ là chiến thuật. Trên căn-bản, các yếu-tố của việc tranh chấp Nga-Hoa vẫn không thay đổi, có Krouchtchev hay không cũng vậy. Ấy là chưa kể trái bom nguyên-tử mới nổ gần đây cùng với sự tương đối nhẹ đồng cân của tập đoàn B — K mới so với họ Mao già, sẽ lại càng khuyến khích Trung Cộng tranh với Nga-Sô vai trò lãnh đạo thế giới Cộng-Sản.

Rồi đến vấn đề các nước Cộng-sản Đông Âu. Làm sao mà đi ngược lại đường lối của các hội nghị Cộng sản Liên-Sô lần thứ 20, 21 và 22, làm sao mà trở lại thời kỳ bàn tay sắt của Staline một khi các nước này đã nếm cái hương vị độc lập đầu mùa, đã rũ bỏ áo chur hầu mà ngồi vào bàn huynh đệ.

Về kinh tế, làm sao đòi lại vấn đề ưu tiên, không lo đủ bánh cho dân ăn mà lại lo đủ thép cho máy nổ, làm sao lo chinh phục không gian mà bắt hi sinh mãi về đời sống thế gian ?

Đối với các nước Tây Phương, làm sao không hòa hoãn nếu muốn rảnh tay giải quyết các khó khăn kinh tế nội bộ, làm sao không sống chung hòa bình nếu không muốn một cuộc chiến tranh nguyên tử xóa nhòa mọi cuộc sống trên trái đất ?

Một khuynh hướng cởi mở đã thực sự nảy nở giữa lòng thế giới cộng sản. Nhưng vì tính chất của nó, Cộng Sản không thể chấp nhận cởi mở. Krouchtchev đã phải ra đi vì đã ý thức được sự mâu thuẫn đáng sợ đó. Những người mới thay thế Krouchtchev không thể nào lãnh đạo thế giới Cộng Sản mà không biết đến khuynh hướng cởi mở và một mặt khác cũng không thể nào cởi mở mà không làm nứt rạn thế giới Cộng-sản. Cái thảm kịch đó hôm nay đã tìm thấy ở Krouchtchev một nạn nhân, ngày mai chắc sẽ tìm thấy người khác. Nhưng cái thảm kịch đó ở trên hết mọi trường hợp cá nhân, vì nó bắt nguồn từ những khát vọng tự do của tất cả mọi người cộng sản.

VŨ-BẢO

● Con người sanh ra tự do mà ở đâu cũng bị xích xiềng.

Jean Jacques Rousseau

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S.A. au capital de : 120.000.000 F.F.
Siège social : 16 Bd des Italiens-Paris 9^e

SAIGON

36^e Rue Tôn-Thất-Đạm
Téléphone : 24.902 — 3 Lignes
135 Đại-lộ Nguyễn - Huệ
(Immeuble TAX)
Téléphone : 797 - B.P. No B-5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Doudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 48
B.P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601
P.O. Box no 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F. A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B.N.C.I. « à A ») Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba. (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos Apapa, Kane, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco de Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Theo tài liệu của báo chí ngoại quốc :

BÙI - HỮU - SUNG

nguyện vọng của thanh niên ngày nay

NGÀY nay, ở nước ta cũng như ở nhiều nước khác, những giá trị tinh thần và đạo đức bị xô ngã bởi những thể-hệ lớn lên. Lịch-sử nhân loại đã chứng minh rằng những cuộc khủng hoảng tinh thần như trên chỉ là hậu quả của chiến-tranh hay của sự bột phát về kỹ thuật hoặc kinh tế : ví dụ, tại Âu-châu, thời đại Phục-Hưng và tại Trung-Hoa thời Xuân-Thu Chiến Quốc. Có điều khác với xưa là ngày nay chiến trường càng mở rộng trên khắp địa cầu và kỹ thuật phát triển quá mạnh nên cuộc khủng hoảng lại càng trầm trọng hơn, sâu rộng hơn và có lẽ kéo dài lâu hơn nữa. Vả lại, xưa kia, người ta đành chịu bó tay để cho định-luật lịch-sử chi phối còn bây giờ người ta dự-đoán tương lai (ví dụ nhóm Prospective của G. Berger)

hay làm các cuộc điều tra (như Unesco) để cung cấp tài liệu cho các nhà giáo-dục, nhà chính-trị, nhà kinh-tế học. Các vị này sẽ căn cứ vào những chiều hướng mới để dẫn dắt quần chúng và giáo dục thanh niên. Bởi vậy những bản điều tra nếu thực hiện có khoa học và làm đến nơi đến chốn sẽ đóng một vai tưởng rất quan hệ.

Có hai bản điều tra về thanh niên trên hai tạp chí Pháp.

Bản thứ nhất trong tạp chí Ecole des Parents số 6, năm 1963. Bản này điều tra về nguyện vọng của thanh niên Pháp do cơ quan quốc-tế Unesco ủy cho Bác-sĩ André Berge thảo ra một số câu hỏi. Những câu ấy gởi đi trong ba nước Á - châu (không thấy nói gửi tới Việt-Nam) hai nước

ở Mỹ Châu và tại nước Pháp. Riêng ở Pháp các câu hỏi của bản điều tra được phổ biến trong 54 vùng và sau đây là kết quả tại 54 vùng nước Pháp.

Một nghìn câu trả lời được lưu ý tới, trong đó 500 câu của nam thanh niên và 500 câu của nữ thanh niên. Hai hạng thanh-niên trên đều thuộc về thành phần đô-thị và cỡ tuổi như sau :

43% từ 16 tuổi đến 18 tuổi.

47% từ 18 tuổi đến 21 tuổi.

8% từ 11 tuổi trở lên.

Về nghề nghiệp, thì liệt kê như sau :
57% còn đi học.

43% đã có việc làm tự sinh sống lấy.

..

Số câu hỏi của bản điều tra khá nhiều nhưng tôi chỉ nhắc một số vừa phải và kèm theo cả số câu trả lời.

Câu hỏi 1. — Bạn sẽ xếp theo thứ tự như thế nào những nhân vật kể sau đây : a) Anh hùng ? b) Thánh nhân ? c) Nhà khoa học ? d) Nghệ sĩ ? — Các câu trả lời đều xếp nhà khoa học (le savant) đứng hàng đầu. (Thời đại khoa học có khác !).

Câu hỏi 2. — Nếu trong tai nạn nguy hiểm xảy ra, thì theo thứ tự, bạn sẽ cứu cấp ai trước ai sau trong số những nạn nhân : a) Đàn ông. b) Đàn bà. c) Trẻ em. d) Cụ già. e) Người tàn tật.

— Cả bên nam bên nữ 63,8% đều muốn cứu trẻ em trước, thứ đến người tàn tật (6,2%) đàn bà (4,6%) đàn ông (1,7%) và sau rốt tới cụ già (1,4%). Người ta đang xô nhau nâng

niều tuổi trẻ ; đến các nghệ sĩ thì nhân triết gia, càng quay về cái thơ ấu cái hồn nhiên của bản năng).

Câu hỏi 3. — Đối với các bậc đàn anh đi trước ta, thì theo bạn, các thanh niên nên có bổn phận hay nên đòi hỏi quyền lợi về mình ?

— 81% cho rằng nên có bổn phận, 31% muốn đòi quyền lợi còn 2,9% không trả lời. (Như vậy, thanh niên Pháp vẫn còn kính lão đấng chứ !).

Câu 4. — Bạn mong mỗi được chỉ huy hay thích được vâng lời ?

— Về bên nam 45,6% đòi được chỉ huy, chỉ có 38% mong được vâng lời và 16,2% không trả lời. Về phía nữ 53% muốn được vâng lời và chỉ có 32% đòi quyền chỉ huy và 16,2% không trả lời. (Thời này mà con gái một nước tiền tiến đa số vẫn ngoan và chịu tòng phục).

Câu 5. — Trong các loại nghệ thuật, thì loại nào bạn xếp trên hàng đầu ?

— Đa số xếp âm-nhạc đứng lên hàng đầu. (Trước khi đọc bản điều tra, nhiều người cứ tưởng nhầm rằng điện ảnh cảm dỗ thanh niên Âu-Mỹ hơn cả thanh-niên Việt-Nam ta. Một số đông vẫn thích ham đọc sách và họ cho Văn-hoá cần hơn kinh tế).

Câu 6. — Giữa bằng hữu với nhau, bạn cho đức-tính nào quý giá hơn hết ?

— Đa số cho tính thực thà là cần hơn hết (Có lẽ vì ghét cái giả dối của xã-hội vật chất và cảm thấy vắng vẻ trong tâm hồn chẳng ? Hay vì thời giờ cấp bách, muốn cái gì cũng nói ngay, nói thật, để giải quyết cho kịp thời chẳng ?).

Câu 7. — Theo bạn, những ranh giới giữa các quốc gia còn nên tồn tại nữa không?

Phía nam, 73,4% trả lời không, phía nữ 60,6% cũng trả lời không. (Thanh niên bao giờ cũng ôm ấp hoài bão « Tứ hải giai huynh đệ » nhất là gặp thời đại này, máy bay, vô tuyến điện đã xóa bỏ biên cương. Nhưng trong khi đó, người ta tranh chấp biên giới và vài nước Cộng-Sản cũng bỏ chủ nghĩa quốc tế quay về chủ nghĩa quốc gia).

Câu 8. — Nếu bạn biết chắc là sẽ không bị thiếu thốn gì, thì bạn có bằng lòng ra sống tại một hoang đảo không? Và nếu có thì sống với ai?

— 53% trả lời không nhận; 44,8% trả lời có nhận và chỉ định người sống chung là người khác giống (sexe opposé) (Câu hỏi và câu trả lời khá lãng mạn!)

Câu 9. — Bạn có muốn được là người thứ nhất đặt chân lên mặt trăng không, hay bạn chờ tới khi đường giao thông được điều hòa đã, hay bạn không quan tâm đến vấn đề vượt không gian.

— Phía nam, 33,4% muốn lên trước tiên, phía nữ chỉ có 24,4% muốn đi chuyến thứ nhất. (Nam vẫn táo bạo hơn nữ).

Một số khá lớn muốn chờ đợi và 1/3 không để ý tới việc này,

Câu 10. — Bạn có cho sự chết là hết đối với một cá nhân chăng?

— Trả lời không: nam 54,8% và nữ 63,6% (Bản năng bảo tồn và tôn giáo vẫn còn mạnh.)

Câu 11. — Bạn có nghĩ rằng vai trò chính của khoa-học: a) hoặc là để giải thích hiện tượng thiên nhiên (lý thuyết) b) hoặc là cải tạo điều-kiện sinh sống của nhân loại (thực tế)?

— Chỉ có 13,8% cho rằng khoa học có mục đích giải thích (lý thuyết) còn 71% cho rằng khoa học cải tạo nhân sinh (thực tế) và 14,7% không trả lời (Đối với đa số quần chúng, ở Đông cũng như ở Tây, khoa học là vụ lợi; chỉ ở trong các sách Triết-học, người ta mới dành cho khoa học mục đích lý thuyết. Đến bao giờ « Tri » và « Hành » mới hợp nhất?)

..

Bản điều tra thứ hai của ký giả Jean Farran đăng trong tạp-chí Match số 11-9-1964. Ông Jean Farran đã phác họa một bức chân dung của 5 triệu thanh niên Pháp từ 16 đến 24 tuổi. Theo ông, họ là những người rất thực tế, không quan tâm gì tới tôn giáo và chính trị; họ chỉ biết đi làm, để dành tiền, lập gia đình để sống nồng nàn (vivre intensément) đời sống lứa đôi trong một xã hội vô ngã (une société impersonnelle). Cái bệnh thời đại (le mal du siècle) của họ là bệnh cô đơn (la solitude), họ thích nghe đọc thơ hay ngâm thơ (le récital des poésies) trong đám đông người, hay nghe âm nhạc giữa quần chúng vì âm - nhạc công cộng không những cho phép họ cùng nhau chung hưởng phút lâm - ly mà còn để lưu một tiếng nói vang dội, ngân nga khá lâu trong tâm hồn trống rỗng, điều hiu, vắng vẻ của họ. Tỷ số là 90% trong các thanh niên cảm thấy hai điều

khát khao : 1) khát khao được một tri-âm hiểu mình 2) và khát khao được hiểu tâm tình của kẻ khác. Bởi thế, một cơ quan thuộc về đạo Tin lành có sáng kiến đặt ra ở nước Pháp ba nơi mệnh danh là « S. O. S. téléphoniques » để những kẻ cô-đơn gọi về đây khi cần tìm một người nói chuyện trong phút chán ngán. Ba trạm « cấp cứu » ấy đặt ở Nice, Marseille, Ba-Lê, có số điện thoại và khi cần, kẻ chán đời cứ gọi giây nói về cho ông Jean (Monsieur Jean) (*). Mỗi ngày 25 người gọi về, trong số đó nam đông hơn nữ, chiều đông hơn sáng, tháng Năm đông hơn các tháng khác. Đây là triệu chứng của một bệnh thần kinh tập thể (une maladie collective) bệnh tăng giảm tùy theo nam hay nữ, tùy theo thời tiết, cảnh ngộ. Buồn và dễ bứt buồn, thanh niên Pháp quá lạm dụng những thuốc chấn động thần kinh và các hãng bào chế sản xuất thuốc ấy một số lượng khủng khiếp.

Còn tự tử, thì con số thấy ghê sợ hơn nữa. Cứ mỗi ngày chừng 300 người chết trong đó 50 người dưới 25 tuổi và cứ mỗi tuần lễ có một sinh viên tự sát.

Chắc có bạn đọc giả tò mò muốn biết xem những kẻ đau khổ nói điện thoại những gì với ông Jean. Thì đây một thí dụ, tiếng nói như từ tha ma vọng về : « Cám ơn ông đã nghe tôi nói ; thôi tôi không còn sức lực mà cũng không muốn nói nữa ; cho tôi được khóc lóc với một người nào... ». Những lời như vậy thốt ra từ đáy

lòng âm thầm đau khổ, qua giòng điện, rồi tan chìm vào giữa những tiếng xe chạy, tiếng nhà máy ồn ào, cho ta thấy đời « văn minh kỹ thuật » gây đã ra những hệnh hoạn mà xưa kia không thấy ghi chép trong các sách y-học !

..

Bản điều tra thứ hai tuy bi quan hơn bản thứ nhất, nhưng cũng đi tới một kết luận tương tự : để tránh cái cô đơn của thời đại máy móc vô-ngã, ô-hợp, thiếu nhân-tính (inhumain), đa số thanh niên muốn lập gia đình sớm, họ cho rằng chỉ có lứa đôi biết thương nhau và sống nòng nân bên nhau. Họ thấy tôn giáo chính trị không mang lại cho họ mỗi tin tưởng, tia sáng hy vọng. Vậy họ tìm hiểu đời theo kinh nghiệm và kiến thức của họ. Họ tự bỏ các giá trị cũ đã lỗi thời và họ tự tạo lấy những giá trị mới xây dựng tương lai theo ý nguyện của họ.

..

Hai bản « điều tra » trên cho ta biết về tình trạng của thanh niên Pháp. Tôi rất mong ở nước ta, có những cuộc điều tra tương tự như vậy, trước khi người ta lên án « thanh niên » hay trước khi soạn thảo chương trình giáo dục. Những chương trình cũ và nền giáo dục hiện tại thất bại là vì người ta cứ tưởng tượng trong trữu tượng cái này là quốc hồn quốc túy, môn học kia cần, rồi người ta mang nhồi vào sọ cho thanh thiếu niên, người ta đã phạm một tội lớn là đã không tìm hiểu thể hệ mới và không chịu giúp cho thanh niên xây dựng những giá trị mới thích hợp với những khát vọng trong tâm hồn trẻ.

BÙI-HỮU-SÙNG

(*) L.T.S. Xin xem thêm ở B.K. 142 ngày 1-12-62 trang 63 bài « Những nghề mới lạ ở xứ Pháp » của Mộng-Trung.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, *Nguyễn-Công-Trứ*, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plaplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 56-67¹/₂ Greensham Street, London, E.C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo*

Hongkong : *60, Bonham Strand West.*

Central distrit : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *64 South Bridge Road*

Kuala lumpur : *14 Ampang Street.*

với Á-Nam

TRẦN-TUẤN-KHẢI (1)

TÔI đến nhà Văn hóa, tìm thăm tác giả «*Với sơn hà*», thì gặp nhà văn «thất thập» này ở sân nhà: cụ vừa tiễn một người bạn cố tri, tận công. Lúc bấy giờ, thủ đô vừa qua những ngày máu lửa, nên câu hỏi của bậc đàn anh lão thành tông sự tại cơ quan văn hóa này chẳng ăn thua gì với văn hóa cả.

— Tình hình xem chừng càng ngày càng «*nát*» thêm, phải không anh?

Và chẳng đợi tôi trả lời, cụ nói tiếp, giọng như lạc hẳn đi:

— Cái bi đát nhất, là số phận của dân tộc ta, nó được định đoạt từ đâu đâu ấy.

Tôi giờ mới nhìn kĩ người đối thoại. Có mấy tháng không gặp cụ, mà nay trông cụ già đi vài tuổi trong bộ quốc phục nội hóa. Khá nhiều chán ngán trong lời, và rầu nhiều u buồn trong mắt.

Tôi xin được gặp cụ tại nhà.

— Chủ nhật, tôi mới về nhà ở ngoại ô, thuộc về Bình - Thới, Phú - Lâm. Trưa, tôi ăn cơm quán gần đây, ở lại sở; chiều, sáu giờ, tôi mới về căn gác ở sát đường hỏa xa, gần đường

Trần - Quý - Cáp. Mời anh tối nào lại chơi.

— Cụ ở đó một mình?

Cụ gật đầu.

— Nền chẳng có bàn ghế gì cả. Xin nói trước rằng chúng ta sẽ ngồi trên chiếu, như ở nhà người Nhật vậy!

..

Căn gác ấy không có ghế, nhưng có cái bàn con, thấp, đủ để vài tờ nhật báo, ít cuốn sách, một bình thuốc Lào và mấy cái chén uống nước con con; trên vách, treo mấy cây đàn: tranh và nguyệt.

— Một tháng bảy trăm. Anh thấy thế nào?

Chủ nhân vừa thông thả rót nước vừa hỏi.

— Tôi thấy ở trung tâm thành phố mà tìm được một căn gác có thang riêng với giá đó, cũng là điều hiếm có.

Cụ đứng dậy, ra dấu cho tôi cùng ra phía trước. Cụ chỉ cho tôi khoảng trời xanh ở trên đầu và ở trước mặt.

(1) Sinh ngày 18-9 út-vị, nhằm ngày 4-11-1895 tại làng Quang-Xán, huyện Mĩ-Lộc, tỉnh Nam-Định (Bắc-Việt).



Cụ Á - Nam

(Xuân nhâm thìn)

— Điều thú nhất, là cái khoảng rộng này đây. Ngày nào trước mặt mà xây nhà lầu, buy đình chận nhân quan lại, là tôi khổ thêm một nỗi.

Tôi nhớ lại một câu của Sào-Nam :

« Tắm thân già còn nặng với giang san ».

và muốn đổi lại hai chữ sau, để cho hợp cảnh :

« Tắm thân già còn nặng với không gian ... »

— Mai, chủ nhật, mời anh lại đây, trước tám giờ. Tôi đưa anh về nhà chơi, có một người bạn cùng đi. Chúng ta dùng cơm trưa luôn thể.

..

Người bạn của cụ, với tôi, chẳng phải người xa lạ : một dược sĩ

mà lại kiêm nhạc sĩ và họa sĩ. Tôi đã từng hai phen làm rộn anh về Âm nhạc và Hội họa, mặc dầu anh đứng vào làng Khoa học. Nhân ngày Tết Nhi đồng, anh mang ít quà biếu các cháu nhỏ và cũng như tôi, sẽ ở lại buổi trưa này để trò chuyện với lão thi nhân. Xe nhà anh đưa chúng tôi về Bình-Thới, một vùng ngoại ô của châu thành, cách trường đua Phú-Thọ không xa. Chúng tôi ngừng ngoài đường, xuống xe, vào một hẻm ngắn, là tới nhà cụ. Một cái sân hẹp, hơi dài, trải ngói gạch vụn, mấy cây ổi cành lá sum sê, rồi phòng khách gọn gàng, mà cũng là phòng làm việc.

Khách ngồi xong, chủ xin phép cởi chiếc áo dài hàng đen, rồi chiếc áo dài vải trắng, để tiếp khách quen lâu với bộ bà ba thoải mái. Lúc bấy giờ, trời lất phất mưa. Cụ nhìn lên trời, rồi mở một tủ nhỏ, lấy ra một chai uích-ki.

— Trời lạnh lạnh, nên có chút này cho nó ấm ấm.

Trong khi một em nhỏ chạy mua nước đá và sô-đa, nhà văn đã bảy mươi này êm đềm tiết lộ.

— Ấy, thỉnh thoảng, có những ngày ngồi một mình, với cái li nhỏ này, mà tôi cạn cả chai lúc nào không biết.

— Và sau đó, cụ bước vào cõi mộng ? Tôi thân mật hỏi.

Mắt cụ lộ vẻ buồn buồn :

— Nếu được thế ! Rượu có cạn chai, mà cái gì... đó trong người mình chẳng chịu vui cho.

Chúng tôi hỏi về nơi cụ hiện ở.

— Anh Ngu-Í xưa kia có ở miệt Phú-Lâm, chắc cũng biết qua vùng này. Những vũng, những lầy, gần như hoang địa. Bàn tay dân chạy loạn và mồ hôi người di cư thay đổi bộ mặt nó đấy. Riêng chỗ tôi ở, trước người Triều-Châu trồng rau trồng cải. Đất công. Nhà tư. Dựng được mái nhà nho nhỏ này để che nắng che mưa cho vợ cho con, cũng là một kì công đấy !

Cụ nói đến vợ, đến con, mà chẳng nói đến mình. Chẳng biết cụ quên, hay nghĩ rằng với tấm thân già từng trông thấy và chịu đựng lắm điều, mưa trúa lại với nắng chiều là điều không đáng kể ?

— Xin mời...

Tôi nâng li rượu, vừa nhấp vừa nhìn bàn tay gầy guộc, gương mặt mà tuổi tác và phong trần đã hằn lên những nét rõ ràng, mà nghĩ vẫn vơ rằng tác giả « *Với sơn hà* » mời mình thưởng thức chẳng phải chất rượu pha của Âu, của Mỹ, mà chất sầu vạn cổ dường như gắn liền với dân tộc mình, từ xa xưa cho đến ngày nay. Cảnh trí tiêu sơ, đất trời âm đạm, thời cuộc rối beng, một ngày Tết Trê em ở cạnh một nhà Nho lão thành đã một thời dùng ngọn bút thức tỉnh quốc hồn, hô hào tự lập mà đến buổi xế chiều, vẫn còn lặn đận với nợ áo cơm và lo âu về vận nước, bao nhiêu điều ấy khiến cho tôi đã nghĩ như trên, và xui tôi bất ngờ hỏi người đối diện :

— Cụ thích nhất bài thơ nào của cụ ?

Cụ như sức tỉnh :

— Thích thì nhiều, còn thích nhất thì tùy lúc. Như giờ đây, anh hỏi, tôi nhớ đến bài thơ tứ tuyệt để ở đầu quyển nhất « *Hồn Tự lập I* », bài thơ tôi « *Kính tặng quốc dân Việt-Nam* ».

Không biết vì có chất rượu ấm vào hay vì khí trời lành lạnh mà giọng « anh Khóa » trở nên nồng nàn khi chậm rãi đọc lại mấy vần thơ cũ :

« *Gió thét mưa gầm bể cạnh tranh,*

« *Trống tuồng thiên-diễn giục thâu canh.*

« *Hỏi ai trong giấc hoàng-lương đó :*

« *Sấm sét năm châu có giạt mình ?* »

và cụ lại tiếp luôn : « Có bài đề cuốn *Hồn Tự lập II*, tôi cũng cho là đáng nhớ :

« *Lò vũ-trụ đêm mù hiu hắt,*

« *Cảnh muôn loài say giấc ngồn ngang;*

« *Tiếng đầu kêu réo kinh-hoàng,*

« *Nghe ra hùng tráng bi thương đến
điều !*

« *Mặt biển nọ gươm reo chính-khí,*

« *Đỉnh non kia mây hé tự-do,*

« *Ngọn đèn nhân-loại kêu to,*

« *Hỏi ai soi rạng cơ-đồ bấy nay ?*

« *Mở lịch-sử Đông Tây coi thử,*

« *Kìa anh-hùng hiệp-nữ là ai ?*

« *Mấy pheu động đất kinh trời,*

« *Máu hồng lai láng muôn đời còn in.*

« *Lầu cổ-quốc kêu đèn tự-lập,*

« *Chén hô-quần mong nhấp cùng ai ;*

« *Phấn son ai cũng kiếp người,*

« *Tình uon nước, nghĩa giống nòi, sao
đây ? ? ?* »

Và bốn câu thơ này trong bài tựa tập thơ « *Với sơn hà, I* » :

« Góp cùng kim cổ lưng bầu huyết,
« *Gửi VỚI SƠN HÀ* một áng văn.
« Không lợi không danh nên đừng đình,
« *Có nhà có nước phải bán khoan* ».
Cụ nâng li lên, rồi để li xuống.

— Thế mà chốc đà bốn mươi năm chẵn ! *Hồn Tị* lập, quyển đầu, thoát bút năm 1924, nay đã 1964 rồi...

Rồi có lẽ vì đang sống dưới trời độc lập mà chợt nhớ ngược lại thời bị trị, nên cụ đưa ra nhận xét này :

— Người mình chẳng biết bao giờ mới hết tinh thần ỉ lại. Cứ mãi nương kẻ này, nhờ kẻ nọ, tựa người kia. Thì khó mà làm chủ vận mệnh mình được. Lại còn thiếu tinh thần phục thiện. Còn nhớ xưa kia, đối với các « quan thầy Pháp », gặp lúc chẳng-thể-đừng, mình thẳng thắn phê phán hoặc nặng lời công kích họ, tưởng đâu họ sẽ dùng quyền hành sẵn có trong tay mà trả thù mình, cách này hay cách khác. Nhưng không. Họ lại trọng, nể những người cương trực. Còn ngày nay, trái lại. Những kẻ ăn trên ngồi trước rất ghét những lời nói thẳng, và lại thích những người tâng bốc, bợ đỡ. Tôi được chính mắt chứng kiến nhiều lần, nên e rằng đại cục sẽ vì thế mà hỏng ».

Một em nhỏ từ nhà sau lên, thưa nhỏ với cụ điều chi, cụ gật đầu. Một phút sau, các thức ăn được dọn lên. Cụ mời chúng tôi lại bàn ăn, và phân trần :

— Ngày thường, thì cá rau đạm bạc. Nhưng gặp ngày Tết, dù là ngày

Tết của trẻ con, thành ra có vài món đặc biệt. Vậy xin hai ông bạn chớ có làm khách nhé.

Mặt cụ bỗng tươi lên :

— Mà cơm ta, phải có rượu ta chứ. Rồi cụ lấy ra một bình rượu thuốc, thận trọng rót ra ba li nhỏ.

Chúng tôi chậm rãi dùng cơm, và câu chuyện thông thả đi, không định hướng.

— Dường như lúc thiếu thời, cụ đã từng vào Nam ?

Cụ gật đầu.

— Tôi không nhớ rõ năm. Khoảng tôi trên ba mươi tuổi thì phải, tức là lối 1928-29 gì đó.

— Hân cụ còn giữ ít kỉ niệm sau : n đầu tiên tiếp xúc với người và cảnh miền Nam.

— Cảnh thì tôi quên mất. Còn người, thì còn nhớ một kỉ niệm mà riêng tôi, tôi cho là rất thú. Một hôm nọ, tôi ghé thăm một người đồng hương, bán đồ cần xa cừ ở bên hông chợ Sài-Gòn. Tôi nhớ ra rồi Đường Sabourain. Bây giờ là đường Tạ-Thu-Thâu. Đang hàn huyên, thì có một ông khách vào, hỏi giá một món đồ. Người Nam, mặc bà ba trắng, đi guốc vông. Dân thầy không ra dân thầy. Dân thợ không ra dân thợ. Tôi tưởng ông ta là một khách qua đường rồi rồi, hỏi chơi để giết thì giờ, chớ cái bộ vó ông ta thể, tiền đâu mà mua nổi món đồ bạc ngàn

Ông ta xin bớt hai trăm. Chủ hiệu bâng lòng bớt một trăm. Tôi tưởng ông ta sẽ bỏ đi, qua cửa hàng khác, nào ngờ ông ta ưng thuận, móc bóp ra, lấy chín

trăm đồng trả. Hai ông biết chín trăm đồng hồi bốn mươi năm về trước là một cái gia tài nhỏ. Khi ông ta mở bóp, tôi nhìn thấy bạc giấy lớn còn nhiều. Người nhà hàng bao, cột món đồ xong, ông ta ra cửa, ngoắc, một người tài xế mặc Tây vội vã đến, ôm món đồ vừa mua để lên một chiếc xe nhà sang trọng. Ông ta vui vẻ bắt tay người chủ hiệu, lên xe. Thấy tôi ngạc nhiên ra mặt, ông bạn tôi cười: «Người trong này, họ như vậy đó, bác. Một nhà giàu có hạng ở đây, mà đi phố, họ ăn mặc giản dị như thế đó. Lúc mới vào, tôi cũng thường đánh giá họ lắm như bác.» Tôi như được mở mắt ra, và cảm thấy thương thương cái đất «Nam...Kì» này: nơi đây, người ta sống hồn nhiên, ít bị lễ nghi, tập quán ràng buộc như ở Bắc, ở Trung.

Và cụ tiếp, sau một ngụm rượu:

— À, còn điều này nữa. Một chiều thứ bảy, tôi được thấy cảnh thầy thông, thầy phán, anh em thợ máy, anh em phu xe ngồi quây quần trong các quán ăn ở trong chợ Bến-Thành cùng nhau bàn chuyện phiếm, chuyện đời, hay chuyện thời sự một cách tự nhiên, thẳng thắn. Bầu không khí cởi mở giữa những hạng người khác nhau ấy làm tôi càng thích lối sống trong Nam.

— Vì thế, mà nay về già, cụ được toại nguyện!» Người bạn Khoa học, cũng là người Bắc, vừa cười vừa nói. Rồi anh tiếp, sau mấy giây nghĩ ngợi. «Tôi cũng thích cái lối sống hồn nhiên của đồng bào trong này. Nhưng ta phải nhận rằng nay có khác xưa. Cũng đã có ít phần kiểu cách, trọng cái bề ngoài.» Anh đưa li lên môi, giọng

nửa đùa nửa thật: «Kết quả của sự di cư gần triệu đồng bào miền Bắc chúng ta đây!»

Và đang ở Chợ-Lớn, chúng tôi nói đến người Tàu, đến tài kinh doanh của họ. Tên Bạch-Thái-Bưởi được nhắc đến. Mắt chủ nhà như sáng lên.

— Họ Bạch quả là một bậc kì tài trong nghề kinh doanh. Chỉ có ông ta là người Việt độc nhất dám đứng lên tranh đấu với họ, và đã thắng họ.

— Cụ biết Bạch-Thái-Bưởi?

— Tôi từng làm việc với ông ta, nhưng không trực tiếp hẳn. Khoảng 1920-21 ông chủ trương «*Khai hóa nhật báo*», chuyên về văn chương và xã hội, tôi được mời vào bộ biên tập.

— Tờ báo ấy sống lâu không, cụ?

— Được bảy, tám năm. Tôi vì sức khỏe nên chỉ cộng tác nửa chừng.

Chúng tôi hỏi về con người của Bạch-Thái-Bưởi.

— Tôi quý ông ở hai điểm này: chạy theo tiền, nhưng không lụy vì nó, và biết trọng khách văn chương. Ông ở Hải-Phòng, một tuần lên Hà-Nội một ngày, xem xét sổ sách, sắp đặt kế hoạch, không phút nào rảnh tay. Có những nhà tài mạt, ta có, Tây có, đến thăm, đều phải đợi; ông giải quyết công việc đâu đó xong xuôi rồi mới tiếp. Còn tôi, đưa thiệp rồi, là được mời ngay vào. Đối với những bạn quen mà tôi biết, cũng thế. Câu chuyện lúc nào cũng niềm nở. Nhiều khi, ông mời ăn cơm tối để có nhiều thì giờ đàm luận. Phải nói rằng ông đã lấy mắt xanh mà đãi con nhà cầm bút vậy.

Qua chuyện báo chí. Có lẽ cụ là người nhập tịch làng văn làng báo và nổi tiếng sớm nhất, trong lớp các nhà cầm bút có tuổi hiện còn sống. Cụ đã có thơ, văn đăng trên *Đông-Dương tạp chí* do Nguyễn-Văn-Vĩnh chủ trương, từ năm 1913. Cụ cũng thuộc vào số ít nhà văn đã cộng tác với báo chí khắp ba kì thời tiền chiến. Ở Bắc thì, sau *Đông-Dương tạp chí*, là : *Trung-Bắc tân-văn*, *Nam-phong tạp chí*, *Hữu-thanh tạp chí*, *Khai hóa nhật báo*, *Đông-Pháp thời báo*, *Thực nghiệp dân báo*, *Hà-thành ngọc báo*, *Đông Tây tuần báo*, *Đông Tây tiểu thuyết*, *Vệ nông*, *Văn học tạp chí*, *Nhân loại*, *Pháp-Việt tạp chí*... ; ở Trung là : *Tiếng dân*, *Phụ nữ từng san* ; ở Nam, là : *Đuốc nhà Nam*, *Việt-Nam*. Và những năm gần đây, cụ viết cho *Bách khoa*, *Văn hoá nguyệt san*, *Văn đàn*...

— Cụ « duyên nợ » với báo nào lâu nhất ?

— Với *Đông-Pháp thời báo* ; tôi giúp báo này suốt bảy, tám năm.

— Trong nghề làm báo, cụ có giữ kỉ niệm nào hay hay chăng ?

— Trong lúc tôi cộng tác với tờ *Khai-hóa*, có nhiều anh em trẻ tuổi thích nghề, tìm đến tôi để nhờ chỉ vẽ trong bước ban đầu. Một số các bạn trẻ ấy (nay thì đã trên năm mươi) sau này trở nên kí giả lành nghề, hoặc văn nhân, học giả nổi danh, hiện còn sống ở bên kia cũng như ở bên này. Hồi tưởng lại cái thuở cùng các bạn ấy quây quần bên nhau là một kỉ niệm êm ả nhất đối với tôi.

— Cụ viết báo, làm báo cho người đã nửa thế kỉ, từ Bắc, vô Trung, vô

Nam, chẳng hay có lúc nào cụ làm chủ một tờ báo không ?

Một nụ cười buồn đáp lại câu tôi hỏi trước.

— Anh Ngu-Í quên rằng cách đây không lâu, tôi đứng chủ trương tờ « *Văn học tạp chí* » sao ! Bách-khoa đã sốt sắng quảng cáo giùm mà. Nhưng buồn thay, tôi chỉ làm chủ báo có một lần, và lần ấy báo ra chỉ có hai số.

— Tôi đang trí quá ! Giờ thì tôi nhớ lại rồi. Số ra mắt in xong, cụ mang lại tòa soạn Bách-khoa tặng anh em và chính cụ trao tận tôi một số, với lời đề tặng viết ngay lúc ấy. Tôi không nhớ vì sao nó lại mạng yếu thế ?

— Vì tiên thiên bất túc ! Tôi đành dùm được một số tiền, gặp một ông chủ nhà in vui lòng in chịu, lại cũng tin chắc vào lời một số người hứa giúp phương tiện, tôi cũng liêu một chuyến xem sao. Báo bán không chạy, điều này chẳng lấy gì làm lạ. Tôi không đủ tiền để cho ra số thứ ba, mà những lời hứa hẹn chắc chắn trước kia chẳng biết đến khi nào mới thực hiện, nên đành khai tử nó vậy. Bao nhiêu vốn liếng sạch sành sanh, mà còn nợ nhà in, nợ tới bây giờ, một số tiền kha khá. Cũng may ông chủ nhà in là người tốt bụng, hiểu tôi, nên tôi không mấy khổ vì cái nợ « báo » này.

— Nhưng các cơ quan văn hóa của Chánh phủ cũng mua giúp cụ ít nhiều gì chớ ?

Cụ lắc đầu.

Chúng tôi từ già bàn ăn, qua bên đi vãng đã bày sẵn bánh và trái cây



Cụ Á-Nam và các con cháu

tráng miệng. Và cũng như khi ăn, chúng tôi tráng miệng cũng chậm rãi để câu chuyện kéo dài, như trời ngoài kia đang kéo dài trận mưa thu.

— Đời làm báo của cụ, chắc kỉ niệm trên đây là buồn nhất. Nhưng cũng có kỉ niệm vui để bù trừ chớ, cụ?

Miệng cụ hơi cười.

— May thay trên đời còn có luật bù trừ! Một kỉ niệm vui, cái vui nhẹ mà thấm thía. Vợ một bạn đồng nghiệp xấu số, bà Phương-Lan...

— Có phải bà Phương-Lan, vợ nhà viết báo Bùi-Thế-Mĩ?

— Vâng. Bà Phương-Lan đã chép cho mười mấy bài báo tôi viết cho mấy tờ báo trong Nam, hai mươi mấy năm về trước. Một ít vang bóng thời xưa nhờ những « chứng nhân » này mà sống lại.

Nói xong, cụ vói lấy bình thuốc Lào, rít một hơi dài. Làn khói trắng thong thả tan, như chiều quyến luyến.

— À rồi Khai-Hóa sang Hữu-Thanh, cùng cụ Ngô-Đức-Kể tôi có viết một số bài đã kích Phạm-Quỳnh, cùng một ý kiến với các ông Phan-Khôi, Lê-Dư, gây được ảnh hưởng lớn.

Rồi câu chuyện bắt sang chuyện kể ở, người đi. Tôi sực nhớ tới một nhân vật văn chương đã ra đi của cụ, mà cái tên chung thông thường bỗng một thời hóa ra cái tên riêng lịch sử. Nhân vật này chỉ là một cái giá để tác giả máng lên cái áo, hay là vốn bằng xương bằng thịt?

— Năm 1921, cụ « *Tiến chân anh Khóa* » (1), ba năm sau, cụ lại « *Mong anh Khóa* », (2) rồi sau đó cụ lại « *Gửi thư cho anh Khóa* » (3). Chẳng hay « anh Khóa » ấy sau có về lại quê nhà?

— « Anh Khóa » có về.

— Thế « anh Khóa » còn sống?

— « Anh ấy » đã chết năm 1945. Bị Pháp thực dân giết!

Thì ra « anh Khóa » có thật. Biết bao người (trong đó có tôi) cứ nghĩ rằng đó là một nhân vật tưởng tượng.

Cụ lại rít một hơi thuốc lờ, rồi mơ màng theo khói thuốc.

— Bài thơ « anh Khóa » đầu tiên, tôi làm sau buổi tiễn chân một anh bạn xuống tàu đi ngoại quốc. Cảm hứng đến khi tôi thấy anh buồn ra mặt, vô cùng quyến luyến anh em. . .

— Hẳn người bạn ra đi này cũng vì việc nước non?

(1) Trong « *Duyên nợ phù sinh* », quyền.

(2) Trong « *Duyên nợ phù sinh* », quyền II.

(3) Trong « *Bút quan hoài* », quyền I.

Cụ cười nhẹ :

— Nếu «anh ấy» ra đi vì việc riêng, thì làm sao có người làm thơ tiễn chân, rồi làm thơ mong, rồi làm thơ nhẩn. . .

Giọt mưa thu đều đều rơi ngoài hiên như cổ tình mời người quay về dĩ vãng. Giọng tác giả « Vội sơn hà » trầm tại :

— Nhắc đến «anh Khóa», tôi lại nhớ lại chuyến đi vào Nam năm ấy, năm 1928 hay 1929. Suốt Bắc, Trung, Nam, nơi nào cũng có bóng anh. Thuở ấy, đường sắt Sài-Gòn — Hà-Nội chưa thông, phải đi từ chặng. Mà mỗi chặng xuống tàu hỏa, lên ô tô, hay xuống ô-tô, lên tàu hỏa, là mỗi lần tôi được dịp cảm động đến muốn rơi nước mắt. Vinh, Đông-Hà, Huế, Đà-Nẵng, Qui-Nhơn, Nha-Trang, rồi Sài-Gòn. Chỗ nào, tôi cũng nghe người ta ngâm thơ « anh Khóa». Người hành khách trên toa, chú tài xế xe hàng, người hát dạo ở sân ga, anh em phu phen đang làm đường xe lửa. Sung sướng nhất là khi vào Sài-Gòn, « đất thuộc địa », nơi đồn có nhiều ông «Annam—Tây», tôi tình cờ nghe « anh Khóa » được ngâm vang từ tầng thứ ba một nhà lầu nọ. Tôi còn nhớ ở ga Đà-Nẵng, khi mua vé, trình giấy tờ, thấy xếp ga thấy tên tôi, tỏ ra vồn vã, bán vé gấp cho hành khách, rồi mời tôi vào phòng riêng, đãi nước, tỏ lòng ái mộ. Thầy lại đưa tôi lên tàu, chúc cuộc Nam du được như nguyện. Thời Pháp thuộc, lính xét căn cước dọc đường thường tỏ ra hách dịch, khó thương, thế mà khi họ nhìn thấy tên tôi, họ đổi đãi khác. Cũng trong chuyến vào Nam này, tôi được biết một tin làm tôi

vừa vui lại vừa buồn. Đó là tin có người vì quá thích văn, thơ của tôi mà thường đọc, ngâm lớn tiếng, do đó mà bị bắt hỏi và bị tù.

— Cụ có thể cho biết vì sao mà « Anh Khóa » được truyền tụng nhanh chóng và sâu rộng thế ?

Cụ nghiêng nghiêng cái đầu mới bạc sơ sơ :

— Tôi thấy có ba lí do. Một là lời thơ dễ hiểu, cảm kích người đọc người ngâm. Hai là điệu hát du dương, dễ hát. Ba là nó ra đời hợp với thời với thế.

Rồi cụ như sực nhớ ra :

— Tôi làm «Anh Khóa» vào 1919 sau khi tiễn đưa một người bạn xuất dương. Đến năm 1921 nó mới ra mắt đồng bào trong quyển *Duyên nợ phù sinh* thứ nhất.

Cụ đứng dậy, lấy trà, pha.

Tôi nói đùa một câu :

— Giá sử thời ấy có ai các cơ gửi thư cho cụ mà đề bì : *Tác giả « Anh Khóa ơi ! » ở Việt-Nam*, chắc thư cũng tới tay cụ,

Cụ mỉm cười :

— Điều đó, chẳng biết sao. Nhưng lúc bấy giờ, tôi có một bức thư ở ngoại quốc gửi về, với địa chỉ như sau ở phong bì :

Á-Nam Trần-Tuấn-Khai

Hà-Nội

Trà đã được chủ nhân thận trọng rót ra tách nhỏ. Chúng tôi thông thả nhấp. Chánh trị được nói đến. Tôi chẳng bỏ qua cơ hội.

— Thơ văn cụ chan chứa tình yêu nước thương nòi cùng tư tưởng ái quần, tự lập. Gọi đàn bằng chữ nghĩa, cụ cũng có lần tham gia hoạt động ?

Thấy cụ không vội trả lời, tôi nói tiếp :

— Tôi muốn hỏi cụ chắc cũng có lần hoạt động chánh trị, như một số nhà báo thời 1930-45 ?

Cụ lắc đầu nhẹ nhẹ, tôi dường như bắt gặp một thoáng tươi cười trong đôi mắt già mệt mỏi :

— Năm 1924, tôi cho in *Hồn tự lập* quyển đầu. Sáu ngày sau, sách bị cấm, nhưng ba ngàn quyển in, đã bán hết trong thời gian ngắn ấy. À, tôi lại nhớ một chi tiết vui vui. Nhà xuất bản Long-Quang trước đó xem bản thảo, nói với tôi : «Tôi in quyển này cho ông anh, rồi có ở tù cũng cam.» Sau đó, ông không bị ở tù, nhưng bị đòi hỏi lời thôi. Hai anh biết tại sao nhà cầm quyền Pháp cấm sách đó chẳng ? Trong sách này, tôi thuật cuộc tranh đấu của Thánh Cam-Địa chống người Anh, phê bình và cổ động thuyết bắt bạo động, bắt hợp tác. Nếu hiểu dùng cây bút để gọi tình yêu nước, nghĩa hợp quần, nỗi thiết thòi của người dân bị trị, khích động lòng người và cổ động một lối chống đối... tiêu cực, cũng là một cách làm chánh trị, thì tôi có làm chánh trị đó. Còn như hiểu làm chánh trị là vào đảng này, mặt trận nọ, mùa may ở nghị trường, thì quả là tôi không làm chánh trị. Lúc ấy, các ông Phạm-Quỳnh, Nguyễn-Bá-Trác có đến rủ tôi vào quan trường với các ông để giúp nước giúp dân,

nhưng tôi từ chối, lấy cớ là con người tôi không hợp với nghề làm quan, và tôi đã có cách giúp dân giúp nước bằng ngòi bút. Đó là thời Pháp thuộc đang thịnh. Khi Pháp suy, Nhật đến, chúng tôi có một nhóm anh em nặng lòng vì vận nước, thường gặp nhau để trao đổi ý kiến. Lúc bấy giờ, người Nhật sắp sửa bạo hành để hạ người Pháp. Một nhân viên của tòa đại sứ Nhật quen biết tỏ ý muốn tôi cho hắn danh sách anh em trong nhóm để hắn tiếp xúc riêng, bàn việc hợp tác. Tôi từ chối làm việc này và từ chối hợp tác với họ, chỉ giới thiệu vài người và thẳng thắn bảo hắn : «Các ông không thành tâm. Chúng tôi yếu đuối sẽ chết, đã đành, mà các ông mạnh mẽ rồi cũng chết !» Sau hắn tìm đến các ông Trần-Trọng-Kim, Vũ-Đình-Di..., các ông này nhận lời.

Tôi không ngăn được ý nghĩ này, thốt ra lời :

— May mà cụ không giúp nước giúp dân theo kiểu Phạm-Quỳnh, Nguyễn-Bá-Trác, cũng không bắt tay với con cháu Thái-Dương thần nữ để mưu cầu sự thịnh vượng chung cho cả miền Đông-Nam-Á, như Trần-Trọng-Kim, Vũ-Đình-Di, chớ không thì có lẽ cụ cũng không còn như bốn nhà văn nhà báo nói trên. Thì làm gì có buổi hôm nay.

Người cha để «Anh Khóa» chỉ mỉm cười, không đáp.

Tôi hỏi cụ về tác phẩm.

— Tác phẩm đầu tay của tôi ra đời năm 1921, đó là thi phẩm *Duyên nợ phù sinh*, I còn có tên là «Kim sinh lục». Năm 1923, tiếp đến *Duyên nợ*

phù sinh, II và tiểu thuyết *Gương bể dâu*, I. Năm 1923, quyển *Tam tự kinh chú giải*. Năm 1924, quyển *Bút quan hoài*, I (quyển này được tái bản nhiều lần, lần cuối vào năm 1957) và *Hồn tự lập*, I. Hai quyển này có một số phận không may. Số là cụ Sào-Nam bị bắt ở Trung-Hoa và bị đem về giam ở Hỏa lò Hà-Nội, toàn quốc đều sôi nổi, dân khí bừng cao, các thi văn ái quốc càng được thưởng thức, truyền tụng; *Bút quan hoài* và *Hồn tự lập* đã góp phần trong việc gây ảnh hưởng sâu rộng trong các tầng lớp đồng bào, nên bị thực dân ra lệnh cấm tàng trữ và lưu hành trong nước. Cũng năm 1924, tôi cho in bản dịch bộ *Thủy hử diễn nghĩa*, có phần phê bình. Bộ này được tái bản ba lần. Năm 1927, hai quyển *Bút quan hoài*, II và *Hồn tự lập*, II ra đời (lược thuật và phê bình về hành động của ba nhà nữ cách-mạng nước Nga vào hồi cuối Uy-Liêm đệ mấy, tôi quên mất). Sau đó là các quyển *Ngụ ngôn tập đọc* (tôi viết theo đồng thoại của ta, ở cuối mỗi bài, có lời phê bình nói đến thời thế). *Viết sử tứ tự*, *Hồn hoa* (tiểu thuyết dịch của Từ-Trẩm-Á). *Mạnh-Tử chú giải*, *Đông-Chu liệt-quốc*, *Hồng-Tú-Toàn*, *Hồng-lâu-mộng* cùng nhiều tiểu thuyết Trung-Quốc có giá trị dịch đăng trên các báo.

— *Hồng-lâu-mộng*, cụ đăng ở báo nào và đăng có trọn không?

— Đăng ở báo « Đông-Pháp » trong hai tháng. Tôi dịch cả thơ trong ấy nữa, nhà báo thấy truyện quá dài, lại còn « thơ thần » nữa, nên không đăng tiếp.

Cụ ngắm nghĩ một hồi rồi nói :

— Trong đời văn của tôi, tôi nhớ nhất là năm 1932, vì năm ấy, quyển « *Sách chơi xuân* » (năm nhâm-thân) chào đời, có nhiều bài bị nhà cầm quyền cho là có ý muốn « phá rối cuộc trị an » ; soạn giả bị tổng giam vào Hỏa lò Hà-Nội mất mấy tháng, mà nhà xuất bản cũng cùng chung số phận.

« Từ đó, tôi như bị trừ. Bài đăng ở báo nào, hễ thấy kí tên tôi, là bị làm khó dễ, bị kiểm duyệt gắt gao. Các nhà xuất bản vì thế mà ngại ngừng in tác phẩm của tôi. Hồi này tôi cũng có dịch một số khá nhiều về Đường-thi và Cổ-văn, định cho xuất bản, nhưng rút cục không in ra được.

« Đến năm 1936, tôi xuất bản quyển *Với sơn hà*, I ; quyển II mãi đến năm 1949, mới chào đời được, nhưng đó chỉ là một số ít nhiều thơ văn hoặc cũ hoặc mới mà tôi mới sưu tầm lại được.

— Tôi nhớ mang máng dường như trong khoảng 1934-35, cụ có viết một bộ tiểu thuyết kiếm hiệp thì phải.

— Anh nhắc tôi mới nhớ. Đó là bộ *Thiên-Thai lão hiệp*. Tôi lợi dụng phong trào kiếm hiệp thời ấy mà đưa ra những hân vật dị kì, cổ quái để hấp dẫn độc giả, nhưng cốt ý là để cổ xúy cách mạng. Điều đáng tiếc nhất là hồi 1946, Hà-thành nổi biến, tôi mang được một rương đựng đầy bản thảo thơ văn cùng gia đình đi tản cư ba, bốn chỗ, sau mới về ngụ ở làng Sơn-Lộ, phủ Quốc-Oai, tỉnh Sơn-Tây thì rủi bị quân Pháp tới nơi đốt phá tan tành, không còn sót được một mảnh chữ nào !

— Trong khoảng đất nước có nhiều biến cố lịch sử, như thời 1930-31,

1945, chẳng hay cụ có sáng tác thơ văn gì đăng báo, để đánh dấu hai thời ấy chăng?

— Quyển « Sách chơi Xuân nhâm thân » của tôi, gần như là một quyển nhật kí, ghi những biến cố của thời đầu, nên sách bị tịch thu và tôi cùng nhà xuất bản bị bắt. Còn thời sau, khi Nhật đảo chánh Pháp, tôi được biết dã tâm của người Nhật, nên chỉ làm mấy áng văn buồn; kể cuộc toàn dân chỗi dậy, tôi có mừng vì người mình làm chủ nước mình, song tình hình lúc ấy chưa ổn định, báo hiệu những việc đau lòng, nên tôi chẳng viết được gì cả.

Tôi hỏi về tác phẩm viết xong mà chưa xuất bản; cụ cho biết hiện có năm bản thảo, trong đó có cuốn soạn xong từ 1948.

Trong câu chuyện, việc dịch thuật được đề cập đến.

— Mấy năm trước, tôi giúp việc vừa ở nhà Văn hóa, vừa ở sở Tu thư dịch thuật, cứ một ngày ở nhà, một ngày ở sở. Việc làm của sở được Mi viện trợ; sự viện trợ này có từ bao giờ, tôi chưa rõ. Thấy sở lo dịch sách Anh, sách Pháp và in sách cho hai bậc Trung học và Tiểu học, tôi mới bàn với ông Nguyễn-Khắc-Kham: dân tộc ta có một kho tàng quý báu, sao ta lại cứ để chôn vùi, đó là những điều ông cha ta đã nói, đã làm, đã cảm nghĩ, đã nhận xét ghi lại trong các tác phẩm viết bằng chữ Hán, mà con cháu không biết gì đến, thì thật là đáng trách. Mà sở người cựu học chân chính cứ mỗi ngày mỗi ít. Vậy ta nên bắt tay vào việc, sớm ngày nào hay

ngày ấy. Lại còn một điều rất ư vô nghĩa: Mi viện trợ mỗi năm mười mấy triệu, sở dùng không hết phải trả lại! Thật là chớ củi về rừng, trong khi mình còn biết bao gia đình chịu lạnh. Ông Kham đồng ý. Việc dịch sách Hán bắt đầu từ đó.

— Sách dịch, sở làm sao tìm đủ?

— Mượn phim của trường Bác cổ Viễn-Đông. Trường này có chụp lại khoảng ngót ngàn bộ sách chữ Hán. Sở cử một ủy ban xét xem những bộ nào nên dịch trước. Ủy ban chọn được lối mấy chục bộ.

— Khi chọn, ủy ban có nghiêng về một loại sách nào không, tỉ như loại địa lí sử kí chẳng hạn.

— Cái đó thì không. Sách chọn dịch gồm gần đủ các loại: sử, địa có mà kí ức, văn học cũng có, có cả sách thuốc nữa.

— Còn về người dịch?

— Tôi phải đích thân tìm đến các nhà Nho quen biết, lấy điều công ích mời họ giúp cho một tay. Hầu hết anh em nhà Nho này đều có tuổi và chẳng dư giả gì. Dịch một cuốn sách, mất từ sáu tháng đến một năm. Mà công việc cũng nhiều khê lắm. Dịch thử độ hai mươi trang, rồi một ủy ban xét, được thì mới được sở nhờ dịch trọn quyển. Mà ông biết, gặp những chỗ bản chánh in sai, chép thiếu... người dịch phải cân nhắc để cố đoán ra nguyên tác. Bỏ công sáu tháng hoặc một năm, rồi mượn đánh máy làm bốn bản để nạp cho sở, để sở trình lên bộ duyệt ý, mà đến nay có người chết đã xanh cổ mà chẳng lãnh được đồng nào.

— Tại sao có điều này, cụ ?

— Sách đã in, thì dịch giả có tiền nhuận bút. Còn sách duyệt rồi, nhưng chưa in, thì dịch giả đành đợi vậy.

Tôi cười :

— Và đợi cho đến chết mà vẫn còn chờ . . .

Thấy cụ mãi mân mê cái tách, tôi hỏi :

— Năm rồi, cụ thôi giúp việc ở sở Tu thư dịch thuật, có phải vì cụ còn gặp nhiều khó khăn khác ?

Cụ không ngăn được một tiếng thở dài :

— Vì tôi bị tiếng không hay. Có người đồn tôi ăn tiền đầu trong việc này. Thật ra khi đảm nhiệm nó, tôi nào có quĩ đến quĩ đồ gì, mà phải xuất tiền túi để tìm người dịch và đãi trà nước anh em...

Phải chăng bởi người xưa đã nói : dịch là phản, mà ngày nay, hỏi đến việc dịch, nó chẳng vui gì ? Tôi ngó ngán nghĩ thế, nên bước qua địa hạt sáng tác.

— Có nhiều người muốn biết giữa sự nghiệp văn chương của cụ và môn hát ả đào, có sự tương quan gì chăng. Cụ làm thơ trước, rồi thơ cụ được giới xênh phách hoan nghinh, phổ biến, hay là cụ vì say mê... các điệu hát của ả đào, mà nguồn thơ lại lảng ?

Lần đầu tiên trong buổi trò chuyện hôm nay, tôi mới được thấy Á-Nam tiên sinh khẽ cười vui, không chút gợn.

— Nhờ anh trả lời hộ cho các bạn ấy rằng Trần-Tuấn-Khai tôi biết làm thơ lúc lên tám, nghĩa là trước khi biết thưởng thức cái thú tom, chát khá lâu ! Thật ra, tôi chẳng say mê gì riêng lối hát ả đào, mà cả ngành ca vũ nhạc cổ điển nước nhà — trong đó *chèo cổ* và *hát ả đào* là đáng chú ý nhất — vì ngành nghệ thuật này mang một phần lớn cái tinh thần đặc biệt của dân tộc Việt ta.

— Cụ đã giải thắc mắc trên của nhiều người, thì cũng xin cụ giải thắc mắc này của riêng tôi : văn thơ cụ hầu hết đều chứa đựng những tư tưởng ái quốc ái quần, chẳng hay đó là do thời thế gây nên hay bởi nếp nhà hun đúc ?

— Thời thế có, mà nếp nhà cũng có. Thân phụ tôi vốn đậu cử nhân, có óc duy tân, không xuất chính. Kịp khi Đông-Kinh nghĩa thực tan, người ở vào cái thế : không ra làm quan thì bị bắt. Do đó, người dạy các con thấm nhuần tình yêu tổ quốc và tinh thần chống đối quân ngoại xâm.

Tôi tỏ ý muốn biết nguyện vọng của cụ.

— Bạn cứ đọc bức thư nói về « *Cá nhân tự lập* » in trang đầu tập *Bát quan hoài* của tôi thì sẽ rõ... Không lớn lao gì, nhưng mà chưa biết bao giờ thực hiện được. Thấy « *Á-Nam thi văn toàn tập* » ra đời, tái bản bộ *Thủy hử*. Bốn mươi năm qua, kể từ khi bộ truyện một trăm linh tám anh hùng Lương-Sơn-Bạc được in lần đầu, mà nay ngẫm lại bài tôi đề tác phẩm này, vẫn còn thấy thú.

Cụ nhướng mắt lên. Người cụ như trẻ lại :

« Tai mắt tìm gan đứng cỏi đời,

« Không duyên cũng nợ núi sông chơi.

« Còn vàng máu đỏ, còn nhân loại.

« Đâu lẽ khoanh tay chịu mặc Trời ?

« Mở gương thân cổ mà coi,

« Anh hùng liệt nữ những ai đó mà ?

« Đò phen gió táp mưa sa,

« Cò cây ai chuyển, sơn hà ai xoay ? »

« Ngoài bài đề, tôi thích những lời chú bằng văn vần. Tôi còn nhớ mấy câu :

« Làm trai sướng nhất ba điều,

« Một là thân thể riêng chiều tự do.

« Hai là giết hết quân thù,

« Đem gan nghĩa hiệp đèn bù núi sông... »

Tôi đợi chờ cái « Ba là » chẳng thấy đến. Người văn nhân bảy mươi tuổi tác còn đen nhiều ấy bỗng ngừng ngang. Sao tôi không cho rằng bậc đàn anh đáng trọng của mình đã quên, mà lại nghĩ rằng người cảm thấy giờ đây, việc mình, việc nhà, việc nước, việc nào cũng ở trong cái thế

Bề nào thì cũng chẳng yên bề nào !

Trung-Thu năm Rồng 64

NGUYỄN-NGU-Í

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO HIỂM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
VIÉNTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

Tập tục

của người Hồi Giáo

● DOHAMIDE

Có nhiều người, gộp chung số vợ lại thì thấy từ khi mới sanh cho đến lúc chết, tính ra cứ một tháng là đã cưới được một người vợ ! Trước tình trạng đó, Hồi-giáo luật đã ấn định **Số vợ tối đa** cho mỗi người . . .

(xin xem B.K. từ 181)

II. — Gia đình người Hồi Giáo

Gia đình là một tổ hợp nguyên thủy và thiết yếu của xã hội Hồi-Giáo.

Một cuộc hôn nhân mục đích sanh sản nhiều dượng như đã thành một nghĩa vụ tôn-giáo đối với tín đồ Hồi-Giáo. Tình trạng độc thân, nếu kéo dài, bị xem như có tính cách bất thường, không thể chấp nhận được. Do đó, khi chọn cử những vị *I-mâm*, tức người đứng ra điều khiển những buổi cầu

nguyện (*sgo-lah*) tập thể tại các Thánh Đường, người ta thường nhắm vào những người đã có gia đình vì cho rằng chỉ những người này mới được chín chắn hơn, và tinh thần ít bị giao động hơn.

Mọi cuộc giao hợp, ngoài vòng hôn nhân gọi là *Zi-nah*, bị xem như là một trọng tội, một điều xấu xa, khả ố (1) khả trừng.

(1) Cur-An, Xu-Rat XVII, a-yat 32.

Trong Hồi-Giáo, không phải cá nhân, mà là gia đình, hợp thành cái thể chánh yếu của Giáo luật. Trong gia đình, ý chí cá nhân đành chịu khuất phục trước ý chí của người chủ gia đình. Người đàn ông chủ gia đình có quyền tuyệt đối với vợ và con cái, dù con cái đã lớn khôn rồi cũng vậy.

Gia đình Hồi-Giáo là một hiệp hội tự nhiên và khi nhắc nhở, người ta thường liên tưởng đến những « *ha-rem* » với rất nhiều người đàn bà, những hầu thiếp. Khi người cha mất đi, một « *ha-rem* » khác được thành lập, không liên hệ đến « *ha-rem* » vừa tan rã. Do đó, quan niệm về *họ* ở đây có lẽ không ích lợi chi cho lắm. Mỗi cá nhân mang một cái tên, theo sau là tên của người cha. Thí dụ :

XU-LÂY-MAN bin A-BU TA-LIB tức là Xu-Lây-Man con của A-Bu-Ta-Lib.

Cách đặt tên này đủ để đảm bảo một sự đồng nhất có tánh cách cá nhân, tương ứng với thời gian tồn tại của một nhóm gia đình, Hồi-Giáo, nhưng trên thực tế, có vẻ không phù hợp với quan niệm về *họ*, truyền thống của Việt-Nam hoặc Trung-Hoa. Cho nên thể theo đề nghị của một Đại Biểu gốc Trung Hoa trong phái đoàn Mã-Lai-Á là Haji IBRAHIM MA, Hội nghị Địa Phương Hồi-Giáo Đông-Nam-Á và Viên Đông hợp tại Kuala Lumpur hồi tháng 2 năm 1964 vừa qua đã quyết nghị cho phép những người Trung Hoa nhập Hồi-Giáo, trong

khi lấy tên Hồi-Giáo, vẫn có thể giữ lại *họ* của gia đình mình.

Gia đình Hồi-Giáo thành lập do liên hệ thân tộc bên người đàn ông tức bên nội, nhưng trên chi tiết của cuộc sống, phụ quyền, trong một giới hạn nào đó, bị chia xẻ và người vợ trên nguyên tắc, được có một sản nghiệp quyền riêng, không sáp nhập vào của chồng.

Người ta giải thích tư cách ưu thế về chủ thể Giáo luật của người cha trong gia đình, chính là vì lợi ích xã hội, trong khung cảnh an ninh không được ổn định của xã cổ. Cá nhân có sứ mạng bảo đảm trật tự nội bộ của gia đình, chống mọi cuộc gây hấn từ bên ngoài, nên cần một tư cách pháp nhân đầy đủ hơn cả.

Tìm hiểu định chế gia đình Hồi-Giáo, người ta thường nhắc đến gia đình của vị đã khai sáng Hồi-Giáo : *Na-Bi Muhammad*.

Như đã biết, vào năm 25 tuổi, trước khi thọ nhận sứ mạng, thiêng liêng, đề cao uy danh Thượng-Đế trong nhân loại, *Muhammad* đã cưới một góa phụ giàu có tên *Kho-Đi-Giah*, lớn hơn *Muhammad* đến 15 tuổi, nhưng đã tỏ là một người đàn bà đảm đương, cùng với *Muhammad* chung hưởng những vui buồn, qua những thử thách gian nan, xây dựng nền tảng Islam trong buổi đầu.

Cuộc chung sống này kéo dài 25 năm, thì *Kho-Đi-Giah* qua đời.

khiến Muhammad như mất một nguồn khích lệ quan trọng và từ đó Muhammad đã cưới một số vợ nhưng dường như không có người vợ nào có đủ đức tánh kiên nhẫn xứng đáng thay thế *Kho-Đi-Giah* được.

Trước hết, Muhammad cưới một góa phụ tên *Sâu-Đah*; cuộc hôn nhân này không đem lại cho Muhammad nhiều hạnh phúc và *Sâu-Đah* đã xin Muhammad giữ tước vị «vợ của Thiên Sứ» cho đến ngày phán xử sau cùng. Muhammad chấp thuận nhưng ngược lại, *Sâu-Đah* phải nhường tất cả tình âu yếm cho *Ây-Sah*, người mà Muhammad chọn làm bạn đời, sau đó.

Sách chép rằng Thiên Thần *Ji-Bro-Ên* (Gabriel) có lần đã trình *Ây-Sah* với Muhammad, lúc *Ây-Sah* còn bé và đã cho biết *Ây-Sah* sẽ là người vợ xứng đáng thay thế *Kho-Đi-Giah*.

Ba mươi ngày sau khi cưới *Sâu-Đah*, Na-bi Muhammad làm lễ hỏi *Ây-Sah* điều khiến *A-Bu Ba-Kar*, là cha của *Ây-Sah*, rất đỗi ngạc nhiên, vì tuổi tác giữa *Ây-Sah* và Muhammad quá cách biệt. Nhưng theo ý của Na-Bi *Ro-Xôn*, *A-Bu Ba-Kar* rất vui mừng chấp nhận lời cầu hôn này.

Ba năm sau, Muhammad đi *Ma-đi-nah* và đã cử hành hôn lễ với *Ây-Sah* tại đây.

Tuổi trẻ của *Ây-Sah* đã tạo ra nhiều giai thoại về cuộc sống chung với Muhammad, được ghi lại trong

ha-dit, có nhiều điểm liên hệ đến Giáo luật được người Hồi Giáo tuân hành cho mãi đến ngày này.

Muhammah rất mực yêu thương và chiều chuộng *Ây-Sah*. Sách chép rằng nhân tháp tùng một cuộc xuất chinh, *Ây-Sah* trên đường về, đã làm rơi xâu chuỗi đeo ở cổ, khiến cả đoàn người phải ngừng lại cùng nhau tìm kiếm.

Thời gian thấm thoát qua mau, mọi người vừa tìm, vừa lo sợ, vì không mấy chốc đã đến giờ cầu nguyện (*sgo-lah*) rồi, mà lại đang ở giữa sa mạc mênh mông như thế thì không thể nào kiếm đâu ra nước để tẩy-thề theo đúng nghi thức quy định.

Chính trong dịp này, Muhammad đã truyền chuyển lời phán của Thượng đế quy định thề thức tẩy thề, trong trường hợp không có nước: dùng cát (2).

Dù tình cảm đối với *Ây-Sah* rất đậm đà, Na-Bi Muhammad tiếp đó vẫn cưới thêm một người vợ nữa và lần này là con gái của viên hầu cận *U-Mar*, tên *Haf-sgho*, một góa phụ còn trẻ, nhưng không đẹp. Do đó, người ta nói rằng cuộc hôn nhân này có dụng ý thắt chặt thêm tình thân hữu với *U-Mar* nhiều hơn, vì chính *U-mar* sau này đã tích cực góp phần lớn công lao vào sự nghiệp phát triển Hồi-Giáo trên đất A-Rập.

Vào năm 4 Hồi Lịch, một cuộc hôn nhân thứ 5 đã tác hợp Muham-

(2) BU-KHO-RI, quyển 1, trang 51.

mad với *Um-Sa-La-Mah*, vốn là một góa phụ của một chiến binh Hồi-Giáo đã chết vì Đạo.

Một ít lâu sau, Muhammad lại cưới thêm *Um-Ha-Bi-Bah*, góa phụ của một người nghiện rượu, ngụ tại *Xy-Ri* và là con của một vị lãnh đạo một Tộc Đảng đối lập với Muhammad thời bấy giờ. Cuộc hôn nhân này đã giúp Muhammad kết nạp được thêm một lực lượng đáng kể.

Năm 5 Hồi Lịch, một lễ cưới đặc biệt ngoại lệ, ảnh hưởng lớn lao đến thân phận người đàn bà trong xã hội Á-Rập.

Nguyên trước đó, Muhammad đã cưới cho đứa con nuôi tên *Zêđ*, một người vợ tên *Zây-Nab*.

Ha-đít nói rằng một ngày nọ, Muhammad đến thăm viếng *Zêđ* tại nhà, nhưng *Zêđ* đi vắng và *Zây-Nab*, vợ của *Zêđ* đã ra tiếp.

Muhammad không vào và đã quay về nhà, nhưng có cái gì xui khiến làm luôn luôn nghĩ đến *Zây-Nab*.

Olloh, trong một lời phán truyền, đã trách Muhammad tự dối lòng và che giấu tình cảm thực sự. Sau đó, *Olloh* đã cho phép Muhammad cưới *Zây-Nab* (3).

Để thực hiện quyết định này, *Zêđ* phải rẫy vợ, và tạo thành một tập tục Hồi-Giáo. Tuy nhiên, tập tục này, trên thực tế, rất ít có người noi theo và người Hồi-Giáo các nước vẫn xem trường hợp này chỉ riêng cho Na-Bi Muhammad mà

thôi. Mọi người đều xem như là không có quyền cưới một người đàn bà, trước đã là vợ của đứa con nuôi của mình, dù người đàn bà đó đã bị bỏ rồi cũng vậy.

Na-bi Muhammad còn cưới vài người vợ nữa, nhưng những người sau này không mấy gì ảnh hưởng đến định chế pháp lý của Hồi-Giáo.

Sau một cuộc chiến, Muhammad đã cưới một góa phụ của một chiến binh chết trong hàng ngũ Muhammad. Góa phụ này cũng tên *Zây-Nab*, đã sống với Muhammad tám tháng và đã mất vào khoảng 30 tuổi.

Sau một trận chiến khác tại *Mo-Ray-Si*, Muhammad cưới một người nô lệ trẻ tên *Djo-Wai-Riah* và nhân đó, đã giải phóng cho cha mẹ của người này.

Sau trận chiến *Khây-Bar*, Muhammad cưới một nữ tù binh Do-Thái tên *Sa-Phi-Yah*.

Tiếp đó, Muhammad còn cưới thêm người vợ nữa tên *Ray-Ha-Nah* và sau cùng vào năm 7 H.L., Muhammad lại có thêm một người vợ chót hết, *Mây-Mu-Nah*.

Chín người đàn bà trong gia-đình của Na-Bi Muhammad, chín người đàn bà không đồng tuổi tác, sắc đẹp chênh lệch nhau đã lưu lại nhiều chi tiết ghi trong *ha-đít*.

Nổi bật nhất có lẽ là *Ây-Sah*, trẻ, đẹp, đôi khi hay làm nũng, hờn ghen... bên cạnh một hình bóng đã khuất, một *Kho-Đi-Giah* đảm đang, nhiều kiên nhẫn.

(3) Cur-An, Xu-rat XXXIII, a-yat 37.

Thường trong Hồi Giáo, người ta xem cuộc sống *Na-Bi* Muhammad như là một gương sáng, nhưng riêng về số vợ, Muhammad cưới thì không được áp dụng chung cho mọi tín đồ.

Với tước vị lãnh đạo, *Na-Bi Rô-Xôn*, các lễ cưới của Muhammad không cần có của hồi môn, tiền đồng hoặc nhân chứng như trường hợp thông thường.

Những người vợ của Muhammad cũng vậy; những người vợ này sẽ phải ở vậy suốt đời, không thể lấy chồng khác nữa, sau khi Muhammad qua đời.

Cho đến ngày phán xử sau cùng, những người đàn bà này hoặc sẽ bị hình phạt gấp đôi, hoặc sẽ được hưởng ân lộc bằng hai người thường. (4)

Như đã có dịp trình bày, hề nói đến Hồi-Giáo, người ta hay nghĩ ngay đến chế độ đa thê với những « *ha-rem* » có cả trăm người đẹp, sống trong nhung lụa, nhưng không được giao tiếp với bên ngoài.

Sự thực, chế độ đa thê đã là một tập tục có trước rồi, trong xã hội A-Rập. Có lẽ lúc đầu, đây cũng là một biện pháp nhằm đối phó với một tình trạng xã hội hỗn độn của các bộ lạc hay xung đột nhau. Sau mỗi trận chiến như vậy, có bao nhiêu người đàn ông phải bỏ thân ngoài sa mạc và theo đó, bao nhiêu người đàn bà phải mất chồng, không nơi nương tựa.

Tuy nhiên, việc kết nạp phụ nữ vào trong một « *ha-rem* » lần hồi biến thành một thứ thời trang và người ta đi đến chỗ đo lường mức độ giàu sang của một người bằng số vợ người đó cưới được! Do đó, có nhiều người, gộp chung số vợ lại thì thấy từ khi mới sanh cho đến lúc chết, tính ra cứ một tháng là cưới một người vợ! Danh vị đặt cơ sở trên số vợ cưới được không phải chỉ là danh-vị thuần-túy, nó còn tượng trưng cho số tài-sản hiện có và nhất là một thứ quyền lực mà người ta đạt được trong xã hội.

Hồi-Giáo luật, trước tình trạng đó, đã ấn định số vợ tối đa là bốn người; và số bốn người đó được giải thích là một biện pháp hạn chế hơn là khích lệ người ta cưới nhiều vợ.

Xu-rat IV a-yat 3 Quyền *Cur-An* có nói :

سورة ٤ آية ٣
وَأَنْ خِفْتُمْ أَلا تَقْسِطُوا فِي الْيَتَامَىٰ
فَأَنْكِحُوا أَمْوَاطَابَ لَكُمْ مِنَ النِّسَاءِ
مَثْقُفًا وَرَبْعًا
فَإِنْ خِفْتُمْ أَلا تَقْسِطُوا فَرَاغُوا حِدَةً
أَوْ مَلَكَتْ أَيْمَانُكُمْ
ذَلِكَ أَذَىٰ إِلَىٰ أَلا تُعْزِلُوا

« Nếu người không sợ sẽ không
« đủ sức xử sự công bình với các
« trẻ mồ côi, thì hãy cưới những

(4) *Cur-An*, *Xu-Rat XXXIII*, A-Yat 31-32.

« người vợ chọn được, hoặc hai,
« hoặc ba, hoặc bốn người.

« Nhưng nếu người sợ sẽ không
« đủ sức xử sự công bằng với chúng,
« thì hãy chỉ cưới một vợ mà thôi
« hoặc chỉ lấy một người mà cánh
« tay mặt của người giữ được.

« Như thế mới tiện hơn và người
« mới tự ngửa được hành động bất
« công ».

A-yat Cur-An kể trên thực sự chỉ nhằm vào những trẻ mồ côi nhưng đồng thời đã đặt quy-lệ về định chế hôn nhân Hồi-Giáo.

A. Yusuf Ali (5) cho biết trường hợp *a-yat* kể trên đã được truyền xuống cho Muhammad. Đó là sau *U-hud*, khi mà cộng đồng Hồi-Giáo có quá nhiều trẻ mồ côi, góa phụ và nữ tù binh, nạn nhân của các cuộc chinh chiến. Sự đối xử với các hạng người này được chỉ hướng theo những quy-tắc nhân đạo nhất. Hoàn cảnh ấy nay không còn nữa, nhưng quy tắc lại hiện tồn với Hồi-Giáo luật.

(5) A Yusuf Ali The Holy Quran trang 179.

Hồi-Giáo luật khích lệ việc cưới những đứa con côi, nếu có chắc chắn bảo vệ được quyền lợi cùng tài sản của họ, trên căn bản công bằng đối với thuộc hạ sản có.

Đồng thời, Hồi-Giáo luật đã hạn chế số vợ của mỗi tín đồ xuống còn 4 người, nhưng với điều kiện phải đối xử hoàn toàn bình đẳng với cả 4 người về phương diện tình thương, về vật chất lẫn tinh thần. Theo A. Yusuf Ali, điều kiện bình đẳng này khó thực hiện nhất, cho nên người ta giải thích rằng đó là một khuyến cáo hướng về chế độ độc thê.

Trên thực tế, hiện trong các xã hội Hồi-Giáo các nước, chỉ còn những tiểu-vương, những đại điền-chủ..., giàu có còn giữ tập tục nhiều vợ. Tổng-Thống Soekarno xứ In-Đô Nê-Xia đạt mức tối đa quy định là bốn bà vợ !

Còn hàng thứ dân, vì lý do kinh tế, rất ít người có được nhiều vợ.

DOHAMIDE

Kỳ tới : Nghĩa vụ vợ chồng, trong gia đình Hồi-Giáo.

✱ Danh từ ! Danh từ người ta thiếu người nhân danh lòng nhân đạo, người ta đưa người lên đoạn đầu đài nhân danh tình bác ái. Trên sân khấu nhân sự, tấm bích chương gần như lúc nào cũng trái ngược với vở tuồng.

E et J de Goncruto

✱ Trong tất cả trường hợp, bạn hãy lấy vợ đi. Nếu bạn gặp một người vợ hiền, bạn sẽ là người có phước, còn như bạn gặp một người vợ chẳng ra gì bạn sẽ trở nên một nhà hiền triết, đó là điều rất tốt cho con người.

Socrate

Ba nền văn minh

tương lai của thế giới

● NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Ba loại nhu cầu – Ba loại hoạt động

Từ khoảng mười lăm năm nay, các nhà kinh tế học Âu, Mỹ thường nói đến ba loại hoạt động : Sơ đẳng, (primaire) nhị đẳng (secondaire), tam đẳng (tertiaire). Thực ra sự phân biệt như vậy đã có từ thế kỷ 18, nhưng tới sau thế chiến vừa rồi, người ta mới chú trọng tới nó, và người đầu tiên là Colin Clark một kinh tế gia người Úc

Clark đứng về phương diện thứ tự của các nhu cầu mà đặt tên. Con người cần thức ăn trước hết, cho nên nhu cầu ăn là nhu cầu sơ đẳng, rồi mới cần những đồ vật chế tạo (quần áo, nhà cửa, con dao, lưỡi cày, cái giường, cái chén ..), nhu cầu này là nhu cầu nhị đẳng ; sau cùng người ta cần có những thỏa mãn về tinh thần (học hành,

tiêu khiển, âm nhạc,...) cho nên gọi nhu cầu này là nhu cầu tam đẳng.

Tất nhiên sự phân loại đó cũng như mọi sự phân loại khác chỉ có công dụng giúp ta dễ nhìn một cách bao quát rồi dễ nghiên cứu, trình bày ; đứng về phương diện thuần lý mà xét thì nó có tính cách miễn cưỡng lắm

Rồi có người lại đứng về phương diện xã hội mà hiểu ba tiếng đó : những hoạt động tay chân ở giữa thiên nhiên : canh nông, đào mỏ thuộc về sơ đẳng ; những hoạt động tay chân ở trong nhà, trong xưởng công kỹ nghệ thuộc về nhị đẳng ; những hoạt động tinh thần (dạy học, viết sách, quản trị...) thuộc về tam đẳng.

Có người như Alfred Sauvy, đứng về phương diện năng suất mà xét : sự khai thác những nguyên liệu

thiên nhiên thuộc về sơ đẳng vì hễ càng dùng nhiều người thì năng suất càng kém đi (chẳng hạn có năm héc ta ruộng hai người cày cấy thì đủ ăn, năng suất của từng người vào mức khá, nếu có sáu người cày cấy, công việc làm kỹ hơn, sức sản xuất tăng lên nhưng ít thôi, chứ không tăng lên gấp ba được, do đó năng suất của mỗi người sẽ giảm); sự chế tạo những hóa phẩm thuộc về nhị đẳng vì năng suất nhờ máy móc cùng lối làm việc, lối tổ chức mà càng ngày càng tăng; hoạt động tinh thần thuộc về tam đẳng vì năng suất gần như không tăng không giảm (chúng ta có cách nào đâu để cho nhà giáo nhồi vào đầu óc học sinh một số tri thức gấp hai gấp ba bảy giờ, trong một thời gian nhất định nào đó).

Ông Fourastié khác hẳn những nhà trên, đứng về phương diện tấn bộ kỹ thuật mà xét. Trong bài trước tôi đã lưu ý độc giả về điểm này: Sự tấn bộ kỹ-thuật không được đều; có ngành tiến vừa vừa như ngành canh nông: hệ số tăng tiến là 9 trong 135 năm (về lúa mì); có ngành tăng tiến mạnh như ngành chế tạo hóa phẩm, ngành điện: hệ số tăng tiến là 800 (gương soi mặt) hoặc 55 trong 135 năm (soudé tinh thể) hoặc 37 trong 55 năm, (điện); có ngành không tăng tiến được mấy: hút tóc, làm găng bao tay.

Ông gọi ngành thứ nhất (tấn bộ vừa vừa về kỹ thuật) là ngành sơ đẳng; ngành thứ nhì (tấn bộ rất mau) là ngành nhị đẳng; ngành thứ ba (không tấn bộ) là ngành tam đẳng.

Ta nhận thấy thuyết của ông hơi giống của Alfred Sauvy và gồm

được cả thuyết thứ tự nhu cầu của Clark.

Do những tiếng: nhu cầu sơ đẳng, nhị đẳng, tam đẳng.

— nt — : hoạt động sơ đẳng, nhị đẳng, tam đẳng.

— nt — : ngành sơ đẳng, nhị đẳng, tam đẳng.

mà có những tiếng: sản phẩm sơ đẳng, nhị đẳng, tam đẳng.

— nt — : văn minh sơ đẳng, nhị đẳng, tam đẳng.

Sản phẩm sơ đẳng là những sản phẩm cần thiết nhất cho con người, tức thức ăn; nhưng loài người chỉ đòi hỏi những sản phẩm đó tới một mức nào thôi, nhu cầu của ta về loại đó dễ và sớm được thỏa mãn vì mỗi người chỉ có một bao tử. Không một dân tộc nào tiêu thụ mỗi người mỗi ngày quá 3.600 ca lo thực phẩm. Trung bình chúng ta chỉ cần 2.500 ca lo mỗi ngày (nếu không làm những công việc quá nặng nhọc) tới mức đó, ta không thèm ăn nữa, ăn không vô nữa, ta chán ngấy dù món ăn rất ngon, rất quý.

Mới đầu loài người chỉ cầu có lúa gạo ăn cho đủ 2500 ca lo. Khi đã đủ số lúa đó rồi mà sức sản xuất của ta còn dư thì ta kiếm những thức ăn ngon (thịt, sữa, đường, cà phê, ca cao. . .) tức những thức cho ta những « ca lo vào hạng quý » (caloric noble).

Lúc đó nếu còn dư sức sản xuất nữa thì ta tìm cách thỏa mãn những nhu cầu khác, ta muốn có những *sản phẩm nhị đẳng*: ta muốn mặc cho đẹp, muốn có xe máy, xe hơi máy dầu thanh, máy viễn thị. . . Sản phẩm loại này nhờ

sự tấn bộ kỹ thuật mà tăng tiến rất mau và sức tiêu thụ của ta cũng rất mạnh. Ăn thì mỗi ngày ta chỉ ăn được 2500 calo ; nhưng tiêu xài thì khó mà biết được thế nào là đủ : có xe đạp rồi, ta muốn có xe máy dầu, có xe máy dầu rồi, ta đòi cho được xe hơi, sau này chưa biết chừng chúng ta còn đòi có máy bay trực thăng, có hỏa tiễn nữa để lên cung trăng thăm chị Hằng...

Tuy nhiên về phương diện này « nhân dục » cũng không thể « vô nhai » được, vì mỗi ngày chúng ta chỉ có 24 giờ, trừ 11 giờ ăn và ngủ đi, trừ 8 hay 6 giờ làm việc đi số giờ còn lại để hưởng thụ cũng chỉ có hạn : ta không thể may ba bộ quần áo một ngày vì mặc sao cho hết, không lẽ treo để ngắm ; một gia đình năm sáu người cần dùng nhiều lắm là ba bốn chiếc xe hơi, một chiếc cho chồng một chiếc cho vợ, một hai chiếc cho con ; máy khâu thanh, máy viển thị nhiều lắm là đặt mỗi phòng một chiếc mà mỗi người chỉ có thể làm việc trong một phòng và ngủ trong một phòng nữa, nghĩa là số phòng cũng không thể vô hạn được.

Hiện nay, ngay ở Huê Kỳ sức sản xuất còn xa mới đạt tới cái mức thỏa mãn được hết thấy những nhu cầu nhị đẳng của mỗi người ; nhưng kỹ thuật còn tiến mau hơn nhiều nữa nhờ nguyên tử lực, nhờ máy tự động, thì rồi đây, trong một thế kỷ nữa hay sớm hơn, dân Huê Kỳ cũng sẽ chán sản xuất thêm về nhị đẳng như hiện nay họ đã chán sản xuất thêm về thực phẩm.

Lúc đó họ sẽ lo thỏa mãn những nhu cầu tam đẳng và những sản phẩm tam đẳng, hầu hết là dịch vụ, sẽ rất quý báu : ai nấy đều muốn học hành, đều muốn nghe âm nhạc cổ điển, treo những bức họa của Cord, Gauguin, Cézanne, Van Gogh, Renoir, Picasso ; có lẽ người ta còn muốn mỗi năm đi du lịch khắp thế giới một lần và ba bốn năm lên cung trăng một chuyến nữa. Về phương diện này nhân dục gần như vô nhai mà khu vực tam đẳng này lại không tấn bộ về phương diện sản xuất, cho nên còn lâu lắm, lâu lắm mới có thể thỏa mãn được.

Vậy ta có thể lập bảng dưới đây :

Sản phẩm	Thí dụ tiêu biểu	Sản xuất	Tiêu thụ	
		Tấn bộ về kỹ thuật	Mức khàn thiết	Sự thỏa mãn
Sơ đẳng	Lúa, gạo	Trung bình	Bực nhất	Mau
Nhị đẳng	Xe máy, đèn điện	Mạnh	Bực nhì	Còn xa
Tam đẳng	Giáo dục, mỹ thuật ⁽¹⁾	Yếu	Bực ba	Còn xa lắm

(1) Trong cuốn Pourquoi nous travaillons, Fourastié cho thí dụ : hớt tóc, tôi đòi lại là mỹ thuật, vì sự thỏa mãn về hớt tóc mau được thỏa mãn chứ không lâu, chúng ta trung bình hớt tóc một hai lần một tháng thôi.

Sự phân biệt ba loại sản phẩm như trên có tính cách rất tương đối : một sản phẩm có thể sắp vào nhị đẳng về phương diện sản xuất, và vào tam đẳng về phương diện tiêu thụ : chẳng hạn máy khâu thanh, máy viết thị ; lại có sản phẩm về phương diện sản xuất có thể sắp vào nhị đẳng hay tam đẳng tùy giai đoạn sản xuất : chẳng hạn trồng lúa là hoạt động sơ đẳng mà gặt lúa, đập lúa (bằng máy) là hoạt động nhị đẳng. Lại có nhiều sản phẩm sơ đẳng như trái cây có thể sắp vào tam đẳng về phương diện sản xuất vì hái trái người ta vẫn phải dùng tay chứ chưa thể dùng máy được. Sau cùng có món về phương diện tiêu thụ đương từ nhị đẳng chuyển qua sơ đẳng : như ở Huế Kỳ hiện nay sức tiêu thụ xe hơi đã đứng, gia đình nào đã có hai ba chiếc thì thôi không mua thêm nữa, nhu cầu xe hơi đã thỏa mãn rồi.

Raymond Aron (trong cuốn : Dix huit leçons sur la Société industrielle) có ý chê sự phân loại như trên của Fourastié là không phân minh vì khu vực tam đẳng không có ranh giới nhất định. Fourastié dồn vào đó tất cả những hoạt động nào không phải là sơ đẳng, nhị đẳng. Đúng. Nhưng nghĩ cho kỹ, khó có sự phân loại nào hoàn hảo được. Vả lại, ta nên tìm hiểu mục đích của Fourastié khi miễn cưỡng dùng cách phân loại đó. Mục đích đó như sau :

chứng minh có sự di chuyển trong các ngành hoạt động để vạch cho ta thấy nhân loại đương tiến tới nền văn minh tam-đẳng.

Sự di chuyển trong các ngành hoạt động. Ba nền văn minh

Từ thời khai thiên lập địa tới nay, nhân loại đã trải qua ba cuộc cách mạng về kỹ thuật : cuộc thứ nhất xảy vào lúc tổ tiên ta tìm ra cách gây lửa và chế tạo những đồ đá đập, đá mài ; cuộc thứ nhì xảy vào lúc loài người biết canh tác và nuôi súc vật : cuộc thứ ba là cuộc cách mạng kỹ nghệ ở thế kỷ trước.

Luôn trong mấy ngàn năm, kỹ thuật canh tác cũng đã tiến (người ta biết cày sâu hơn, biết lựa hạt giống, bón phân, dẫn nước vào ruộng...) nhưng tiến chậm, chỉ vừa đủ nuôi một dân số mỗi ngày một tăng thành thử sự tấn bộ về kỹ thuật đó chỉ làm tăng dân số chứ không nâng cao mức sống. Thời xưa, tám chín phần mười dân số phải dùng vào công việc canh nông, người ta chỉ cần thỏa mãn được những nhu cầu sơ đẳng, hoạt động chỉ là những hoạt động sơ đẳng và người ta chỉ sản xuất nhiều nhất là những sản phẩm sơ đẳng, cho nên văn minh thời đó là văn minh nông nghiệp, văn

- Viết về sự khinh miệt cái chết khi người ta mạnh khỏe, chẳng khác nào viết về sự khinh miệt những kẻ giàu khi người ta sống trong dư giả.

minh phù sa (vì các trung tâm văn minh xuất hiện ở những cánh đồng phì nhiêu do phù sa tạo nên) mà ông Fourastié gọi là *văn minh sơ đẳng* (1).

Qua thế kỷ 19, kỹ thuật tấn bộ mạnh, tới một lúc nào đó, tại một miền, một xứ nào đó, người ta sản xuất đủ thực phẩm rồi, nghề nông không còn lợi nữa, nhân công hoá dư ở thôn quê, hoạt động của người ta mới chuyển qua nhị đẳng; đâu đâu cũng có những cuộc di cư ra thành thị kiếm ăn; số lao công trong những hoạt động sơ đẳng giảm đi mà số công nhân trong những hoạt động nhị đẳng tăng lên. Thời này là thời văn minh kỹ thuật, hoặc văn minh cơ giới, tức *văn minh nhị đẳng*, theo danh từ của Fourastié.

Rồi lại tới một lúc gần được thỏa mãn về những sản phẩm nhị đẳng, mức sống đã cao, người ta muốn thay đổi lối sống, đòi hỏi những sản phẩm tam đẳng, do đó những hoạt động tam đẳng tăng dần lên trong khi những hoạt động nhị đẳng giảm đi, lúc đó loài người tiến tới nền *văn minh tam đẳng*.

Muốn cho dễ nhớ, ta có thể gọi văn minh sơ đẳng là văn minh *nông nghiệp*, văn minh nhị đẳng là văn minh *kỹ nghệ*, văn minh tam đẳng là văn minh *dịch vụ*.

Coi bảng bên đây độc giả sẽ thấy rõ những sự tăng giảm về ba loại hoạt động kể trên tại những xứ tiền tiến.

(1) Thời phát minh ra lửa, chế tạo những đồ đá đập, đá mài, nhưng chưa biết canh tác, nhân loại chưa văn minh.

Sự phân phối số dân hoạt động trong ba khu vực (tính ra suất bách phân)

Năm	Hoạt động sơ đẳng	Hoạt động nhị đẳng	Hoạt động tam đẳng
-----	----------------------	-----------------------	-----------------------

Hoa - Kỳ

1820	73%	12%	15%
1850	65	18	18
1880	49	26	25
1900	37	29	34
1910	32	31	37
1920	27	33	40
1940	19	32	49
1950	12	34	54

Pháp

1851	53	25	22
1866	51	26	23
1881	48	27	25
1901	42	31	27
1921	41	31	28
1931	36	34	30
1936	36	31	33
1946	30	37	33
1954	26	40	34

Đức

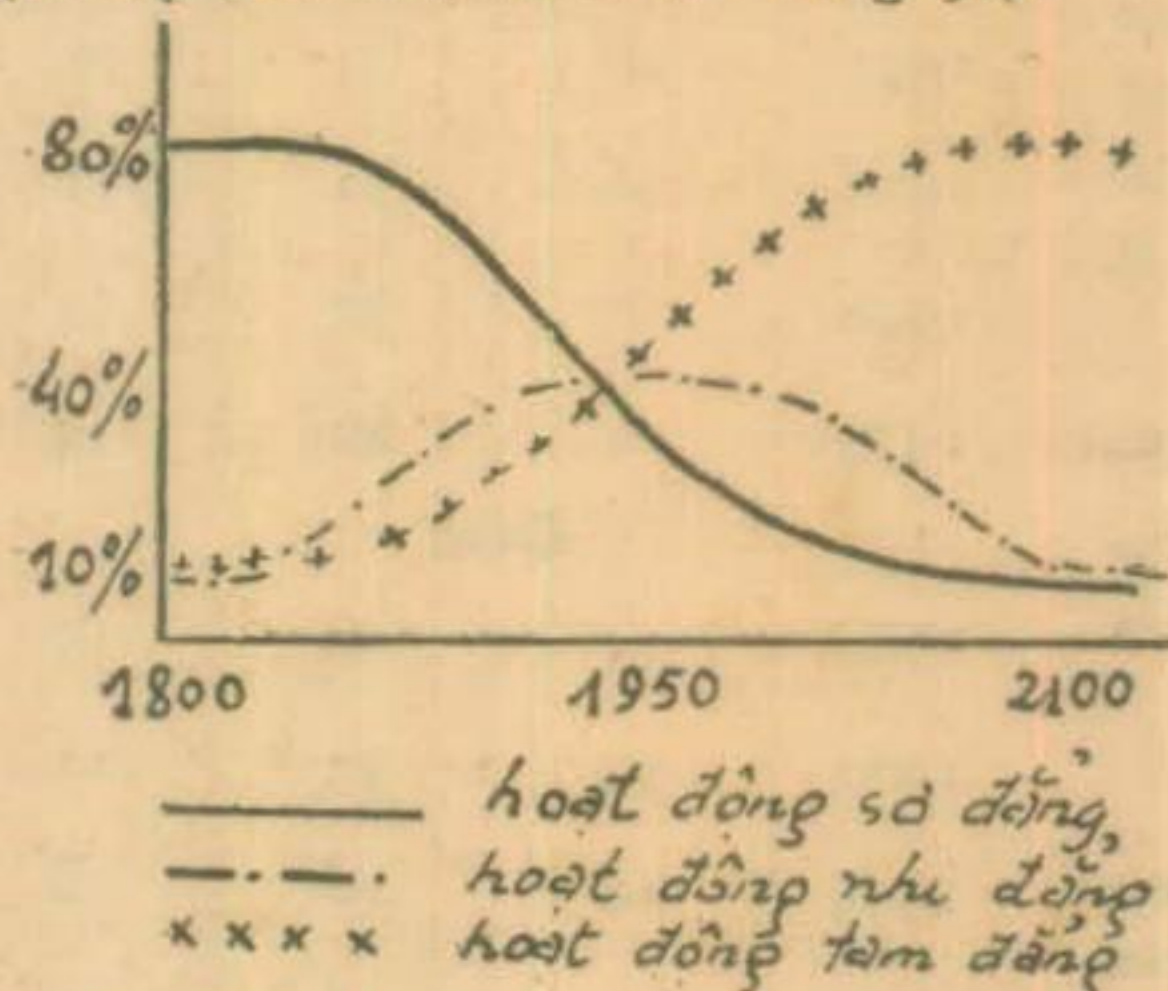
1882	42	39	19
1907	35	43	22
1939	26	46	28
1950	23	42	33

Chúng ta nhận thấy ở ba nước Huê-Kỳ, Pháp, Đức số dân hoạt động về sơ đẳng giảm đều đều và mau; nước nào kỹ nghệ càng tiến thì số đó càng giảm mạnh. Hiện nay (1964) ở Huê-Kỳ số đó chỉ còn khoảng 10% tổng số dân hoạt động (1) (có tác giả bảo chỉ còn 7%) nghĩa là 100 người làm việc thì chỉ có 10 người làm về canh nông, còn 90 người kia làm về kỹ nghệ hay dịch vụ (thương mại, công chức, dạy học, nghề tự do...). Theo ông Fourastié số đó đã gần đến số tối thiểu rồi, nó sắp đứng.

Đồng thời số dân hoạt động về nhị đẳng và tam đẳng tăng lên. Theo Fourastié thì về nhị đẳng tỉ số 40% là gần tới mức tối cao, nó đứng ít lâu rồi sẽ sụt nhưng nó không thể nào sụt xuống dưới 10%. Còn về tam đẳng, tỉ số đã tăng mạnh mà còn tăng mạnh nữa, có lẽ tới 80% tổng số dân hoạt động mới thôi; lúc đó — khoảng vài thế kỷ nữa — số dân hoạt động tại các nước tiên tiến sẽ như sau:

10% về sơ đẳng — 10% về
nhị đẳng — 80% về tam đẳng

và ta có thể vẽ được đồ biểu dưới đây (Pourquoi nous travaillons — trang 31):



Nửa bên trái (từ năm 1800 đến năm 1950) của đồ biểu vẽ theo những thống kê tại các nước tân tiến như Huê-Kỳ, Pháp, Đức; nửa bên phải (từ 1950 trở đi) Fourastié suy luận ra mà vẽ thêm, kéo dài ba đường biểu diễn sơ đẳng, nhị đẳng, tam đẳng ra.

Tất nhiên phần sau đó chỉ là một giả thuyết, (2) nhưng một giả thuyết dựa trên sự thực, có hy vọng đúng được nếu trong một thế kỷ nữa, không có thêm cuộc biến chuyển lớn nào về kỹ thuật và nếu nhân loại không dùng khoa học để tự diệt mình. Ta nên nhận thêm điều này: ông chỉ dùng thống kê của các nước tư bản Tây phương nên đồ biểu chỉ đúng với các nước đó. Có thể rằng ở các nước Cộng-sản, các đường biểu diễn sẽ thay đổi ít nhiều.

Vậy theo Fourastié, trước 1800 (ông tạm lấy năm đó làm cái mốc), nhân loại ở trong giai đoạn văn minh sơ đẳng; từ 1800 đến 2100, Âu Mỹ bước vào giai đoạn văn minh nhị đẳng và từ khoảng 2100 trở đi, họ sẽ bước vào giai đoạn văn minh tam đẳng. Tôi nói Âu Mỹ chứ không

(1) Dân hoạt động là dân làm một nghề gì bất kỳ tay chân hay tinh thần.

(2) Trong lời Tự ngôn lần tái bản năm 1963 cuốn *Le grand espoir du 20^e siècle*, ông bảo: «Nền văn minh sơ đẳng là một tình trạng không còn nữa và có lẽ chưa hề có bao giờ; còn nền văn minh tam đẳng có lẽ không bao giờ có cả, nhưng muốn xét đúng tình trạng hiện thời thì cần có những quan niệm rõ ràng về cả hai nền văn minh đó». Ông đã sửa lại tư tưởng một chút, muốn nói rằng nền văn minh sau này không nhất thiết đúng như ông đã vạch ra đâu, nghĩa là ông chỉ đưa ra một giả thuyết mà thôi.

nói nhân loại vì sự tấn bộ về kỹ thuật không được đồng đều trên khắp thế giới : Á, Phi tiến sau Âu, Mỹ trên một thế kỷ, không chắc sẽ đuổi kịp được Âu, Mỹ.

Coi bảng dưới đây đọc giả sẽ thấy chẳng những Thổ-Nhĩ-Kỳ, mà ngay cả đến Nga, Bulgarie ở châu Âu hồi trước thế chiến vừa rồi vẫn còn ở trong giai đoạn sơ đẳng, cách biệt Mỹ, Anh rất xa.

SUẤT BÁCH PHÂN CỦA SỐ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC NGÀNH

		<i>Nông lâm</i>	<i>Kỹ nghệ</i>	<i>Các nghề khác</i>
Anh	1931	7	50	43
Huê-Kỳ	1940	18	31	51
Đức	1933	29	40	31
Pháp	1936	36	33	32
Nga	1934	74	15	11
Thổ	1927	82	8	10
Bulgarie	1934	80	8	12

(Le grand espoir du 20^e siècle — trang 75)

Anh ở trong một trường hợp đặc biệt : trên một thế kỷ nay chuyên sản xuất về kỹ nghệ, số người hoạt động về nông lâm rất ít (7%), phải nhập cảng thực phẩm và xuất cảng hóa phẩm để bù vào. Họ dùng chính sách đó vì có lợi : đất họ xấu mà thế kỷ trước, kỹ nghệ của họ đứng vào hàng đầu trên thế giới.

Tình trạng Thổ, Bulgarie, Nga, ba chục năm trước, đúng là tình trạng Pháp, Huê-Kỳ tiền bán thế kỷ trước.

Và tình trạng đa số các nước Á Phi ngày nay cũng không hơn gì.

Ông Fourastié, còn cho rằng giai đoạn từ 1800 đến 2100 có thể coi là giai đoạn quá độ giữa hai nền văn minh sơ đẳng và tam đẳng, vì trong khoảng ba thế kỷ 19, 20, 21, nền kinh tế các nước biến chuyển mạnh, gây nhiều xáo động về vật chất cũng như tinh thần.

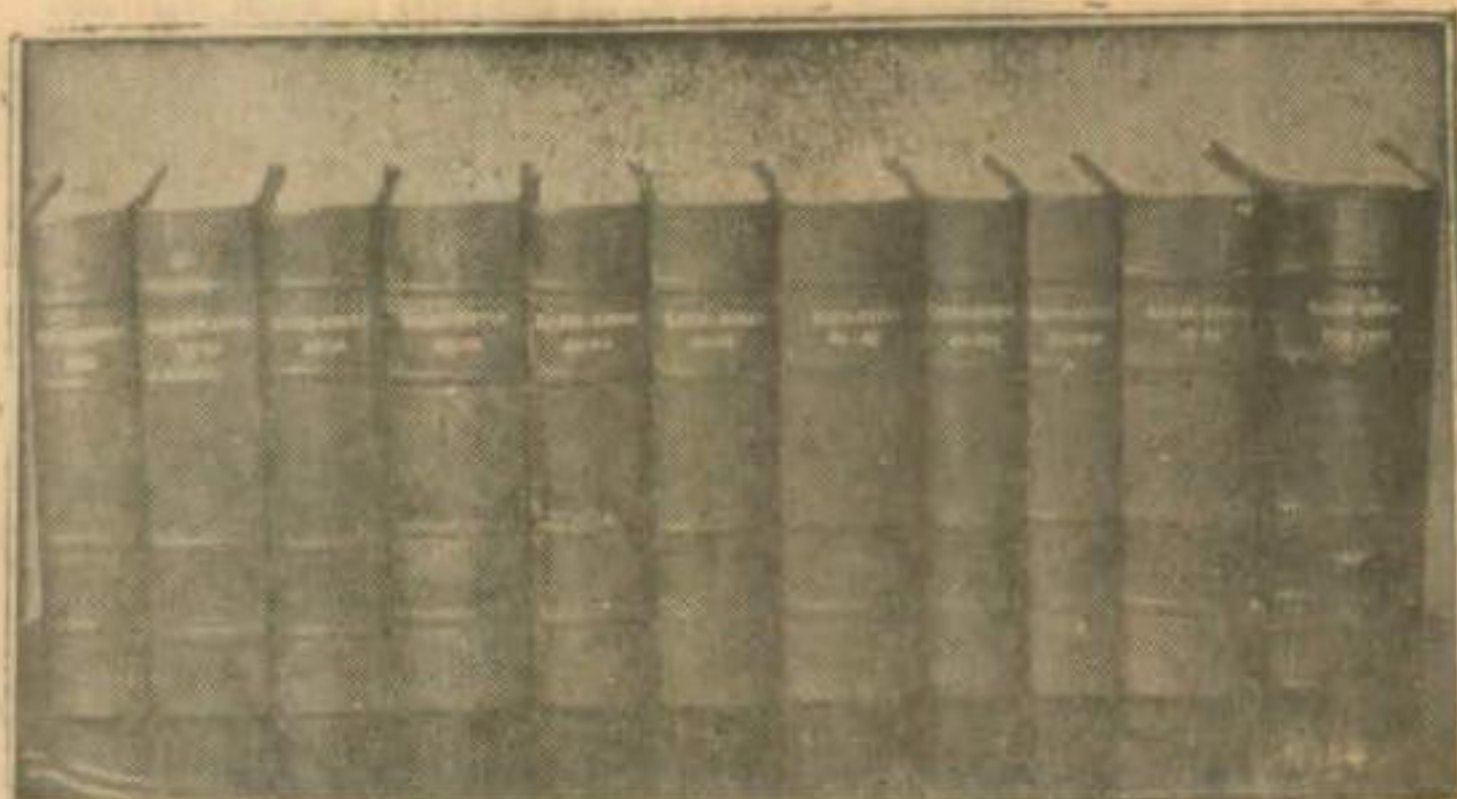
NGUYỄN-HIẾN-LÊ

● Không phải vì có một bông hường trên cây hường mà chim bay lại đậu : chính vì có những con bọ.

Jules Renard

QUÀ TRANG NHÀ

BẠN ĐỌC HÃY TÌM CHO ĐƯỢC :



BÁCH - KHOA

ĐÔNG TẬP

8 NAM : 23 TẬP

(188 SỐ)

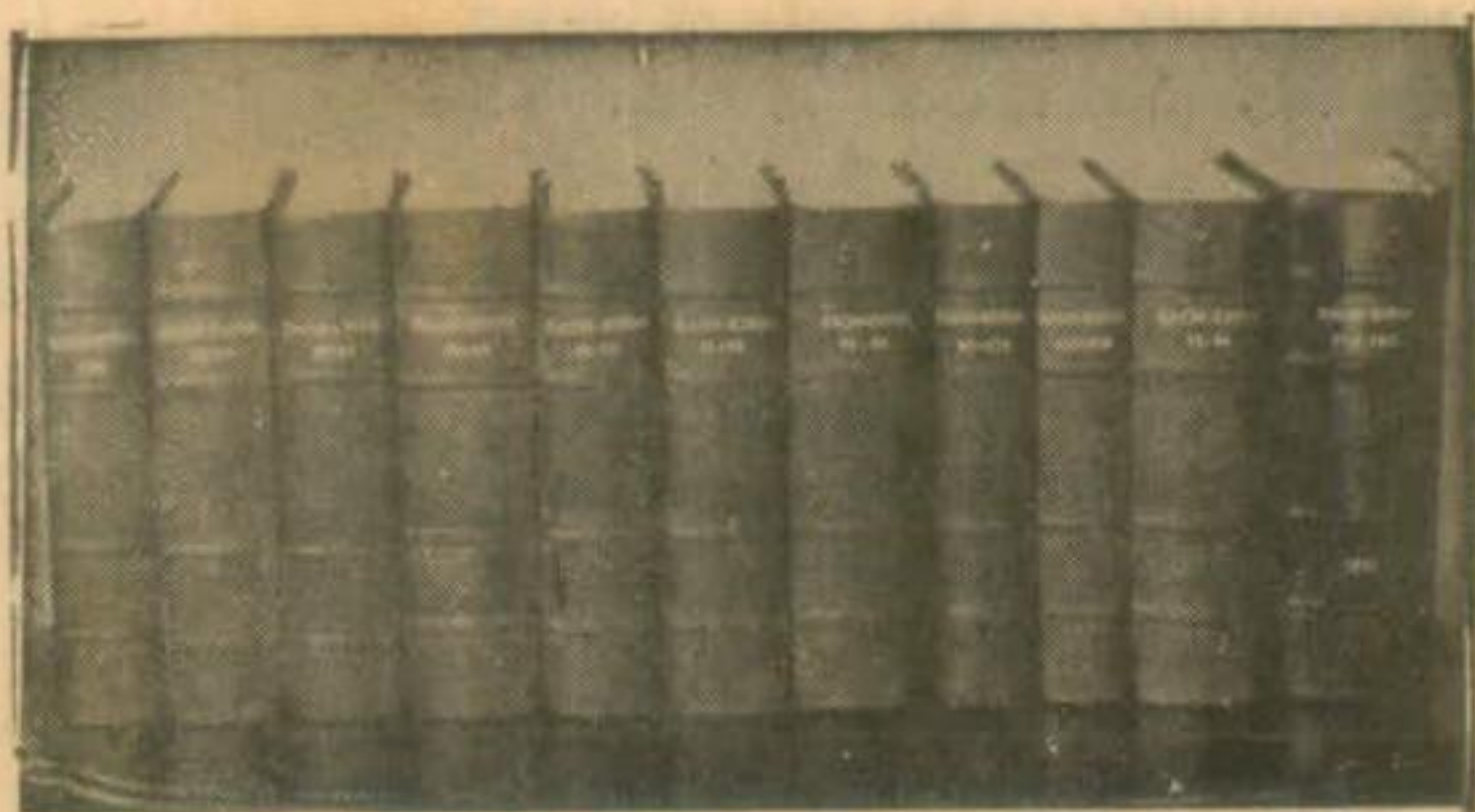
8 TẬP (1957 — 60) MỖI TẬP 12 SỐ (giá 1 tập 110).

15 TẬP (1961 — 64) MỖI TẬP 6 SỐ (giá 1 tập 65).

(ở xa thêm cước phí)

MỘT BỘ BÁO CUNG ỨNG TÀI LIỆU MỌI MẶT,
VỚI TRÊN 1600 BÀI BIÊN KHẢO VÀ TRÊN 1000 SÁNG
TÁC VĂN NGHỆ ĐỦ LOẠI CÙNG 3 CUỘC PHÒNG VẦN
LỚN VỀ VĂN NGHỆ VÀ HỘI HỌA

**MỘT BỘ BÁO
LỢI ÍCH CHO
MỌI GIA ĐÌNH**



XIN HỎI TẠI CÁC HIỆU SÁCH VÀ TẠI TÒA SOẠN
BÁCH-KHOA 160, PHAN-ĐÌNH-PHÙNG — SAI-GON



Truyện dài

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

(xin xem từ BK 169)

PHẦN THỨ BA

3 | Biết mọi người qua lại sau lưng đang tò mò dò xét nhìn về phía mình, nhưng Trâm vẫn yên lặng nhìn qua cửa kính. Bên ngoài, nắng vàng hoe nhảy múa trên những cành thông chót vót cao. Mặt hồ phía dưới lóng lánh như một tấm gương phản chiếu những tia mặt trời chói lọi. Bên kia hồ, trên con đường vòng cung lượn quanh rặng đồi thấp, bọn học trò lũ lượt kéo nhau về. Tiếng nói cười la hét xôn xao vang theo gió. Trâm tự nhiên náo nức trong lòng, thêm bồi đắp họp hội đồng giáo sư sáng nay, tìm đến một nơi nào thật vắng vẻ yên tĩnh, có cỏ mượt và bóng cây chen ánh nắng, nằm xuống cho cảm thấy tiêu tan trong những ý tưởng mơ hồ. Đoàn người li ti dưới ấy thoáng qua rất mau, một lúc sau không còn bóng dáng nào trên đường. Trâm thích đứng sau khung cửa kính đó nhìn xuống con đường học trò ấy từ ngày Minh đi những lần đầu tiên, lòng nàng như rơi rớt vào khoảng không chơi vơi dưới đó, như chao lượn trên những tầng dẫu vết và kỷ niệm chấp chùng của Minh để lại. Trạng thái đau đớn mơ hồ dần dần biến thành một cảm xúc nhẹ nhàng quen thuộc, và Trâm im lìm nhận chịu như một vết thương êm, như nàng đã đành lòng nhận rằng tất cả những điều xảy đến trong đời mình từ khi có Minh, gặp gỡ hay chia li, đa mang hay chán bỏ đều là những sự kiện tất hữu không thể trốn tránh hay phủ nhận. Còn hơn là giữa giòng đời buồn tẻ không còn mức ngăn chia của tháng năm, sống bình yên như cỏ cây, không đau thương không khoái lạc. Minh đi. Và Minh trở lại cho cường độ đau buồn và cảm xúc trong lòng Trâm vơi vơi tăng lên. Cho khoảng thời gian giới hạn cuối cùng đốt cháy ngọn lửa đam mê trước ngày tàn lụi. Trâm nhìn thấy

suốt lòng mình, hiểu thấu hiện tại và nhận định rõ ràng những đường ngang ngổ tất trong tương lai gần gũi. Cho nên nàng không cần gì nữa, kể cả nỗi băn khoăn của chính mình và sự hoài nghi đối với người con trai bất thường đó. Nàng thản nhiên và chừng mực hút thở vùng không khí cuối cùng còn lại trong một đường hầm định mệnh bí bưng trước bị lấp kín hoàn toàn, Minh trở về cho nàng thấy rõ hơn một lần nữa ngổ cụt gần kề, nỗi mất mát sắp tới. Mất mát vĩnh viễn. Cửa lòng sẽ mở, và con chim quý bị giam cầm bấy lâu sẽ vỗ cánh bay đi. Nàng ở lại, đau xót ở lại, như con dế tràng loay hoay vô ích trên một bãi cát tan hoang những lớp sóng đời không ngừng tàn phá. Nàng sẽ nghĩ là Minh trưởng thành, biến đổi, trong suốt những ngày tháng qua, bằng trái tim và tâm hồn nàng. Để rồi con chim sẽ cất tiếng hót ở một vòm trời xa lạ khác. Để rồi mỗi lần nàng thức giấc trong khoảng trống đời mình, cất lời gọi kêu, không một tiếng gió lời chim nào đáp lại. Nhưng đó là thân phận nàng, ý nghĩ của nàng, Trâm sẽ không bao giờ nói ra, không bao giờ truyền sang tha nhân ngăn cách hơi thở nồng nàn thắm kín đó. Lòng Trâm sẽ vĩnh viễn khép lại như một hoa kỳ dị, cho mở cánh chỉ trong một mùa xuân ước mộng không bao giờ về.

Chờ cho mọi người vào trong phòng họp, Trâm mới quay lại cửa văn phòng đón Thư cùng đi. Nàng ngạc nhiên thấy ông hiệu trưởng còn đứng ở phòng khách, như chờ một người nào. Bỗng nhiên ông ta đến gần Trâm, và nàng có linh tính một điều gì quan trọng sắp xảy đến cho mình, quan trọng theo cái nghĩa thông thường của thiên hạ, còn với Trâm, đất có sụt xuống dưới chân hay trời có sập lên trên đầu nàng phút đó cũng thế thôi, không có gì lay chuyển những ý nghĩ riêng tư của nàng. Quả nhiên, ông hiệu trưởng nhìn Trâm một cái rất nhanh, như để đo lường, dò xét phản ứng của Trâm trước và sau câu nói của ông ta, rồi giọng ông ta nhỏ xuống :

— À cô Trâm, chốc nữa họp xong, mời cô lên văn phòng tôi, tôi có việc bàn với cô. Định nói với cô mấy hôm nay nhưng chưa có dịp.

Nụ cười hiền lành và khuôn mặt tươi của ông tự nhiên Trâm thấy nhuốm một vẻ lạnh lùng đe dọa. Cả trường, nhân vật duy nhất mà Trâm tương đối kính nể và có một thái độ điềm đạm tử tế là ông hiệu trưởng. Không vì chức vụ của ông ta, dĩ nhiên, mà vì cách cư xử khoan hòa giản dị của ông. Trâm đã tính đã nghĩ trước có một ngày ông ta sẽ nói với Trâm như hôm nay, nàng sẽ phải nhìn thẳng và chấp nhận tình trạng của mình mà ông ta có nhiệm vụ phải vạch rõ. Rồi sau đó nàng sẽ phải cương quyết xác định một thái độ dứt khoát, và lựa chọn một trong hai con đường. Nếu với một người khác Trâm sẽ quyết liệt trình bày ý kiến mình, và quật lại, chống đối. Nhưng nàng không muốn làm thế với ông hiệu trưởng này, không muốn tranh chấp một quan niệm sống với một người đàn ông. Nhưng đây là chiến trận và Trâm không có quyền nói với một người đàn ông, mà với người hiệu trưởng, một đại diện giáo dục, một vai trò trong một guồng máy lớn. Động chạm đến cá nhân tức là phản

đổi tất cả. Cho nên Trâm chỉ lễ phép vâng dạ, lễ phép với tuổi tác chứ không với cấp bậc, và nàng đón Thư cùng vào phòng họp.

Tiếng hô nghiêm chào cờ the the của Khoa cất lên và những mấy mươi thân hình mô phạm vây quanh cái bàn mặt đá dài thượt cùng đứng lên một loạt thẳng tắp. Quý vị an tọa vừa kịp bật lên cười tiếp chuyện vui đang truyền miệng nhau trước đó Trâm đối diện với ông hiệu trưởng, đằng xa kia mút bàn, khoanh tay lạng lẽ ngang ngạnh nhìn lên. Ông hiệu trưởng xoa tay vào nhau, nhìn xuống một lượt những rường cột nước nhà phía dưới, rồi ông mỉm cười ban bố chút cảm tình và chậm rãi lật hồ sơ, đọc qua những mục cần bàn cãi trong buổi họp cuối cùng : thăng tiến và thưởng phạt học trò. Nữ giới thuộc thiểu số, và hình như trên ngọn đồi lạnh lẽo này bỗng cảm nhận sâu xa thuyết phận gái chữ tòng, nên tất cả ngồi im, đưa mắt nhìn đấng nam nhi tranh hùng hăng hái xung quanh. Những nhân vật hoạt động nhất trong buổi họp bao giờ cũng quanh quẩn chừng đó : Thâm, Thiêu, Chu, Khê, và thỉnh thoảng, Lưu nổi gân góp ý kiến. Vấn đề thưởng phạt được thông qua mau chóng. Các giáo sư chỉ đạo mỗi lớp chỉ việc ghi danh sách những tên đần độn, có thành tích, cả tốt và xấu, rồi họp tất cả lại thành một bản kê khai đầy đủ của những danh nhân trong trường để tùy đó, chọn phần thưởng hay ra hình phạt, thông thường nhất là gọi cha mẹ đến, cảnh cáo, hoặc bắt ở lớp cũ, hoặc phải qua một kỳ thi, hay giải pháp cuối cùng quyết liệt nhất là tống khứ tên tội phạm ra khỏi trường. Tên này phải thuộc vào hạng dân chài, nghĩ là cảnh cáo, cấm túc, đuổi tuần, đuổi thẳng, làm đủ mọi cách mà vẫn trơ lì như Từ Hải chết đứng không chịu lăn đùng ra. Nhưng ngoài thủ tục còn có ngoại lệ. Những đứa không phạm lỗi, nghĩa là không thiếu điểm trung bình những kỳ thi lục cá nguyệt, không bị cấm túc, không có một thành tích phản loạn bạo động nào đối với nhà trường, vẫn được quý vị giáo sư có lòng ưu ái đối với con em chiều cổ, xướng danh từ từ trong hội đồng giáo sư kiêm hội đồng kỷ luật nhà trường không có gì lạ, bởi một tư thù vẫn có thể đem thanh toán trên một bãi chiến trường mà đôi bên đều có tác phong đấu tranh cho chính nghĩa. Ai biết, nhưng nếu biết thì cũng là kẻ đồng lõa. Ở đâu mà chẳng có phe đảng, có hận thù, có mảnh khước trên khắp hành tinh của giống người hai chân. Ở đây những thù vật được tỉ lệ thuận với địa vị và phạm vi hoạt động. Bản nội qui nhà trường do bộ ấn định biến thành một chiếu chỉ quan trọng của một triều đình ở xa về rơi vào tay những quan liêu thích tiền trăm hậu tấu. Vì thế đến mục truy tầm những tên học trò bị đuổi, hội đồng đã bàn cãi dằng co suốt tiếng đồng hồ, giữa thực trạng trong trường và những nguyên tắc bộ đề ra.

Trâm vờ lơ đãng nhưng thực ra nàng chăm chú theo dõi không bỏ sót một ý kiến nào của các đồng nghiệp từ đầu cuộc thảo luận, nhất là ở mục đuổi học trò. Nàng vuốt nhẹ lên tay áo len Minh xắn giùm sáng hôm nay trước khi qua trường và mỉm cười băng quơ. Minh đã nghiêng đầu ngắm Trâm thật lâu :

— Ước gì mỗi lúc qua trường, cô lại xấu đi. Sáng nay họp hội đồng giáo sư, cô mặc áo mới nữa đó à.

— Áo cũ đấy chứ, tại em chưa thấy. À này, vấn đề của em bên ấy ra sao ?

— Họ đuổi mấy tháng cuối, không cho thi.

— Lý do ?

— Lý do khách quan là nghỉ nhiều, chủ quan là... cô.

— Bậy nào, can dự gì tới tôi.

— Bọn nó chuy và trù mạt em ghê gớm lắm, tại bạn cũng thấy, cô không tin à.

— Nhưng sao lại thế, nhưng ai ?

— Phân nửa trường, tại bạn nó bảo vì cô, và các ông nào không có trong danh sách... cũng bênh bạn, về hòa với nhau.

— Tôi không nghĩ thế... Vô lý, ai đối với tôi ra sao tôi biết. Ngoài đối xử bạn bè, không ai có gì với tôi đâu.

— Chẳng lẽ họ nói với cô à.

— Cần gì nói, nhưng linh tính đàn bà như máy radar, đàn ông nào muốn nổ mìn là nhận ra ngay.

Minh vùng dậy hét lên :

— Thôi đi, cô làm bộ hoài, khỏi đũa mê cô.

Mấy ngón tay Trâm xoa nhẹ và dừng lại đột ngột trên lần áo len ấm. Thế cũng được, nghe Trâm, khỏi đũa mê mày, ở quá khứ, hiện tại, và có thể ở tương lai, nếu còn sống cho đến tương lai. Nhưng vì thế mà mày cảm thấy chán chường và nhục nhã. Bởi không bao giờ tìm ra một yêu thương chân thành và đích thực trong những trái tim mê ngút lửa đỏ, như không bao giờ có một giọt nước ngọt ngào giữa một trùng dương mặn chát mênh mông. Đàn bà trẻ có thể sống kiêu hãnh bằng yêu mê của đàn ông. Nhưng trong buổi chiều tàn tạ của dung nhan, chỉ có tình thương thấm thiết và dịu dàng mới giúp trái tim cần cỗi gượng lại chút hơi tàn thoi thóp. Nhiều khi Trâm đã chua chát nghĩ thầm : tốt đẹp gì, đàn ông vây quanh mình như điều quạ vỗ cánh xuống một xác chết... thêm rửa thịt và sợ phải tha theo xương.

Phòng họp bỗng huyên náo nhiều tiếng nói vang lên cùng một lúc. Một bàn tay nổi húng nào đó nện mạnh xuống bàn và Trâm ngo ngác nhìn lên. Giọng điềm đạm của ông hiệu trưởng :

— Nhưng thằng học trò ấy có đủ điểm trung bình hàng tháng không ?

Một người trả lời.

— Đủ điểm, nhưng trường không thể chấp chứa một tên có thành tích hạnh kiểm như thế. Nếu không đuổi cũng bắt nó thi lên lớp, thì lại tất cả các môn.

Giọng khác phản đối :

— Theo nội qui, không thể bắt nó thi lại tất cả các môn, nếu đủ điểm, và lại nó chưa đủ số cấm túc và số ngày nghỉ, tóm lại nó không đủ điều kiện để bị đuổi.

Chu đưa tay :

— Theo tôi thì không thể hoàn toàn theo đúng nội qui phải chăm chú theo trường hợp ngoại lệ, nếu tên học trò quá đáng không thể dung túng được, có lẽ ta nên tìm cho nó một tội nào đó.

Có tiếng cười nhạt phía Khê :

— Nghĩa là nó không có tội, nhưng mình tìm tội gán cho nó rồi xử tội, như vậy có thể mang tiếng là thù hận riêng tư.

— Hay trường bằng lòng giữ lại những phần tử xấu để cho học trò ngang nhiên tiếp tục những chuyện không thể tha thứ ?

Ông hiệu trưởng chỉ Trân :

— Anh thấy tên học trò đó thế nào, có nên đuổi, hấn ra sao trong lớp ?

Trâm miễn cưỡng :

— Nó là một trong ba tên học trò lộn xộn nhất lớp tôi chỉ đạo. Nhưng tôi nghĩ nó không có lỗi gì rõ rệt. Nó nghỉ nhiều nhưng không đủ lý do đuổi. Tôi đồng ý với anh Khê trước ý kiến của anh Chu vừa nêu lên.

Hai cặp mắt đối lập hàm hồ nhìn nhau.

Ông hiệu trưởng ghi vài chữ lên giấy rồi hỏi :

— Như vậy không thể đuổi hoặc thi lại tất cả các môn. Nhưng thằng đó tên gì.

Trâm nắm chặt tay vào mép bàn. Giọng Trâm :

— Nguyễn-Duy-Minh.

— Được, tôi ghi tên nó đây, có thể xét lại sau. Trâm nhìn thẳng lên hiệu trưởng, cảm thấy nhiều cặp mắt lạng lẹ quay về nàng chụp hình phản ứng. Nhưng Trâm hoàn toàn thản nhiên, như giữa nàng và cái tên của bị cáo không một liên lạc nào, và mọi sự khiêu khích gây chiến như những mũi tên lướt qua khuôn mặt lạnh lùng cẩm thạch. Nàng nhìn rất lâu vào từng nét mặt xung quanh, thăm đoán một chiến trận tiếp diễn ở thời gian địa điểm khác không có

nàng tham dự, nghĩ đến nhiều vấn đề rắc rối gay go sẽ xảy ra, nhiều bàn cãi sôi nổi sẽ thức tỉnh bầu không khí bình lặng của đời sống Đalat, vì Minh, Trâm khoan khoái mỉm cười. Nụ cười có vẻ mỉa mai và hài hước trên khuôn mặt nghênh nghênh của Trâm. Về hẳn học bất mãn ở bàn tay Chu nắm chặt. Dáng lặng yên nhẫn nhục của Tôn. Giọng nói sắc và êm của Khê. Những câu khôi hài tế nhị của Thiệu giải tỏa bầu không khí căng thẳng của buổi họp. Tất cả bỗng thật gần gũi và xa lạ với Trâm, như những cô bạn gái ngồi bên cạnh, Hiền mang bụng mấy tháng, ngồi lâu mỏi lưng, thỉnh thoảng nhìn đồng hồ tay. Diên đói bụng chốc chốc nhăn mặt. Thu nhấp nhòm lần tay vào xác tìm gói ô mai. Lòng Trâm tự nhiên gợn lên một bâng khuâng dịu dịu. Cuộc đời sẽ bình yên tiếp tục trên ngọn đồi măng trẻ này. Buổi họp sẽ tái nhóm giờ cuối cùng mỗi buổi sáng thứ ba hàng tuần. Những khuôn mặt này lại nhìn nhau, thông cảm hay hẳn học, dò xét hay biểu đồng tình. Công việc được lập lại, đều đặn như những cái nan quay tròn quanh trục bánh xe. Người này mừng sinh đứa con đầu lòng, kẻ khác vui sướng với chỉ số lương vừa tăng, kẻ nọ hân hoan được nhận dạy thêm một số giờ ở lớp khác. Hình bóng cuộc đời phẳng phất thường xuyên trong những cử chỉ, những lời nói, những nét mặt đó. Còn Trâm, chờ vợ và lạc loài không bè phái, không bầu bạn, không gì cả, như người bị lưu đày trong một hành tinh riêng biệt. Cho nên xa cách ngay từ khi gần gũi. Biết bao nhiêu dặm đường thời gian biệt giữa tôi với các người một ngày xa khuất nơi đây ?

Tan buổi họp, Trâm chờ ông hiệu trưởng ở cửa văn phòng. Nhưng ở phòng họp ra, ông ta nhìn đồng hồ tay rồi lắc đầu bảo Trâm :

— Muộn rồi, thôi để đến sáng mai.

Trâm lễ phép vâng dạ rồi ra cửa, đi ngược lên dốc đồi vắng sau sân trường. Trâm dừng lại một phút, nhìn lên dãy lầu cao im vắng trong nắng trưa và nghĩ thầm : sao ông ấy không nói phăng ngay ra còn chờ dịp mới nạo được mình ? Nàng tưởng tượng ra một mẫu đối thoại ngắn ngủi, cộc lốc và dứt khoát ở ngày mai, bởi đã đoán trước và chờ đợi từ lâu giây phút ấy. Trâm bỗng cảm thấy kiêu hãnh một cách rõm đời và ngu ngốc : trong khi mọi người đều khúm núm, sợ sệt, chịu chuộng để bám chặt lấy mảnh vỏ đời như một loài sên giữ lấy thân cây, thì nàng không cần gì cả, ngẩng đầu lên cao, khẳng khái bước theo một lối riêng của mình và sẵn sàng rời tay khỏi sự sống đang nhìn mình găm gù, xua đuổi. Và ngày mai, nàng sẽ vào căn phòng một mình, cánh cửa khép lại như thái độ cẩn thận của cai ngục đối với tên tù nhân. Ông hiệu trưởng có thể sẽ hỏi nàng dè dặt về vấn đề nội bộ của nàng, về tình trạng ăn ở bất hợp. . . luân lý của tên học trò trong nhà nàng. Rồi nàng sẽ gật đầu chấp nhận hết, không một lời đính chính hay chối cãi, phân trần, về tất cả những ngộ nhận, vu khống, giả tưởng hay châm biếm chỉ trích, buộc tội của thiên hạ. Sao cũng được. Sự thật của Trâm không bao giờ những người xung quanh được biết. Vòng đai kín đặc của dư luận sẽ không gây

một tác dụng nào trong đời sống nội tâm của tôi. Tôi đánh liều cả đời mình vào một canh bạc lớn. Tôi biết là cuối cùng sẽ rỗng túi, đứng lên, ra khỏi cuộc tranh chấp đó, thật đứng vững và nhẹ nhàng. Tôi không cần, tôi đã nói và đã sống không cần như thế. Mọi trường hợp kết án, ân xá hay giảm khinh của những phiên tòa đời trở thành vô ích hoàn toàn đối với một tử tội đã âm thầm dự định tự tử. Tôi muốn chết, không phải chán đời, nhưng vì tôi yêu đời vô cùng mà cuộc đời đã phản bội không bao giờ như ý tôi. Như vậy mai kia đời sẽ lôi tôi ra đời giao chiến. Tôi sẽ đến. Không mang khí giới. Tôi chỉ cười. Và cũng mình tôi biết đó là cái cười vắt ra nước mắt. Cũng như chỉ mình tôi hiểu thăm trạng nào đã bắt tôi có thái độ lầm lì công phẫn như thế với đời. Thôi, cứ giết tôi đi, đừng nhiều lời quanh quẩn.

Trâm vùng chạy xuống đời về phía nhà mình. Nắng gió lao xao ở trên đầu đuổi theo. Những ý tưởng đó cũng điên cuồng đuổi theo. Và tất cả cũng dừng lại, dừng hẳn lại trước mặt người con trai đứng đón trên đường. Trâm chợt nhớ ra điều gì, nhìn về phía nhà bếp lạnh ngắt rồi nhìn Minh :

— Gần một giờ rồi, chưa cơm nước gì, Minh đói lắm không ?

Minh dút hai tay vào túi quần Jean, hí hửng như có điều gì vui vẻ lắm :

— Ừ đói quá đi, xuống phố ăn cô, trong nhà chẳng còn gì.

— Đồng ý, lâu rồi không xuống phố. Cùng vào thay áo đã chứ, ăn mặc như thế này.

Hai người đi song song xuống thềm. Gần đến cửa, Minh đi lùi lại, Trâm bước vào trước. Nàng buông thõng hai tay xuống kêu lên

— Cơm nước ở đâu thế này ?

Giữa bàn, chén đĩa sạch sẽ bóng loáng đặt ngay ngắn cạnh muống, dưa và khăn ăn thơm tất. Đĩa cơm đầy trắng nõn còn bốc hơi thơm. Cũng xào, cũng canh, cũng kho chiên đủ thứ.

— Minh, chị Ba đến giúp việc lại cho mình đây à ?

— Không.

— Thế ai nấu cơm, em nhờ con bé ở bên thầy Chu ?

Minh kéo ghế ngồi xuống :

— Thôi thôi ăn đã, đói mà cô tra khảo hoài.

— Kỳ dị quá, phải biết ai nấu mới ăn chứ.

Minh thân nhiên xới cơm ra hai chén, đáp gọn lỏn :

— Em.

Trâm ném ví tay sách vở lên bệ lò sưởi chạy nhanh vào bếp. Trên lò ấm nước đang sôi. Những su đậu cà rốt khoai trứng trong

tủ đã biến đi, chỉ còn vỏ lẫn rác bữa bãi giữa nhà. Cái đồng hồ tay của Minh cỗi ra để quên trên góc bếp. Trâm áp tay lên má. Sừng sờ một giây rồi cầm chiếc đồng hồ Minh trở lại phòng ăn. Tiếng nói Trâm rung động từ trên vai Minh tỏa xuống.

— Đưa tay đây bời, mang đồng hồ vào cho.

Minh quay đầu lại, ngược lên nhìn Trâm, chuỗi hai bàn tay ra. Những ngón dài thon trắng bám đầy những vết nhỏ chằng, Trâm kêu lên trời ơi trời ơi, nâng chéo áo lông trắng lên, cầm mấy ngón tay bần của Minh và lau thật nhẹ. Rồi nàng cỗi phăng áo khoác đã ở hocn những vết như đó, cuốn tròn, ném vụt vào góc phòng. Chiếc áo trắng nuốt sỗ tung, rơi xuống. Trâm ngồi xuống bàn, bên cạnh Minh. Minh trao đôi đũa cho nàng : thôi cô ăn đi cô. Ăn được vài miếng, Trâm buông chén đũa ngồi lặng người một lúc lâu, Minh ngơ ngác nhìn vào hai con mắt ngân ngấn lệ của Trâm. Nàng nhìn lại Minh thật lâu, mỉm cười, chớp nhẹ hàng mi và giọt nước mắt rụng xuống gò má thoảng hồng giây phút :

Tự nhiên tôi cảm thấy sung sướng vô cùng, cảm thấy.... khó diễn tả được trình trạng này, nhưng một đời người nhiều lắm cũng một đôi lúc được cảm thấy như thế. Em đã làm tôi sung sướng, hoàn toàn sung sướng trong suốt những ngày mình ở với nhau trong nhà này. Đến hôm nay tôi mới cảm thấy, mới nhận ra điều ấy. Thật muộn. Vì vậy mà tôi chợt thấy lo sợ mông lung, như có một mất mát đổi thay nào sắp đổ ào tới. Và mình cũng không còn đủ thì giờ để cảm thấy nhớ nhau mà sung sướng nữa Minh à. Cũng không còn trở lại những ngày qua được, Điều đó thật dĩ nhiên, nhưng phút này tôi thật đang cảm thấy điều đó, như có thể chạm được bàn tay vô hình của số mệnh. Minh ăn đi chứ, tự nhiên tôi ghen và no, và thế nào ấy, như bữa ăn này là bữa ăn cuối cùng có em hoàn toàn...

Nàng nhìn vai áo len ấm áp của Minh và nghĩ nếu Minh nhỏ hơn thế hoặc lớn hẳn hơn nàng, Trâm sẽ nghiêng đầu qua, úp mặt vào đó. Trong một phút thôi. Để lắng nghe cảm giác mơ hồ đang rỉ rào chảy xuống khắp cơ thể, tâm hồn mình như những giòng nước ngầm chảy qua khe đá trên thác cao. Giọng Minh vẫn hồn nhiên :

— Sao thế, bữa nào mình cũng ăn cơm với nhau mà.

— Có thể vẫn còn, nhưng không vui nữa, tôi linh cảm như thế.

Im một lúc, rồi Trâm đem chuyện trong buổi họp hội đồng giáo sư nói cho Minh nghe, kể cả việc ông hiệu trưởng hẹn sẽ «ban huấn-từ » cho nàng vào ngày mai. Minh nói :

— Trường làm như vậy, nếu bọn học trò căn cứ theo nội qui bộ ấn định mà phản đối và khiếu nại, họ sẽ bị lật tẩy. Thế nào cũng có đứa làm như

thế. Nhiều chuyện vô lý đã xảy ra, bọn nó công phần lắm rồi. Em thì không cần, cóc thêm học trường này nữa, sẽ rút học bạ xin thôi trước khi họ tìm cách tổng khử. Bọn hèn !

Trâm định nói : tôi cũng định làm như vậy, nhưng nghĩ nên chờ cho Minh biết quyết định cuối cùng vào lúc này nên lại thôi.

— Liệu họ có làm lời thôi gì cô không ?

— Họ có quyền gì mà làm lời thôi với tôi ? Tôi làm đầy đủ bổn phận, chấp nhận những luật lệ qui tắc của trường. Tôi cũng không động chạm gì đến quyền lợi hay phe đảng của họ. Nhưng nếu họ kiếm có... họ cũng không làm gì nổi tôi. Tôi không cần xoay xở, và họ cũng không kịp trở tay trước tôi đâu. Đời của tôi, tôi sống, việc của tôi, tôi tự xử lý, không một người một nhóm một mưu toan nào có quyền phê phán hay định đoạt đâu. Tôi không cần nữa vì không muốn bị lệ thuộc, tôi không muốn sự sống của tôi bị tổn thương với những điều bất bẽ đó. Tôi không cần nữa.

— Hay là... cô định bỏ trường này ?

— Sao Minh nghĩ thế ?

— Nghĩ chứ, vì tất cả nguyên nhân rắc rối cho cô là em.

— Và nguyên nhân rắc rối cho em là tôi. Vậy huề nhé.

Minh cười buồn :

— Huề sao được. Em thì nghĩa lý gì, nhưng còn cô...

— Làm sao biết ai nghĩa lý và giá trị hơn ai, cũng chỉ là những con cá tuyệt vọng trong tấm lưới đời khe khát. Thôi cho qua chuyện đó, còn sống chiều nay, ngày mai... Chiều cấm không được nấu ăn, mình xuống phố.

(còn tiếp)

HOÀNG ĐÔNG PHƯƠNG

ĐÍNH CHÍNH

Nơi Phần I, Chương I, truyện « Vòng tay học trò », đăng trong B.K số 169 ngày 15-1-1964, trang 214, dòng 19 cột 1, có những câu đối thoại như sau ; « — lớp nào ? — *Đệ Nhất* như Thức... » Nay xin sửa lại cho đúng là : « — lớp nào ? — *Đệ Tam* như Thức. . . »

nụ đầu mùa

Nhà chúng ta cách nhau hàng giậu nhỏ
Từng mùa hoa cánh tím phủ băng khuâng
Sớm thu sương mây lớp lớp xây thành
Trời đất Bắc ngọt thơm mùi cốm mới
Hương êm dịu menh mông vàng ngập lối
Tình bàng hoàng khi vừa chớm đông về
Áo trong rương từng nếp thấm hương quê
Mùi băng phiến ru hồn thơ bát ngát
Tuổi hồng dịu trên đường về chung bước
Nghe nồng nàn từng hơi thở thân yêu
Không biết nói sao nhưng thấy mến nhiều
Hồn lụa bạch trong như trời rộng rãi
Ngọt một làn môi này hoa mới hái
Tình dâng nhau còn ngát đóa băng trinh
Chiều cuốn bay những xác lá vô tình
Anh chợt thấy một trời sôi lửa máu

●
Anh đời bỏ phố phường xưa yêu dấu
Quên hình em trong tiếng súng căm hờn
Giận cả anh, cả em, cả hoa tím yêu thương
Hàng giậu cũ hoa leo ói chua chát
Này dáng mây xưa
Này trời sao trước
Đã đưa anh vào thế giới u mê
Hãy dịu anh đường tranh đấu anh về
Đem xương máu xóa tan hờn tủi nhục
Áo có rách không sống trong khuất phục
Hồn vương gai mà tiếng hát dâng cao
Anh say sưa trong một sớm thu nào
Cờ quần quai reo vang hồn độc lập
Anh ca ngợi nét huy hoàng dân tộc
Gót giày đĩnh đế quốc chết trong bùn
Sát bèn nhau từng đêm vắng nghe im
Hội sao biếc giữa vòm trời bát ngát

●
Đất hồn anh một mầm thơ uơm hạt
Mắt ngàn sao không cỗi nẻo hoang vu
Thoáng bóng chim qua chòm giữa sa mù
Trong máu lửa vẫn mùa thương hiện hiện
Hình em đó : hàng giậu xưa lưu luyến
Hoa đổi màu và đường cũ không còn

Anh về đây bóng tối phủ tâm hồn
Bên cuộc sống, anh mãi tìm ánh mắt
Tìm gì em? nét đơn sơ đã mất
Dọc đường nào còn vọng tiếng hoan hô
Thoáng bóng chim qua, anh thấy mơ hồ
Vàng ảo ảnh con đường dài phủ lá
Giậu tím hoa mùa, hình em còn đó
Mãi thanh bình như cuộc sống thanh bình
Em khác xưa, vẫn hình ảnh băng trinh
Thuở nón lá phủ đôi hồn thơ dại
Đường trơn ướt mưa rơi chung một mái
Tà lá xen là hình ảnh yêu thương
Anh vuốt ve gai góc phủ tâm hồn
Men cuộc sống từng làm anh ngây ngất.
Còn ở trong anh
Tình người chân thật
Hương sao đời vẫn làm sáng tâm hồn
Anh bàng hoàng chợt thấy giữa hoàng hôn
Một cọng lá mới vươn cao đầy nhựa
Nhựa cuộc sống vườn đời vừa hé mở
Thuở cầm tay chưa biết vị hơi tanh
Tiền giấy bán mua, trời ngọt, đất lành
Hoa thuở trước vẫn hồng run cánh nở
Con em vịn hàng rào thừa bờ ngõ
Gọi tên anh qua hàng lá năm xưa
— Cánh mùa nào màu tím phủ đơn sơ —
Anh chợt thấy lòng bồng theo tiếng trẻ
Chúng mình đây, còn sống muôn thế hệ
Cánh này tàn nụ mới hé theo sau
Lời trẻ thơ gây sống lại ngàn sao
Trong dạ hội hoa lòng anh rục rở
Trùng dương tối nụ cười em còn đó
Dịu hồn anh hướng mắt hải đăng em
Tiếng hát trầm tự cuộc sống dâng lên
Mặt trời hé qua làn mây dĩ vãng
Lối cỏ đường sương tràn lan ánh sáng
Hình chúng ta in nền thảm xanh trong
Mật tuổi thơ còn ngọt mãi đôi lòng

XUÂN HIẾN

(1953)

thân phận

vong nô

Xuân-Hiến

Anh thường nuôi giặc chiêm bao
Lời ca cô độc đi vào mắt xanh
Anh thù gió bụi kinh thành
Hồn căm tiếng máy bất bình ngựa xe
Có bao giờ anh lắng nghe
Tiếng đôi quốc mộc đi về mái tranh
Đơn sơ đời sống vẫn lành
Mồ hôi quện với bất bình nhớp nhơ
Nhiều người anh thật không ngờ
Sinh trong thiếu thốn đón chờ đắng cay
Ưu tư chiu nặng vai gầy
Áo thô sơ đắp thàng ngày cô đơn
Nghien răng nuốt cái tủi hờn
Mãi tin tưởng mái tóc còn độ xanh
Nhìn người rồi ngó tới anh
Thương đau những chuyện không thành cái đau
Tâm tư chuốt thuốc tô màu
Nằm trong cái nhục góc đầu rên la
Rập theo nếp sống trời xa
Thường căm phẫn hết cái ta rất hùng
Nghĩ tới anh then vô cùng
Nóng ran tựa gặp lửa hồng nước sôi
Giẫm lên cặn bã xưa thời
Đi nôn mửa lại cái người ta nôn
Mượn từ thể xác tới hồn
Hỏi trong thân phận có còn là anh ?
Phàm người tớ cái mảnh sành
Rong toang dít tọng chỉ thành trò chơi
Nghìn thu ghi lại trận cười
Bùn nhơ xóa lấp con người vong nô.

CÁI NHÌN NGƯỜI MẸ

CHIẾC xe Lăm-bết-ta chạy vun vút bắt chấp những lỗ ổ gà lớn bằng cái rổ, bằng cái thúng. Trong xe chỉ có một người thanh-niên, một chị đàn-bà bế con nhỏ, một chú « ết » và Thuận. Tất cả sức nặng của đám hành khách nhỏ nhoi này không đáng gọi là sức nặng nên bốn người tha hồ nhảy nhót trên hai cái băng. Phải bám hai tay vào thanh sắt lắp dọc theo trần xe. Phải gắng dồn tất cả trọng lượng của mình xuống mông. Nếu không sức vòng sẽ đẩy cả bốn người lọt xuống sàn xe. Thật khác xa với mười ngày trước đây khi đoàn người xin nước Thánh ùn ùn kéo về Suối Đồi. Xe Lăm-bết-ta Nha-Trang — Thành chạy từ bốn giờ rưỡi sáng khi Ấp-Chiến-Lược chưa kịp mở, chạy đến bảy giờ tối, Xe nào cũng đầy ắp người. Số hành-khách luật định là sáu người nhưng tài-xế xếp đến mười ba, mười bốn. Thùng thiếc đủ cỡ lớn nhỏ, đòn gánh góp nhặt đủ kiểu treo ngổn ngang ở móc, xếp có ngọn trên mui xe, bỏ lổn ngổn dưới sàn xe. Người đi xin nước Thánh có khi là những người đàn bà da vàng như nghệ, những cụ già tê-liệt đi phải có người đỡ, những ông nông-dân vạm vỡ bấp thịch tỏa ra sức chiến-đấu. Có tin chính-quyền được lệnh làm khó dễ những người đi xin nước từ ngày Bầu Quyền ở Quảng-Nam linh thiêng. Viện Pasteur phân phát nước sôi tuyên bố trên báo là nước có nhiều vi trùng. Phóng viên địa-phương của một số nhật báo viết những bài phóng-sự và lập-luận theo thông-cáo của Chính quyền. Nhưng dân chúng nô-nức đi lấy nước bắt-chấp khoa-học và vệ-sinh, mặc kệ binh lính cản ngăn, lớp đi bằng xe Lăm-bết-ta, lớp đi bằng xe ngựa, lớp đi bộ. Những chiếc xe « ca » lớn chở đầy khách từ Saigon ra, từ Dalat xuống. Xe Lăm - bết - ta tha-hồ chạy. Xe chạy đường Cầu-Đá, đường Đồng-Đề cũng bắt-chấp luật-lệ.

chở khách chạy thẳng về Suối Đổ. Thật là thời-đại hoàng-kim của xe Lăm-bết-ta. Xe chạy ì-ạch, chạy hết nổi, mỗi một rã rời. Người ngồi chen nhau, đúi cạ vào nhau không day trở được. Tài-xế nói cười như con sáo. Những chuyến về, xe đã ì-ạch càng ì-ạch thêm. Ngoài những thùng nước đầy ứ, người hành hương còn mang theo về những củ bí kỳ-nam quăn queo sù sì chất đầy cả sàn xe. Người ta chuyển miệng cho nhau ca-tụng về được-tính quý giá của loại củ này. Thái mông ngâm rượu hoặc sắc lấy nước uống thì trừ được chứng tim yếu, hồi hộp, máu xâm, mất ngủ. Người dân địa-phương khéo bao trùm xung quanh củ đó một màn sương huyền-bí linh-thiên:

— « Đấy : Thì củ bí kỳ-nam to bằng cả một quả dừa lửa chứ có nhỏ đâu ? Dây của nó leo chằng chịt ở thân cây rừng đó chứ có trổn đi đâu ? Thế mà mắt mình nhìn đến như mù, đó có thấy được củ nào. Trong khi đó thì người đi sau mình lại thấy được, lại hái. « Bà » muốn cho ai hái thì chỉ có người đó thấy mà thôi. »

Có quyền phép của « Bà » tác-dụng đến, mỗi củ bán được một trăm bạc. Với những bà Saigon béo tốt cổ đeo vòng ngọc và ngón tay chắt ních những cà-rá kim cương thì củ bí kỳ-nam lên giá đến hai trăm, ba trăm. Sau mười ngày tự-do đi lại thì có lệnh cấm lấy nước, cấm triệt-để. Trên đường quốc-lộ, cứ từng chặng thấy có những thùng thiếc vắt ngổn ngang. Chắc là cảnh-sát hay quân đội đánh đuổi hung hăng lắm nên người đi xin nước mới sợ-hãi đến vắt cả thùng như vậy. Thuận thấy thương hại cho thân phận thăng-trầm của những chiếc thùng. Ngày Suối Đổ linh-thiên giá thùng thiếc ở chợ cao vọt lên. Thùng gì bán cũng được tiền : thùng dầu hỏa hai mươi lít, thùng dầu hạt bông Cottonseed do Mỹ viện trợ, thùng Shell cũ đựng dầu máy. Ở khu thợ thiếc, tiếng búa đập loăng-xoăng từ từng mưng sáng đến tối mịt. Có lẽ dưới thời Xuân-Thu, Chiến quốc khi có lệnh động binh người ta rèn đúc khí giới cũng chỉ nhộn nhịp rộn ràng như vậy là cùng. Ở trong các khu phố, những bà nội trợ được dịp lục lọi các xó-xỉnh để lôi ra trăm thứ « đựng được » : thùng, chai, lọ . . . Chúng được súc, rửa, kỳ cọ rồi chụp lên đầu những cây trụ rào. Ánh nắng dội xuống, bị hắt lên, lóe sáng như cây trụ rào cũng biết nở hoa.

Liên sau đó, có tin Bà Thánh thiên về một hồ nước nào đó ở mạn Dalat. Suối Đổ trở về địa vị thiên nhiên khiêm tốn của nó. Các quán tranh dựng dọc đường lên Suối được dỡ đi. Những vỏ bưởi, vỏ chuối, bã mía, lá gói bánh... của khách hành hương dần dần xám đi, mùn đi, ngã theo màu đất, lẫn với rác cỏ. Từng xe cam-nhông chở củ bí kỳ-nam ở Ban-mê-thuật đem xuống bán. Trước bỏ giá trị linh thiên, món hàng thương mại này được lùa về nằm ngổn ngang ở chợ Đầm, chợ Xóm Mới, bằng lòng với giá mười lăm đồng, mười đồng, rồi năm đồng một củ. Trong khi đó thì những bác tài-xế Lăm-bết-ta chửi thề trở lại. Thời thế cạnh tranh mật ít ruồi nhiều, chạy một chuyến có được hai chục bạc đã là may lắm. Đậu xe ở đầu chợ

Thành để nhật những bà nội-trợ xách giỏ đi chợ về, mỗi bà chỉ trả một đồng để đi hai cây số mà trên xe phải chịu bọn bề những giỏ, những xách, những vệt những gà, heo con, bầu bí lổn ngổn. Bác tài-xế hôm nay vừa định « de » xe vào chợ thì thấy bóng ông cảnh-sát đứng lù lù đó, tay lăm le quyển sổ và bút chì chờ biên phạt nên nhấn ga cho xe chạy vút tới. Bao nhiêu tức giận bác trút vào đôi cánh tay cử động hung bạo, vào đôi mắt nhìn khoằm xuống, vào cái xương hàm bạnh ra. Thuận hồi hận đã đi nhầm cái xe hục hặc này.

Chị đàn bà bế con nhỏ thuộc loại hiền lành nhút nhát chắc thường bị mẹ chồng và hàng xóm ăn hiếp nên quen tính rụt rè không dám lên tiếng bảo xe chạy chậm lại mà chỉ xoay qua chỗ lại liên tiếp để giữ cho đứa con khỏi bị xóc. Anh thanh-niên thì vừa nhịp chân vừa huýt sáo bản nhạc « Cầu sông Kwai ». Thật là khéo chọn nhạc khúc. Ngồi trong xe mà có cảm tưởng như mình đếm bước rộn ràng đi vào rừng chặt gỗ làm cầu thật, Thuận thì đánh đu cả hay tay vào thanh sắt đóng ở mũi xe như một con vượn sắp sửa chuyển cành. Chú « ết » người nhỏ thó tuổi chừng mười bốn, mười lăm cứ từng chập thò miệng ra sau xe nhổ một bãi nước bọt.

Xe chạy băng băng. Leo dốc. Qua cua. Vượt lên cầu. Những ông nhà quê đứng tuổi đi xe đạp nai nịt ống quần như lính lệ, luống cuống tránh dạt vào lề đường, ngã chúi trên bờ cỏ, quay mặt lại chửi nói gì đó. Xe vẫn lăm lăm bỏ chạy. Quá ngôi đình xã Diên-an, chợt chú « ết » la lên :

— Tốp ! Tốp ! Có người đón xe. Tốp !

Bác tài xế hăm phanh một cách khó nhọc. Mọi người quay lại nhìn ra sau xe. Cách hơn trăm thước một người đàn bà mặc áo dài đen cấp nón hăm hở chạy tới. Bác tài rà rà cho xe chạy lui. Thuận ngạc nhiên thấy người đàn bà có lòng ái-mộ một chuyến xe như vậy. Đường này đâu phải thiếu xe ? Cứ năm phút là có một chuyến. Việc gì phải te-tái chạy đuổi theo hàng trăm thước tở kia ? Khi xe lui lại gần thì người đàn bà dường như hết thở nổi. Đó là một bà nhà quê chừng bốn mươi tuổi. Da mặt tuy rám nắng nhưng hồng hào. Hoa tai vàng, quần lĩnh Mỹ-a : bà này thuộc hạng khá giả ở thôn quê. Bà không lên xe vội mà đứng dưới đường bảo bác tài :

— Nhờ ơn Bác cho xe vô con đường rẽ kia. Nhà tôi ở gần đó. Tôi có đứa nhỏ bị bệnh phải đưa đi nhà thương.

— Không được, — bác tài quay ra trước xe vịn vịn tay lái dáng như sắp sửa rồ ga cho xe chạy, — đợi xe sau mà đón.

— Tội nghiệp tôi mà. Đứa nhỏ tôi nó trúng gió nặng quá.

— Tôi phải đưa hành khách về Nha-Trang. Trễ giờ của người ta sao được ?

— Nhờ ông làm ơn làm phúc. Nhà tôi ở gần kia. Ngay con đường rẽ vô đó. Con tôi nó bị trúng gió...

Người tài xế nhíu mày không trả lời. Chị đàn bà bế con tay nắn bóp hai bàn chân nhỏ của đứa bé. Im lặng. Chợt người thanh-niên cất tiếng nói :

— Trê năm, mười phút cũng không sao. Bác chịu khó vô chỗ giúp người ta. Con người ta cũng như con mình.

Người đàn bà tươi tỉnh nét mặt, tiếp lời ngay :

— Dạ. Tội nghiệp tôi mà, con tôi cũng như con bác.

Bác tài-xế dáng chừng chỉ đợi một câu nói ưng thuận của một người hành khách và sự im lặng của những người kia để bác quyết-định. Bác nói :

— Thật phiền quá. Thôi, Bà lên xe đi.

Xe nổ, chạy vài chục thước rồi rẽ vào con đường làng. Đường đắp đất, nhô lên thụt xuống, xe phải chạy rất chậm. Hai bên đường là vườn, là lũy tre. Xe không đậu ở cổng thứ nhất, cũng không đậu ở cổng thứ nhì. Con đường bỏ xóm nhà ở, đi vào giữa cánh đồng hẹp. Hai bên là ruộng. Lúa thời con gái xanh mướt. Một con mương dẫn thủy nhỏ chạy dọc theo con đường. Xe nhô lên thụt xuống. Tiếng máy rì rì rồi bỗng lên từng chập. Từ nãy giờ Thuận im lặng. Anh ngồi đưa mắt nhìn người thanh-niên. Nét mặt hiền lành và tâm-hồn dễ thương cũng vô-tư như bản nhạc vẫn tiếp-tục được huyết sáo. Thuận ngượng đến xấu hổ khi nhớ đến lời của anh ta nói lúc nãy :

— « Con người ta cũng như con mình ».

Đáng lẽ câu đó phải do mình nói, — Thuận nghĩ. Người thanh-niên chắc chắn là chưa có con. Khuôn mặt non, chân râu mới lờ mờ như lông tay. Trong khi đó mình đã làm cha, đã từng nhiều lần cúi mình xuống giường bệnh của con hồi hộp nghe tiếng thở khò khè hoặc hỗn hển, tay sờ trán sờ chân xem nóng lạnh.

Mình đã từng chạy quáng quàng đi mời thầy thuốc, đã từng bế con ngồi trong xe để đến phòng mạch bác-sĩ. Những đêm thức ôm con trên tay hay ngồi cạnh giường con, những dòng nước mắt lặng lẽ chảy vì lo sợ và vì thương cho con phải một mình chiến đấu với cơn đau. Những kỷ-niệm ấy dồn dập về trong óc Thuận và bóp mạnh ở tim.

— Đáng lẽ câu « Con người ta cũng như con mình » là câu phải do mình nói, — Thuận cứ lặp lại ý nghĩ đó. Mình ích-kỷ muốn xe chạy thẳng về nhà cho sớm, bỏ người đàn bà đó lo lắng hồi hộp trên đường. Mà nào sáng nay mình có bận việc gì cho cam? Về đến nhà vào khoảng mười một giờ, rửa mặt nằm nghỉ đến mười hai giờ ăn trưa. Về sớm hay chậm mười lăm phút, nửa giờ, điều đó không có lợi có hại thực-tế gì cho mình hết. Nhưng mà chỉ vì mình có quyền, với năm đồng bạc, bắt buộc người lái xe chạy thẳng nên mình thích sử-dụng quyền đó thôi. Mình không muốn ai động chạm đến nó. Không hẳn là vì ích-kỷ, bởi trên thực-tế nó có mang lại ích lợi gì cho mình đâu. Có lẽ đó chỉ là cái lối bủn-xỉ vụn vặt của một con người mang nhiều ấn-ức, nhiều bức-bội,

chịu đựng nhiều thiệt-thòi, nhiều sự bất công nên khăng khăng bám giữ những quyền lợi nhỏ nhất nào còn sót lại.

Thuận thở dài nghĩ tiếp : « Có lẽ tại mình phản-ứng quá chậm. Mình cũng muốn giúp đỡ người đàn bà đó, nhưng mình chưa kịp nói...

Chợt chiếc xe nhảy vồng lên làm anh giật mình. Người đàn bà ngồi trước mặt đưa một ngón tay chỉ vào túi áo sơ-mi của anh :

— Tờ giấy bạc của ông sắp rớt ra kia.

Thuận vội cúi xuống, thấy tờ giấy năm đồng nhoi mình lên gần rớt khỏi miệng túi. Anh đưa ngón tay đẩy nó rơi sâu xuống đáy túi. Mỗi khi lên xe, bao giờ anh cũng chuẩn bị tờ giấy năm đồng bỏ ở túi sơ-mi để khỏi lục lọi ví khi xuống xe. Anh nói ;

— Cám ơn Bà.

Người đàn-bà mỉm cười và quay sang bắt chuyện với chú « ết » :

— Trời mới tháng Giêng mà nắng quá.

— Bà ở còn xa không ?

— Lại cái nhà đằng kia. Cái nhà ở đầu đường, đứng đây ngó thấy đó.

Thuận vừa nhận sự tử-tế của người đàn bà. Điều đó làm anh thêm ngượng. Ai cũng tốt ở xung quanh anh. Người thanh-niên. Và bây giờ đến người đàn bà có đứa con bị trúng gió nặng. Đáng lẽ với mối lo phiền to lớn đó, người đàn-bà uể-oải không muốn nói gì không muốn giúp đỡ cho ai hết. Có ai bắt buộc bà phải nhìn thấy tờ giấy bạc suýt rơi của anh đâu ? Bà có thể thấy nhưng lại bỏ nhìn chỗ khác. Còn cả ba người nữa trong xe mà. Trách-nhiệm đáng để dành cho những người rảnh rỗi tâm-tư kia. Ấy thế mà bà vẫn ân cần đối với người làm lì ngồi trước mặt.

Thuận tự xét mình và thấy mình dù sao cũng đã xấu tính một cách đáng giận.

Con đường hẹp lại. Xe chạy rì rì tránh những mô đất.

— Sao lâu tới vậy ? Nhà Bà ở chỗ nào ? Bộ bắt xe tôi chạy tới chân núi Đồng Bò sao ? — Tiếng bác tài-xế găt gỏng bực bội.

— Nhờ ơn Bác cho xe chạy tới cái nhà kia mà. Cái nhà có đứa nhỏ đứng ngoài sân đó.

Quả ở đầu xóm có một ngôi nhà ngói cũ kỹ nơi đó một đứa gái nhỏ đứng ở gốc đu đủ chong mắt nhìn ra xe. Chắc nó nôn nóng đợi má nó về để đưa đứa em bệnh đi nhà thương. Xe dừng lại trước cổng. Người đàn-bà nhảy phóc xuống, nhưng không đi thẳng vào cổng mà lại te-tái đi nhanh về ngã khác. Bác tài hỏi to :

— Chớ không phải nhà của Bà ở đây sao ?

— Không phải. Nhà tôi ở... xích xích vô trong xóm kia.

Bác tài giơ hai tay lên trời, nguyên rửa những gì không ai nghe rõ. Chịu không được không khí nóng hừng hực ở mũi xe dọi xuống, mọi người nhảy xuống xe. Chỉ có chị đàn bà vẫn bế con ngồi lì, nét mặt thất-vọng rõ rệt. Chị phải lấy nón quạt lia lia cho đứa nhỏ. Những người đàn-ông lợi-dụng thì-giờ chia nhau đứng tiểu ở các bụi cây. Chú « ết » tiểu loăng xoăng xuống mương nước. Người thanh-niên lại đứng gần bác tài nói chuyện gì đó nhưng đáng chừng câu chuyện rời rạc. Thuận đếm bước dưới bóng cây vú sữa đứng sát bên đường.

Gió thổi mát. Nắng vàng rung rinh. Những đứa nhỏ trong xóm tập trung lại đứng bên xe nhón nhác nhìn, trong khi các con mắt nôn nóng chong chong nhìn về cái ngõ xóm sâu thăm thăm rồi mắt hút sau vòng rẽ, Thuận tưởng tượng thấy một đứa nhỏ nằm quẩn trong chăn kín mít và do người mẹ nặng nhọc bế đi ra. Cũng có thể là đứa lớn hơn nằm trên cái võng, cũng quẩn kín trong một chiếc chăn dạ và do hai người khiêng. Người mẹ chạy hơi hải một bên. Nhưng tha hồ cho anh tưởng tượng, con đường vẫn vắng ngắt, mịt mù. Thỉnh thoảng có những bóng người hiện ra nhưng đều là những bóng con nít hiếu-kỳ chạy ra coi một chuyến xe bất thường. Bác tài-xế sốt ruột đi cùng cậu « ết » vào thẳng trong xóm.

Anh thanh-niên đi theo. Thuận không thấy bức mình vì bị mất thì giờ mà thấy lòng mình thanh-thản. Có lẽ do anh bớt hối-hận khi nhìn người thanh-niên không còn giữ vẻ mặt hăng hái như lúc nãy. Bác tài thì chắc chắn là đang hối tiếc vì sự dễ dãi nhẹ dạ của mình. Trễ cả chuyến xe. Thuận đang mê mải nhìn một bầy cá rờn rờn còn nước thì có nhiều tiếng người ồn ào làm anh quay lại. Bác tài-xế dẫn đầu đi ra. Đến anh thanh-niên, Chú « ết ». Người đàn bà lúc nãy. Một cô gái chừng mười bốn tuổi. Một bầy trẻ con. Không thấy cái võng khiêng. Không có một cái chăn dạ xám quẩn sùm sụp một đứa bé bị trúng gió nặng. Anh sốt ruột cắt tiếng hỏi:

— Chớ đứa nhỏ trúng gió nặng đâu?

Bác tài gượng cười giơ một ngón tay chỉ ra đằng sau. Người thanh-niên im lặng. Thuận chẳng hiểu ý họ muốn nói gì. Khi đoàn người đi lại gần xe, anh mới chợt hiểu. Người bị trúng gió nặng là cô bé mười bốn tuổi đó. Cô bé béo người và đậm thấp. Dáng đi vững vàng, không có triệu-chứng bệnh hoạn nào cả. Tuy vậy người mẹ vẫn chốc chốc đi lùi lại đằng sau để trông chừng.

Mọi người lên xe. Bà mẹ xuýt xoa cầm cánh tay con đẩy lên xe, còn tay kia thì để bờ chuẩn bị bế. Miệng nói nhẹ và cặp mắt dịu:

— Con coi chừng. Bước lên rai rai. Con.

Cô con gái hẩy cánh tay mẹ vừa lăm lăm:

— Bà này!

Đôi lông mày nhú lại tỏ dáng không bằng lòng. Rồi cô bước một bước dõng dạc lên xe, xoay người lại, ngồi gọn gàng. Người mẹ bước lên theo, ngồi bên cạnh. Một giỏ mây đặt kề bên đùi để lộ những quả cam mới hái cuống, lá tươi xanh chen với những quả trứng gà. Thực-phẩm bổ dưỡng cho bệnh nhân. Xe rờ máy. Lần đi ra thật khó khăn phải vì tránh một bầy trâu. Những con trâu nặng nề ngược cặp mắt hoang dại lên nhìn rồi huơ cặp sừng cong đe dọa. Thân hình chắc nịch đó, cái cổ vững vàng đó, cặp sừng nhọn sắc đó như chỉ cần sấn tới, quất ngang một cái là cỗ xe nhào chổng vó xuống ruộng lầy ngay. Vượt quá được bầy trâu thì đến lo tránh một lũ học sinh ôm sách vở chạy quàng quàng trên đường về nhà. Nhìn lên cô gái ngồi đó, lũ học trò chỉ trỏ.

— A, « bà » Dậu. Bà Dậu đi Lăm-bết-ta.

— Bà Dậu lũ bầy ời.

— Ngon ghê hả ? Hôm qua bà Dậu không đi học.

— Chết ! Tránh . . . Thầy . . .

Lũ học trò đứng dật ra sát ven đường. Một người trạc hăm lăm tuổi mặc sơ mi trắng đầu trần đi một chiếc xe đạp sáng loáng. Một chông vở sách buộc ở sau xe. Lũ học trò cất mũ. Người con gái liếc nhìn qua ông thầy giáo, đỏ mặt cười bẽn lễn rồi quay vào trong xe. Bà mẹ hỏi :

— Ông thầy giáo phải không con ?

Người con gái ăm ớ :

— Ông nào ở đâu. . .

— Tao nhớ ông thầy giáo mà. Chủ nhật tuần trước tao nhớ ông thầy có lại thăm cha mày mà.

Người con gái lắc đầu nhú mày tỏ dáng không muốn nghe nói.

Xe khó nhọc vượt ra hết con đường xóm. Đến quốc-lộ, Thuận nhìn đồng-hồ, lăm nhăm làm con tính trừ. Hơn hai mươi phút để đi đón người « bị trúng gió nặng » này. Xe trở về con đường quốc-lộ băng băng mở tốc-lực như người tù nay được giải phóng gặp lại bạn cũ gặp lại tình-nhân tha hồ thao thao cười nói. Gió nồm thổi vùn vụt, vùn vụt vào cửa xe. Chị bé con nhỏ xoay trở mọi cách để cầm nón che gió cho con. Cô Dậu thì mặt mày tươi tỉnh hẳn lên, trút bỏ những nét bần thần lúc nãy.

Áo bà ba ni-lông mỏng dính sát vào da, in rõ đôi vai tròn và cánh tay vạm vỡ. Da mặt hơi rạm nắng một chút và có ửng hồng nơi đôi gò má. Tóc kẹp trễ xuống lưng nên có nhiều sợi bay lòa xòa trước trán. Thuận không giấu được nụ cười khi nhìn cô Dậu đang ngồi ưỡn mặt ra gió, thò đầu ra ngoài cửa xe đón gió, sung sướng tươi tỉnh nhận gió mát tràn trề như một bông chuối nước nở đỏ ở ven bờ lạch, vật vờ dưới sức đùa giỡn của gió đồng lồng lộng thổi không dừng.

Đoàn-Thêm

Trình-bach vào lan

băng thắm hương

Du-dương đưa vãn thơ sang nhịp hát

Yêu được yêu nhiều

trắng phải sáng

Buồn khuya cho dễ gọi dài đêm

Có chi đâu

chung quanh đầy ý ta

Tìm dây nối liền mây với cỏ

Đem xuân về nhuộm lá

Gửi giữa bông tươi

mùi mỹ-nữ

Thả tình nuôi sống cõi vô-tri

Vẫn đó

chờ khi thấy

Nét người đẹp vốn in từ kiếp trước

Trái ngon mọc sẵn trong thềm muốn

Men rượu vì ta thoảng chắt quên

Bên ngoài ta

núi không biếc

sương không lơ

hình không đáng

Trời đất lạnh chờ mong thành bức vẽ

Vắng ta

chiều hôm không gọi nhớ

Biển rừng kia

sao biết chuyện năm xưa

Chưa ngày cũ

tràn ra điệu tiếc

Gieo qua hư ảo mấy lời thân

Học đòi phép lạ

chưa quen biển

Dưới mắt ta

cơn bụi hóa phong trần

Thủy-Triều XXX

D.T

hoàng hôn trên biển

THƠ HỮU-PHƯƠNG

Màu sắc đỏ vàng phối pha mấy giọng
thầy lặng im trong tiếng nói vô cùng
thầy lạnh lùng trong khoảng thăm mênh mông
tôi bé bỏng, người lữ hành ngơ ngác !

Con bọ trùng loại nhoei trên sa mạc
kiến bọ vơ nhớn nhác giữa khu rừng
chim thiêu di nghi hoặc cả mùa xuân
hồn du mục thêm một lần bờ ngõ

Thêm một lần buồn thấy ngày tan vỡ
thấy âm thầm trong nắm mộ thời gian
thấy âm thầm trong hòm kín không gian
tôi bé bỏng, người lữ hành cô độc. !

Đêm dần đến cho hồn tôi ứa khóc
bóng người in trên vách ngực trần ai
chiếc bóng vươn cao chệch mất hình hài
tôi bé bỏng, người lữ hành muốn thuở !

Xin Thượng-Đế dung từ cho cái ngó
tấm thân đầy ý thức chuyện đau buồn
và mỗi lần chiêm ngắm biển hoàng hôn
không khiếp sợ bởi chưng Ngài có mặt

GIẢI NOBEL HÒA BÌNH 1964 :

NCUYỄN-MINH-HOÀNG

MỤC-SƯ MARTIN LUTHER KING JR.

và cuộc tranh-đấu đòi dân-quyền
của người da đen tại Mỹ

NĂM nay viện Hàn lâm Hoàng gia Thụy Điển đã đồng ý trao giải Nobel Hòa Bình 1964 cho mục sư Martin Luther King Jr. Mục sư King nhận được tin mừng này trong lúc đang nằm dưỡng bệnh trong một bệnh viện công giáo ở Atlanta, bệnh viện Saint Joseph. Ông là người Mỹ thứ 12 được hưởng cái vinh dự tối cao này.

Ngày 10 tháng 12 tới đây ông sẽ đi Oslo nhận giải và ngay từ bây giờ ông đã quyết định tặng trọn số tiền thưởng 54123 đô-la cho quỹ của phong trào bảo vệ dân quyền của người Mỹ da đen.

Ông tuyên bố : «Tôi không xem đó là một vinh dự riêng cho cá nhân tôi mà là một phần thưởng chung cho hàng triệu người da đen và da trắng có thiện chí đã cố gắng, bằng những phương thức bất bạo động, thiết lập một kỷ



Mục sư Martin
Luther King Jr.

nguyên
công bằng
và thương
yêu trên xứ
sở này ».

..

Một buổi
tối tháng
chạp năm

1963 tại Gadsden thuộc tiểu bang Alabama, trước một đám đông gồm độ mấy trăm người Mỹ da đen có một mục sư da đen đã mở đầu buổi thuyết giáo của ông bằng một cuộc đối thoại thế này.

Mục sư : Tôi nghe nói người ta đánh các bạn.

Đám đông : Có thể, có thể.

Mục sư : Tôi nghe nói người ta lăng nhục các bạn.

Đám đông : Có thể. Có thể.

Mục sư : Tôi nghe nói người ta đã xông vào nhà các bạn, đã hăm dọa các bạn và đã hành hạ các bạn.

Đám đông : Có thể. Có thể.

Mục sư : Trong các bạn tôi được biết có nhiều người có sẵn dao, và tôi xin những người ấy nên để dao xuống. Trong các bạn tôi được biết có nhiều người có sẵn súng, và tôi xin những người ấy nên để súng xuống. Chúng ta, chúng ta chỉ nên lấy bất bạo lực làm khí giới, lấy lẽ phải của luật pháp làm áo giáp và chỉ biết có tiến mãi, tiến mãi không ngừng.

Mục sư da đen ấy là mục sư Martin Luther King, một người đã được toàn thể thế giới xem là linh hồn cuộc tranh đấu bất bạo động của mười chín triệu người da đen tại Mỹ.

Như chúng ta đã biết, vấn đề người da đen ở Mỹ là một vấn đề từ trước đến nay đã gây ra không biết bao nhiêu rắc rối và nạn kỳ thị màu da là một thứ nạn đã làm tổn thương không ít tinh thần bình đẳng và dân chủ của dân tộc Hoa-Kỳ. Người Mỹ da đen phải sống thường trực dưới áp lực xã hội của người Mỹ da trắng, và sự bất công này càng hiện ra rõ rệt và sâu sắc ở những tiểu bang miền Nam, miền mà mọi người quen gọi là miền « Deep South ». Ở đây những dân quyền của người da đen đã được chính quyền trung ương nhìn nhận lại không được địa phương tôn trọng hoặc nếu có được tôn trọng thì cũng chỉ là được tôn trọng theo những nguyên tắc hết sức sơ sài. Người da đen bị

gạt ra ngoài mọi hoạt động chính trị, bị khinh miệt, bị dồn trong một thế hạ đẳng, bị bao vây bằng những hàng rào kỳ thị thiệt thòi cho nhân phẩm. Và tình trạng ấy đã tạo ra một không khí phẫn nộ, bất bình không lợi gì cho cả hai bên da đen và da trắng. Một tia lửa nhỏ có thể khiến cho khối người da đen bị dồn ép ấy nổ bùng lên thành một vụ nổi loạn to. Nhiều người Mỹ da trắng của miền Deep South cũng biết thế, nhưng vẫn cứ khinh thường, và thái độ khinh thường của họ sẽ đem lại những hậu quả thế nào nếu trong khối người da đen không có những nhà lãnh đạo quần chúng bình tĩnh, không có những mục sư sáng suốt như mục sư Martin Luther King.

Vì cái việc phải đến thế nào rồi nó cũng sẽ phải đến. Trước hết là vụ Montgomery.

Vụ Montgomery

Hồi tháng chạp năm 1955, ở Montgomery có một thiếu phụ da đen làm nghề thợ may tên Rosa Parks đã bị cảnh sát giam giữ và phạt vạ 10 đô la chỉ vì tội không chịu đứng lên để nhường chỗ ngồi cho những hành khách da trắng trên xe buýt. Bà Rosa Parks nói :

— Tôi không hiểu tại sao hôm ấy tôi lại «bướng bỉnh» đến thế, thú thật là tôi không có dự định gì. Đi suốt một buổi để mua các thức cần dùng, tôi mệt lả và mỏi rụng hai chân. Tôi không đứng lên là vì thế ».

Nhưng nội vụ cũng đã châm ngòi cho lòng bất bình bấy lâu cố nén của người

da đen ở Montgomery. Vài giờ sau một ủy ban tẩy chay xe buýt liền được thành lập. Một mục sư da đen vừa 26 tuổi cai quản nhà thờ Báp - Tít ở Dexter Avenue, mục sư Martin Luther King được bầu lên làm chủ tịch của ủy ban. Phong trào tẩy chay thành tựu đến 99 phần trăm, kéo dài suốt 381 ngày khiến công ty xe buýt Montgomery hoàn toàn bị phá sản. Toà án tối cao ở Washington vội ban hành ngay đạo luật bãi bỏ sự phân chia hai hạng ghế ngồi (một hạng cho các hành khách da trắng và một hạng cho các hành khách da đen) trên các xe buýt lưu hành trên toàn thể tiểu bang Alabama. Một thắng lợi đầu tiên của khối người da đen biết đoàn kết và biết tranh đấu trong kỷ luật.

Vụ Albany

Sau vụ Montgomery là vụ Albany. Nhưng vụ này đã thất bại. Và mục sư Martin Luther King (vì ở đây mục sư cũng vẫn là người lãnh đạo phong trào) đã rút tỉa được một bài học tranh đấu như sau :

— Sở dĩ chúng tôi thất bại ở Albany là vì chúng tôi đã đại dốt tấn công những lực lượng chính trị trong khi chúng tôi không có lấy một ưu thế chính trị nào (người da đen chỉ được hưởng một cách hạn chế quyền đầu phiếu). Cuộc tranh đấu, muốn được hữu hiệu hơn, phải nhắm vào những «mục tiêu kinh tế», vì trên bình diện này, ít ra chúng tôi cũng nắm được một vai trò quan trọng.

Với kinh nghiệm nói trên mục sư Martin Luther King sửa soạn kế hoạch

tấn công thành trì kỳ thị chủng tộc ở Birmingham.

Vụ Birmingham

Hai tiểu bang Alabama và Mississippi có lẽ là hai tiểu bang nặng óc kỳ thị người da đen hơn bất cứ tiểu bang nào hết. Xứ của nhà văn Faulkner nhưng cũng lại là xứ của những thành kiến mù quáng. Người Mỹ da trắng ở đây sống trong một thứ «xã hội biệt lập», có những quan niệm rất khác nghiệt về vấn đề da đen và lúc nào cũng lo ngại bị «tràn ngập» bởi những người da đen chiếm 46% dân số. Phần đông người da đen ở đây chưa được hưởng quyền đầu phiếu.

Cùng với những nhà lãnh đạo da đen khác, mục sư Martin Luther King Jr. thảo một kế hoạch tinh vi cốt tạo cho được một «tình trạng khẩn trương» có lợi cho cuộc tranh đấu. Ông đích thân đến Birmingham, giảng cho ai nấy biết rõ các phương thức đấu tranh bất bạo động, chọn độ 200 người tình nguyện ngồi tù vì lý tưởng và tổ chức mười cuộc gặp gỡ giữa ông và các cấp lãnh đạo địa phương.

Đối đầu với mục sư Martin Luther King Jr ở Birmingham là viên cảnh sát trưởng Bull Connor, một người nổi tiếng hung bạo. Biết thế, mục sư King không mở cuộc tấn công ngay, ông bình tĩnh chờ từ ngày 16 tháng giêng đến ngày 29 tháng 3 năm 1963. Trong quãng thời gian đó ông đi khắp nước Mỹ, sửa soạn dư luận bằng 28 buổi nói chuyện tại 16 thành phố lớn.

Đầu tháng 4 năm 1963, ông quay về Birmingham, chuẩn bị thực hiện kế

hoạch đã vạch sẵn từ trước. Bull Connor cho các tay chân bộ hạ len lỏi vào trong các tổ chức của mục sư để thu thập tin tức, và rình nghe những câu chuyện trao đổi giữa mục sư và các cộng sự viên. Do đó một bằng mật hiệu liền được đặt ra. Trong điện thoại mục sư được gọi là « John Kennedy, » bác sĩ Ralph Abernathy (cánh tay phải của mục sư) là « Dean Rush », mục sư Fred Shuttlesworth là « Bull », nhà kỹ nghệ da đen John Drew là « giáo hoàng Paul » những người sẽ tham gia cuộc biểu tình là « các con chiên Báp-Tít ».

Cuộc tranh đấu mở màn. Hàng ngày có hàng trăm người da đen, đàn ông lẫn đàn bà, bị kéo lê vào tù về tội biểu tình. Lúc bị bắt họ vẫn tươi cười và bình tĩnh đến nỗi Connor, gần như muốn phát điên lên vì họ. Càng bị bắt khối người da đen càng đổ xô đến mỗi lúc một đông. Connor phải huy động cả đến những toán lính cứu hỏa trong thành phố. Các cảnh sát viên, đều được vô trang bằng gậy. Chó săn được thả ra cắn túi bụi vào đám biểu tình. Ngày thứ năm 7 tháng 5 năm 1963 có hơn 2500 người da đen từ trong nhà thờ tràn ra ngồi chật các ngã đường. Xe thiết giáp được đưa đến. Cuối cùng hơn 3000 người da đen bị bắt giữ, trong số có cả mục sư King.

Dư luận thế giới chấn động. Tin tức ở Birmingham được các báo loan đi bằng những hàng « tit » lớn chạy suốt trang một.

Hàng triệu người phản nộ. Nhiều cuộc xô xát đổ máu diễn ra ở Jackson (tiểu bang Mississippi), ở Cambridge

(tiểu bang Maryland), ở Danville (tiểu bang Virginia). Bom nổ trong một nhà thờ ở Birmingham làm thiệt mạng bốn trẻ em da đen, trong khi cùng trong ngày, lại có thêm hai trẻ em da đen khác bị bắn chết.

Những biến cố liên tiếp ấy đã thức tỉnh một số người da đen thuộc thành phần trung lưu — thành phần vẫn nuôi hy vọng được nhận vào nếp sống của khối người da trắng, — thúc đẩy họ bước vào cuộc tranh đấu đòi những quyền lợi chung. Nhiều người da trắng cũng tham dự, cũng lên án những bất công. Các giáo sĩ da trắng, các linh mục, các mục sư cũng tỏ thái độ, đứng hẳn vào hàng ngũ của nhóm biểu tình, nói rõ lập trường và sẵn sàng ngồi tù cùng với những người da đen bị bắt. Trong những tháng kể tiếp sau đó, phong trào tranh đấu tiếp diễn mạnh mẽ ở 800 thành phố lớn trên khắp nước Mỹ khiến Tổng Thống Kennedy hồi ấy phải đặc biệt lưu tâm và ấn định gấp những biện pháp giải quyết vấn đề. Bộ Tư Pháp đã cho ban hành một đạo luật qui định rõ quyền bầu phiếu, quyền làm việc và những quan hệ bình đẳng giữa các công dân. Ở khắp miền Nam bức tường thành kỳ thị màu da bắt đầu rạn nứt.

Cuộc tuần hành vĩ đại ở Washington

Ngày 28 tháng 8 năm 1963 phong trào tranh đấu của khối người Mỹ da đen đã đạt đến một độ cao nhất để thể hiện trong một cuộc tuần hành vĩ đại ở Washington. Hơn 200.000 người, da đen lẫn da trắng, đã diễn hành từ

Đài Washington đến Đền kỷ niệm Lincoln để yêu cầu chánh quyền Mỹ trung ương cứu xét những nguyện vọng chính đáng của người da đen. Nhiều nhân vật lãnh đạo da đen đã lên diễn đàn và hàng triệu người đã theo dõi cuộc tuần hành từ phút đầu đến phút cuối cùng trên máy vô tuyến truyền hình hãy còn nhớ mãi câu nói của mục sư Martin Luther King hôm ấy :

— Ngày nào mà tiếng chuông tự do được vang lên ở khắp nơi trên đất nước, ở mỗi làng, ở mỗi thành phố, ở mỗi tiểu bang, ngày ấy chúng ta sẽ hy vọng thấy được cảnh những đứa con yêu của Chúa, không phân biệt màu da, không phân biệt đường lối tín ngưỡng, cùng nắm tay nhau ca hát trong tình huynh đệ.

« Tự do rồi,

« Tự do rồi.

« Tạ ơn Chúa Toàn Năng,

« Chúng con đã tự do rồi.

Những thắng lợi đầu tiên

Cuộc tuần hành độc nhất vô nhị đó trong lịch sử Hoa-Kỳ đã đem lại cho khối người da đen những thắng lợi đầu tiên. Ở miền Nam đã có 1141 trường học chịu bỏ những hàng rào kỳ thị màu da. Ở 300 thành phố những mối giao tiếp hàng ngày giữa người da trắng và người da đen được mở rộng ra hơn trước. Người da đen có thể vào các hiệu ăn, các hồ bơi mà trước kia chỉ dành riêng cho người da trắng. Các ngân hàng, các « supermar-

kets », các khách sạn, các hiệu buôn đã đồng ý cho những công nhân da đen hưởng những quy chế lao động mới. Ở Denver, công ty Sears, Roebuck and Company — một công ty từ trước đến nay chỉ thuê có mỗi một công nhân da đen — đã thuê nhận thêm 19 công nhân da đen mới.

Nhưng đó chỉ là những bước đầu. Trên đoạn đường tranh đấu khối người da đen sẽ còn gặp rất nhiều trở ngại khác. Ở khắp miền Nam hãy còn 1888 trường học cương quyết không chịu thuê nhận học sinh da đen. Xe buýt ở Montgomery trên phương diện kỹ thuật đã được « bình đẳng hóa », nhưng nếp sống xã hội ở Montgomery thì lại chưa được bình đẳng tí nào. Mới đây công ty vô tuyến truyền hình NBC đã phải hủy bỏ một chương trình phóng sự truyền hình trận túc cầu tranh giải *Blue Gray* hàng năm chỉ vì có nhiều người cho rằng không nên để « bọn da đen » tham dự trận túc cầu ấy. Đó là chưa kể tiểu bang Mississippi, một tiểu bang ngoan cố nhất trong các tiểu bang miền Nam. Sứ mạng của Mục sư Martin Luther King Jr. chỉ mới hoàn thành một nửa.

Mục sư Martin Luther King là ai ?

Hồi đầu năm 1964 tuần báo Time bên Mỹ đã dành một số đặc biệt để nói về Mục sư Martin Luther King Jr. mà họ gọi là « the Man of the Year » (Con người nổi tiếng nhất trong năm). Theo báo Time, mục sư King là một nhân vật mà bề ngoài không có gì xuất sắc. Có thể xem ông

là người đứng đầu một tổ chức truyền giáo qui tụ độ hơn một trăm nhóm khác nhỏ hơn, tổ chức *The Southern Christian Leadership Conference*. Ông thua kém hẳn những nhân vật da đen nổi tiếng khác, và về trước đó được rất ít người biết đến. Lương ông không cao hơn lương của một người thợ làm ống nước (khoảng 10000 đô la mỗi năm) nên ông sống một cuộc đời có thể gọi là đạm bạc. Ông cao 1 thước 70, cân 78 kí, ăn mặc rất « thủ cựu » (áo đen, cà vạt đen), tính nết rất nghiêm trang, hiểu biết sâu rộng về triết lý. Ông có thể thuyết trình hàng giờ về Thoreau, Hegel, Kant và Gandhi. Ông chủ trương bất bạo động nhưng lại gặp phải khá nhiều bạo động trong đời: bị đâm vào ngực một lần, bị đánh và bị ném bom vào nhà ba lần, bị bỏ tù mười bốn lần. Trong số những thư từ ông nhận được hàng ngày có những bức ca tụng ông nhiệt liệt và gọi ông là Moïse, nhưng cũng lại có những bức mạt sát ông với những lời lẽ đầy hăm dọa. Năm nay, mục sư Martin Luther King Jr. vừa đúng 35 tuổi.

Ông sinh ngày 15 tháng 1 năm 1929 đúng vào cái hồi mà khắp nước Mỹ ai ai cũng cho rằng người da đen là một giống người thua kém giống da trắng rất xa về hai phương diện thể xác và tinh thần. Từ nhỏ ông đã phải chứng kiến và chịu đựng những cảnh đối xử bất công làm tổn thương nhân phẩm. Ông nhớ mãi những tấm màn trên toa xe ăn ngăn toa xe thành hai khu vực đen, trắng khác nhau. « Tôi có cảm tưởng bị một tấm màn ác nghiệt che kín cuộc

đời. Một sự nhục nhã mà tôi không bao giờ quên được. Lần tôi và một ông thầy học đáp xe buýt đi từ Macon đến Atlanta cũng thế. Người tài xế bảo chúng tôi đứng lên nhường chỗ cho những hành khách da trắng. Trong lúc chúng tôi còn đang do dự không biết có nên đứng lên hay không thì anh ta đã mắng nhiếc chúng tôi thậm tệ. Tôi định cứ ngồi lì nhưng thầy tôi khuyên tôi nên tôn trọng luật pháp. Hai thầy trò chúng tôi đành phải cấn răng đứng suốt quãng đường gần 150 cây số từ đó đến Atlanta. »

Lớn lên trong một gia đình biết đùm bọc nhau chặt chẽ, King có một tâm thần dễ bị xúc động khiến ông hồi năm 12 tuổi, đã tự tử hụt đến hai lần. Lần thứ nhất khi anh ông vì lỡ đùa nghịch đã làm bà ông bị ngã đến bất tỉnh và lần thứ hai khi bà ông từ trần.

Ông học rất giỏi, hồi 15 tuổi đã vào học trường Đại học dành cho người da đen ở Atlanta. Cha ông muốn ông học để trở thành một nhà truyền giáo. Ý ông thì định học môn thuốc hoặc môn luật. Ông vẫn không thích và không chịu được cái khía cạnh xúc cảm gần như là một sự rối loạn thần kinh trong lối tín ngưỡng của những người cùng màu da nên vẫn cố ý tìm một căn bản trí thức cho một triết lý xã hội mới. Ông đọc đi đọc lại nhiều lần quyển luận thuyết *Civil Disobedience* của Thoreau và cuối cùng nghĩ rằng chức vụ một nhà truyền giáo có thể giúp ông bày tỏ hữu hiệu thái độ của ông trước những bất công xã hội.



M. Luther King và gia đình

Ông vào học tại Đại Chung Viện Thần học *Crozer Theological Seminary*, đọc Hegel, đọc Kant, khám phá được tư tưởng Gandhi và say mê tư tưởng đó. Ông nói : « Từ địa vị thấp hèn của tôi tôi tìm thấy lý tưởng Thiên Chúa giáo. Từ Gandhi tôi học được phương thức đấu tranh ».

Năm 1955, ông thành hôn với một nữ danh ca da đen nổi tiếng là cô Coretta Scott và nhận cai quản địa phận truyền giáo Dexter Avenue Baptist Church ở Montgomery thuộc tiểu bang Alabama. Ông có 4 người con : hai gái Yolanda 8 tuổi, Bernice 1 tuổi, hai trai Martin Luther III 6 tuổi, Dexter 3 tuổi.

Và Montgomery là bàn đạp đưa ông nhảy vào con đường tranh đấu bình vực dân quyền, cùng lúc bước lên nấc thang danh vọng ngày nay. Ông tự

giao phó cho mình cái sứ mạng chuyển hướng và dẫn dắt những người da đen phần nộ vì những bất công vào trong đường lối đấu tranh bất bạo động mà ông hằng chủ trương.

Mỗi ngày ông làm việc suốt hai mươi giờ. Ông thức dậy từ 6 giờ rưỡi sáng, đọc sách 45 phút, ăn điểm tâm, và đúng 9 giờ lái xe lại phòng làm việc. Ở đây ông đọc các thư từ, từ khắp nơi gửi đến (độ 70 bức thư mỗi ngày) soạn những bài giảng, thảo luận với các cộng sự viên và những nhà lãnh đạo

da đen khác ở khắp nơi trong nước bằng điện thoại. Ông thường ăn buổi trưa tại bàn làm việc, sau đó vui đùa trở lại trong công việc, nhiều khi đến 2 hoặc 3 giờ sáng hôm sau.

Càng ngày ông càng phải xê dịch nhiều hơn để có thể có mặt ở nhiều nơi trong nước, từ những đô thị lớn đến những làng mạc hẻo lánh xa xôi. Trong năm 1963 vừa qua ông đã đi hơn 400.000 cây số và thuyết trình hơn 350 lần. Có người sợ rằng ông có thể bị ám hại trong những dịp ấy. Ông đáp : « Tôi lại không bận tâm vì những chuyện như thế. Nếu tôi bận tâm có lẽ tôi sẽ không làm được việc gì. Đạo ở Montgomery tôi đã sắm một khẩu súng, và có một đêm ngồi nói chuyện với nhà tôi tôi đã nhắc đến vụ sắm súng của mình. Tôi nghĩ đã mang danh là kẻ lãnh đạo một phong trào tranh đấu bất bạo động tôi không

có quyền giữ bất cứ một thứ khí giới nào. Tôi đã vút khẩu súng. Đòi người chỉ quan trọng ở chỗ làm nên được một việc gì chứ không quan trọng ở chỗ sống lâu được nhiều năm. Nếu bạn có ngã gục chẳng nữa trong một cuộc đấu tranh gìn giữ linh hồn đất nước, thì ít ra cái chết của bạn cũng là một cái chết đẹp có nhiều ý nghĩa ».

Chính với cái sức mạnh tinh thần đó, cái sức mạnh tinh thần bắt nguồn từ tư tưởng Thiên Chúa-Giáo mà mục sư Martin Luther King Jr. đã nghiệm

hiện trở thành người đại diện duy nhất của khối người da đen và là một mối thắc mắc lớn đè nặng trên lương tâm những người da trắng còn khư khư giữ quan niệm kỳ thị lỗi thời.

Mục sư Martin Luther King từng nói là ông chỉ muốn tiếp tục tranh đấu «trong danh dự và kỷ luật». Giải Nobel Hòa bình năm nay sẽ giúp ông thực hiện trọn vẹn cái ý nguyện cao đẹp ấy của ông chăng ?

NGUYỄN-MINH-HOÀNG

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT LÃNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explocions
Capital : 1.500.000.000 Frs.

≠

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LÃNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 3 Milliard de Frs.

≠

**CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á
BẢO HIỂM MỌI NGÀNH**

VỐN : 8.750.000.000 PHẬT LÃNG

Assurance Franco Asiatique

Assurance Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

Giải Nobel văn chương 1964 và J. P. SARTRE

THU-THỦY

Từ ngày thành lập đến nay, mỗi năm ban tổ chức giải thưởng Nobel chọn một nhà văn, và đến năm 1964 thì vừa chọn nhà văn thứ 59. Từ ngày... ra đời, mỗi năm J.P. Sartre thêm một tuổi, đến năm nay ông vừa đúng 59 tuổi. Giải Nobel văn chương bèn chọn ngay Sartre. Một ngẫu nhiên lý thú mà không may mắn : Sartre từ chối giải Nobel.

Trước J.P. Sartre, chưa bao giờ xảy ra một trường hợp như thế. Năm 1926, B. Shaw có tỏ ý dửng dăng nhưng rốt cuộc vẫn nhận giải thưởng (tuy rằng tiền thưởng ông tặng cho tổ chức phổ biến văn hoá Thụy-Điển tại Anh). Năm 1958, B. Pasternak không nhận giải, nhưng là vì bị bắt buộc. Trong lịch sử giải văn chương Nobel, đây là lần đầu tiên một nhà văn được chọn tự ý từ chối cả tiền thưởng lẫn vinh dự.

Về J.P. Sartre, tưởng không còn gì đề giới thiệu nữa. Từ đại chiến thứ hai chấm dứt đến nay thiên hạ đã nói về ông quá nhiều, trên khắp thế giới. Tại Việt-Nam ta, những bài báo, những thiên khảo luận, những sáng tác phẩm trong đó J. P. Sartre được đề cập đến cũng không ít. Gần đây tạp chí Văn đã dành riêng một số đặc biệt cho ông. Truyện ngắn, truyện dài, kịch bản của ông cũng từng được dịch ra Việt ngữ. Ở đây tưởng chỉ nên có vài dòng tổng kết thành tích trước tác của ông, tức đối tượng của giải Nobel : 5 pho sách khảo luận về triết học, 6 tập tiểu luận vừa triết lý, vừa văn học, vừa chính trị, 3 tập truyện (riêng bộ *Les chemins de la liberté* có 3 cuốn) 9 vở kịch, 4 truyện phim, 5 sưu tập các bài báo về những vấn đề chính trị, nghệ thuật v.v.. (*Situations*),



J. P. Sartre

và cuối cùng 1 tập tự truyện mới ra đời trong năm nay. Những con số ấy có lẽ chẳng nói được gì, bởi vì ngày nay không thiếu gì những văn sĩ có thể có một bản liệt kê tác phẩm dài hơn. Tuy nhiên khi một bản liệt kê tác phẩm có những nhan đề như *L'être et le néant*, *La nausée*, *Les mains sales*, *Les mots* v.v... thì đó hầu như là bản kê thành tích văn học của cả thế kỷ XX, những thành tích nổi bật nhất, (ít ra là theo quan điểm của thế giới ngoài màn sắt). Thực vậy, không có một lời ra tiếng vào gì xung quanh kết quả chọn lựa của 18 ông hàn lâm Thụy-điền năm nay. Ngay trong bài công kích của Gabriel Marcel, triết gia này cũng nhận rằng Sartre lỗi lạc hơn nhiều tác giả được giải Nobel trước đây (Bài công kích dữ dội và đặc biệt

quan trọng này, chúng tôi lược dịch trình bày sau đây, xem như phản ứng độc đáo nhất về giải Nobel năm nay). Có bàn tán chẳng chỉ là bàn tán về chỗ vinh dự này đến với Sartre quá trễ. Lẽ ra ông phải được chú ý sớm hơn nhiều. Sau thế chiến thứ hai, trong giới văn hóa Âu châu thường nghe đi đôi hai tên Sartre và Camus. Camus thua Sartre tám tuổi mà lại được giải Nobel trước

Sartre năm năm; ấy là chưa kể về học vấn uyên thâm, về sức trước tác phong phú, về ảnh hưởng sâu rộng... về các phương diện ấy Sartre đều lấn Camus.

Tóm lại không ai xứng đáng hơn Sartre để được giải Nobel. Thế mà Sartre từ chối.

Sartre bảo rằng ông không hề có ý gây ra chuyện rùm beng. Trước khi giải thưởng được công bố ông đã viết thư báo trước ý định của mình cho ban tổ chức, chỉ tại người ta không chịu nghe. Thực tâm ông từ chối là vì hai lẽ: trước hết do quan niệm riêng về tư cách nhà văn, ông vẫn khước từ mọi vinh dự của chính quyền: ông đã từng khước từ Bắc đầu bội tinh năm 1945 ông từng tránh không vào dạy ở Collège de France, do đó ông phải khước từ luôn giải Nobel. Theo ông, nhà

văn phải hành động với phương tiện riêng của mình, tức là với chữ viết mà thôi; nhà văn không được tự trói buộc bằng một vịnh dự nào với hiệp hội này cơ quan nọ, làm như vậy khi dấn thân vào một thái độ chính trị, xã hội... nhà văn sẽ vừa làm khó khăn cho độc giả mình vừa làm liên lụy đến cả những tổ chức đã biệt đãi mình. Nhà văn Sartre ca ngợi quân kháng chiến Vénézuéla là việc riêng của nhà văn ấy, trái lại một khi nhà văn Sartre, giải thưởng Nobel bày tỏ cảm tình đối với quân kháng chiến chống chính phủ Vénézuéla thì không khỏi trói buộc luôn cả danh nghĩa giải thưởng Nobel vào thái độ chính trị ấy của mình. (Người ta còn nhớ năm ngoái J. Steinbeck cũng có sự e ngại đắn đo tương tự đối với giải Nobel).

Lẽ thứ hai khiến J.P. Sartre khước từ ấy là vì ông muốn tranh đấu cho sự chung sống hòa bình giữa hai nền văn hóa Đông và Tây, mà muốn thế, theo ý ông, thì không nên nhận bất cứ vinh dự nào do những cơ quan văn hóa hoặc của khối Tây phương hoặc của khối Đông phương cấp cho. Ông không nhận giải Nobel của Tây-phương, và giả sử Nga-Sô có cấp giải Lénine cho ông, ông cũng lắc đầu luôn. Ông tự thấy mình tự-tưởng thì thiên về chủ nghĩa xã-hội mà lại xuất thân và trưởng thành trong một gia đình tư sản, trong xã hội tư sản; như vậy ông có tư cách làm cho đôi bên hiểu nhau, giúp cho những ai thành tâm

muốn tìm hiểu cả đôi bên, cả hai nền văn hóa. Ở địa vị ấy, ông không muốn lãnh giải thưởng.

Ta vừa thấy Sartre nêu ra giải Lénine đề đổi lại với giải Nobel. Giải Lénine của Nga-Sô ai nấy đều biết là một giải thưởng có tính chất chính trị, như vậy Sartre cũng coi giải Nobel có ý nghĩa chính-trị, và đối lập, chẳng? Quả thế, Sartre thừa nhận rằng ông dự biết giải sau này tự nó không phải là một giải thưởng văn chương riêng cho khối Tây phương, nhưng « có những biến cố xảy ra ngoài ý muốn của các nhân viên viện Hàn Lâm Thụy-Điền », và rồi giải ấy biến thành ra giải... của Tây-phương. Nghĩa là nó chỉ được cấp cho các nhà văn ngoan ngoãn Tây phương và những nhà văn chống đối trong khối Đông-phương (xin hiểu là Cộng-sản). Ông kể trường hợp Pasternak được thưởng mà Cholokhov thì không, cũng như Pablo Neruda, như Louis Aragon (1).

Tóm lại, đây là trường hợp giải thưởng cấp cho nhà văn mà một nhà chính trị đã khước từ.

..

Như vậy giải thưởng Nobel đáng lẽ là chuyện êm ru lại hóa ra chuyện thời sự giăt gân. Sartre

(1) Về bài của J.P. Sartre giải thích với các nhà báo Thụy-Điền về lý do từ khước giải Nobel, xin xem bản dịch đầy đủ của Trần-Thiện-Đạo đăng trên tạp chí Văn số 21 ra ngày 1-11-1964.

được chọn, đó là điều ai nấy đều mong chờ, thế mà đến khi công bố thì lại xảy ra điều bất ngờ. Người ta bàn tán xôn xao xung quanh thái độ của Sartre.

Theo triết thuyết của Sartre, tấn bi kịch của con người là ở chỗ phải chọn lựa trong sự tự do hoàn toàn. Và Sartre đã trung thành với triết lý của mình: các nhà văn trước, khi vinh quang tự dẫn xác đến thì đều an phận đón nhận, riêng Sartre khác người, đã quyết định ngược lại.

Nhưng người ta không khỏi có chỗ thắc mắc về cái mà Sartre gọi là « lý do khách quan » trong sự quyết định của ông ta. Ông hỏi tại sao giải Nobel không thưởng cho Chokhov, cho Neruda, cho Aragon, những văn tài tả phái? Căn cứ vào đó ông bảo giải này hữu khuynh. Như thế không độc đoán sao?

Khi Camus được chọn, ông này phát biểu ý kiến rằng ngay tại Pháp cũng còn có người xứng đáng hơn mình: đó là Malraux. Còn quần chúng, ngay hồi ấy, hẳn có nhiều người bảo: đó là Sartre. Rồi đến khi Steinbeck được chọn, dư luận cũng cho rằng Steinbeck lỗi thời rồi, còn có người này người kia xứng đáng hơn. Mỗi ý kiến đều có lý do và các ý kiến sai khác nhau. Vì sự sai khác ấy mà bảo ý kiến của Hàn lâm viện Thụy-Điền bị ảnh hưởng chính trị, há chẳng phải là bất công sao? Chọn Steinbeck thay vì Neruda, chọn Camus và Sartre thay

vì Aragon, chỉ có thế mà bị kết tội; vai trò biện lý chẳng hóa ra quá dễ dàng sao?

Người ta còn nhớ năm 1913, trong thời kỳ thực dân còn thịnh, nhà văn của đế quốc Anh Rudyard Kipling đã viết ra câu văn bất hủ: « Đông phương là Đông phương, Tây phương là Tây phương »... , vào chính năm ấy, giải Nobel văn chương được cấp cho một nhà văn ở xứ thuộc địa: Rabindranath Tagore. Gần đây trong khi óc kỳ thị chủng tộc gây nhiều xáo động từ châu Phi đến châu Mỹ, giải Nobel đã được trao cho Albert Lululi, và mới rồi cho giáo sĩ Luther Martin King, những chiến sĩ bệnh vực da màu. Ngay năm nay, 1964, giải Nobel về vật lý học được chia nhau giữa hai người Mỹ và một người Nga, bất chấp sự phân tích của Sartre.

Và lại, nếu giải Nobel đáng lẽ ra phải trung lập mà lại phạm vào cái khuyết điểm hữu khuynh, theo lời Sartre, vậy lần này giải ấy chọn Sartre là một người tự nhận ở tả phái, nó đã tự chữa khuyết điểm, như thế càng hay chứ sao? Sartre trách nó chỉ trọng đãi những nhà văn Tây phương và những phần tử

Đã phát hành :

Hành trình

Số 2

**NHÌN THẲNG VÀO VẤN ĐỀ
PHẬT-GIÁO — CÔNG-GIÁO**

Mỗi số 30 đ

phản loạn của Đông phương (les rebelles de l'Est) lần này nó tung hô Sartre tức là một kẻ phản loạn của Tây phương, tại sao ông lại từ chối? đó không phải chính là điều ông mong ước sao? Ông kêu là nó thiên vị, thế mà đến khi nó muốn tỏ ra công bình, khách quan, sao ông lại từ chối cho nó cái cơ hội ấy? Sao vậy? Phải chăng ông chính là một trong « những biến cố xảy ra ngoài ý muốn của các nhân viên viện Hàn lâm Thụy-điền » khiến giải Nobel không thể công bình được?

Trong thân thể Sartre có một điểm lý thú. Ông tuyên bố cảm tình đối với phe xã hội chủ nghĩa, ông tuyên bố đứng về phía quần chúng vô sản, nhưng kỳ thực dù vùng vẫy thế nào cũng không thoát khỏi cái xã hội tư sản, cái giới trí thức của ông, và chẳng có bao giờ ông « đứng » được về bên phía vô sản cả. Ông sinh ra và được nuôi dưỡng từ thềm xác đến tinh thần trong khung cảnh tư sản, sự nghiệp trước tác của

ông xây dựng trên sự mồ xẻ công kích, rửa xã hội tư sản, rồi cũng chỉ có quần chúng trí thức tư sản đọc ông, khen ông, rớt cuộc rồi lại một tổ chức hàn lâm mà ông coi là của phe tư sản tán thưởng ông mà thôi. Sartre có gọi đến giải Lénine, ông biết đâu rằng bên phía « Đông phương » kia người ta có bao giờ đếm xỉa tới ông! Đối với bên kia triết thuyết hiện sinh, nếp sống hiện sinh, những kỹ thuật kỳ quặc trong bộ *Les chemins de la liberté*, những quần quai trong *La nausée* vv... bất quá đều chỉ là sản phẩm tinh thần của một xã hội tư sản cùng đường, suy đồi. Làm sao cấp giải Lénine cho những thứ ấy! Vì thế, mặc dù ông chửi rủa, ông làm tình làm tội nó đến bậc nào, số phận ông, sự nghiệp ông cũng dính liền với xã hội bên này, ông sống chết, ông gặp mọi cái vinh cái nhục đều ở bên này. Dù cho ông có khoát tay từ chối, làm một cử chỉ điệu bộ lớn lối đến thế nào, ông cũng thuộc về phía bên này. Đó là tấn thảm kịch của ông.

Lập trường

của Gabriel Marcel

BI LÂM vì cái nhãn hiệu « hiện-sinh Thiên-Chúa giáo » gán cho tôi và từ mười lăm năm nay tôi vẫn không ngớt từ chối, các nhà viết báo của thế-giới tự-do cứ nhất mực đem tôi đối chiếu với J.P. Sartre, một sự đối chiếu trong thực tế không đáp ứng được gì cả — dù chỉ là vì chúng tôi không cùng chung một thể-hệ. Hồi năm 1927, sau hàng chục vở kịch, khi tôi cho ra đời cuốn *Nhật-ký siêu-hình*, thì cái tên của Sartre vẫn chỉ được loanh quanh biết đến trong đám mấy người bạn của ông mà thôi. Nhưng dù sao sự làm-

lần đã thành thói quen rồi, tôi không ngạc nhiên về việc toà soạn *Nouvelles Littéraires* yêu cầu tôi bày tỏ lập-trường về người mới được thưởng giải Nobel.

Dĩ nhiên, trước hết phải hoàn toàn công nhận rằng xét ở những phần chủ yếu — không kể đến cái phần cặn bã khá lớn — thì công trình trước tác của Sartre trội hơn nhiều giải Nobel trước đây về sự thú vị, về tính cách phong phú, về nét độc đáo.

Tác phẩm triết-học — ở đây trước tiên tôi nói về cuốn *L'Être et le Néant* — dù cho căn bản nó mong manh và dù nó dẫn đến một ngõ cụt, nó vẫn có nhiều nhận xét tài tình và lắm khi cũng sâu sắc nữa, và có nhiều đoạn phân tích có thể trở thành cổ-diễn: tác phẩm ấy chứng tỏ một trí thông minh mãn tiệp và sắc bén lạ thường.

Các độc giả của tôi hẳn đã biết tôi từng bày tỏ sự tán thưởng ra sao đối với một phần lớn kịch phẩm của ông ta. Có ba hay bốn vở kịch của ông thuộc vào những vở trọng yếu nhất của kịch phẩm hiện-đại.

Giá trị của tiểu-thuyết gia thì chắc chắn là không được vững chắc như thế, tuy vậy làm sao có thể quên được cuốn *La Nausée*, cuốn tiểu-thuyết chứng ngôn có giá trị nổi bật ấy? Hai thiên truyện ngắn trong cuốn *Le mur* là hai kịch phẩm. Ngay trong bộ *Les Chemins de la liberté*, hổng vì một lỗi thiên lệch tục tĩu đôi khi không thể tha thứ được, trong bộ truyện ấy người ta vẫn tìm được lắm đoạn đáng ghi nhớ. Nếu bỏ qua cuốn *Baudelaire*, rất liều lĩnh, cuốn *Saint-Genêt* điên rồ, và những nghị-thuyết phi lý trong cuốn *Qu'est-ce que la littérature?*, người ta cũng phải nhận rằng có một số tiểu luận phê-bình của ông chứng tỏ một óc sáng suốt và thấu đáo phi thường.

Tôi cho là tất cả những cái đó không thể chối cãi được. Tuy nhiên khi phát biểu một nhận định tổng quát về một nhân vật như nhân vật này, người ta không thể chỉ làm cái việc đem cộng lại những lời khen ngợi đối với một số những tác phẩm xét riêng rẽ.

Chính Sartre không phải đã từng nhấn mạnh — có lẽ một cách khinh xuất — về cái mà ông ta gọi là sự chọn lựa hiện-sinh đó sao? : Trong trường hợp của ông ta, và hình như theo chính lời tự nhận của ông ta, sự chọn lựa ấy là đáng kể trước nhất. Sự thực chúng ta đã thấy thế nào? Chúng ta thấy rằng nhân danh một sự dẫn thân, mà từ mười lăm năm nay ông ta không hề đặt lại vấn đề bao giờ, bằng cách tổ giác cho là giả dối cái mà ông ta gọi là tinh thần trịnh trọng và bằng cách bài bác một thái-độ khách-quan bị coi là có tính cách tư-sản, trong thực tế ông ta đã kết tội cái ý chí vô tư, cái tinh thần phê phán vốn được tất cả các triết gia trong quá khứ, ngoại trừ phái nguy hiểm, coi là đức tính chủ yếu của nhà tư tưởng, tôi xin lặp lại là ngoại trừ phái nguy hiểm, bởi vì họ là những bậc tiền bối thực sự của ông ta. Thái độ ấy chính là nguồn gốc, theo ông ta thì là sự biện minh, của những lời phán đoán giản-lược, thiên vị, đầy cảm tính, gần

như lúc nào cũng bắt công mà ông ta không ngớt tuyên bố về các biển cổ và các hiện-tượng xã-hội — chẳng hạn ông ta đã nói về thực dân như thể một gã ba hoa ngoài quán nước. Cái lối coi rẻ chân lý một cách trắng tráo đôi khi thêm vào một sự hèn nhát tinh thần được nguy trang, đó là điều mà tôi sẽ xin vắn tắt vạch ra sau đây.

Ngắt ngưỡng trên một chồng tác phẩm to lớn, thường thường là khó tiêu đôi khi cầu thả, không xử dụng thiết thực các năng khiếu xuất chúng của mình mà lại luôn luôn dùng chúng một cách thiên lệch, và nhất là nhờ ở một giọng viết thông thái rõm và thô lỗ, (mặc dù người ta không thể phủ nhận rằng có khi ông ta đã tỏ ra là một nhà văn thực sự, như trong cuốn *Les mots* chẳng hạn), ông ta đã dám đề cao cái mà người ta không thể không gọi là sự bất lương tinh thần tồi tệ nhất. Đó chính là lý do vì sao, sau khi đã cân nhắc từng chữ, tôi không ngần ngại nói rằng, vốn là một kẻ chuyên thói dèm pha, cổ tình phỉ báng, ông ta đã gieo rắc quanh mình những lời thuyết giảng nguy hiểm nhất, những câu khuyên nhủ độc hại nhất chưa từng có một tên đòi phong bại tục chính hiệu nào dám gieo rắc vào đám thanh niên.

Trong những điều kiện như thế làm gì mà danh tiếng ông ta chẳng vang lừng khắp nơi? Và dĩ nhiên là sự thành công lương đắc mới rồi của ông ta — không biết là có mưu tính trước hay không — tăng thêm cái danh tiếng ấy không ít.

**

Tuy nhiên phải nói thêm là khách hàng của ông ta phần nhiều ở trong giới trí thức các nước mới mở mang, từ Caracas hay từ Rio đến Kona-kry, đến Casa và trong cái xứ Algérie của Ben Bella, mà tôi cho là họ đang chuẩn nhận một trong những ước nguyện thâm thiết nhất của ông ta.

Vả chẳng còn cần phải đào sâu thêm nữa, và tìm hiểu về gốc rễ của sự chọn lựa hiện sinh mà những hậu quả đã bày ra trước mắt mọi người ấy. Cần phải phân tích trường hợp này, một trong những trường hợp lạ lùng nhất và chắc chắn là bổ ích nhất trong lịch sử văn học. Con người khởi sơ là một triết gia chân chính, mặc dù tự căn bản có chỗ sơ hở và âm thầm bị suy sụp, con người ấy dần dà muốn trở thành một gã quảng cáo hay một tên rao hàng rong cho một thứ vô sản được biết đến thì ít mà bịa đặt ra thì nhiều, và cho một thứ chủ nghĩa mác xít trong đó tác giả cuốn *Tư-bản luận* chắc chắn là không còn tự nhận ra mình nữa. Mọi việc xảy ra như thể ông ta tự cảm thấy trong thâm tâm mình một tay phiền loạn, vốn chỉ là một kẻ tư sản lật trái lại mà thôi, tự cảm thấy như thế và ông ta nhất thiết dùng một con đề ngăn chặn tay phiền loạn kia lại. Tôi tưởng chỗ đó, và chỉ có chỗ đó thôi, mới cất nghĩa được sự đầu hàng nhục nhã của ông ta trước Cộng sản chủ-nghĩa của Staline và nỗi khổ đau của ông ta khi rán thốt ra lời phản đối rụt rè sau vụ Budapest năm 1956.

Một trong những điều phi-lý tồi tệ nhất mà ông ta đã thốt ra (trong cuốn *Critique de la raison dialectique*) là bảo rằng chủ nghĩa mác-xít không thể vượt nổi — làm như Nietzsche hay Bergson, để chỉ kể đến hai tên tuổi ấy thôi, chưa từng ra đời vậy. Bảo rằng một Platon, một Leibniz hay một Hegel không thể vượt nổi thì có thể là không đến nỗi hoàn toàn vô lý. Nhưng trái lại, đối với một Marx mà tư tưởng rõ rệt lệ thuộc vào một tình trạng kinh tế và lịch sử nhất định, tình trạng ấy từ Marx đến nay không ngớt diễn biến theo một chiều hướng thường khi không phù hợp với các tiên đoán của ông, thì ý kiến của Sartre chẳng có nghĩa lý gì cả. Hoặc giả là người ta đã dùng danh từ mác-xít để chỉ một cái gì không còn chút gì dính líu với chủ nghĩa mác-xít chân chính. Ở đây lại vẫn là sự bất lương được thắng lợi.

Đó là lý do sâu xa vì sao biến cố trùng điệp ở Stockholm phải được xem là tai hại. Chọn Sartre hội đồng tuyển trạch đã đưa lên ngôi một kẻ đào huyệt chôn Âu châu. Cái châu Âu ấy, Sartre dám hy sinh đem lên bàn thờ một thế giới xã-hội chủ-nghĩa mà ông ta giả vờ tin tưởng là ít ra đã được thực hiện một phần ở Đông-phương, tuy ông ta thừa biết rằng những xứ dân-chủ nhân-dân hiện hữu chỉ là những bức họa khôi hài đáng tởm của cái xã hội chủ nghĩa ấy, và thừa biết rằng những xứ nọ trắng trợn chà đạp lên những quyền tự do mà một xã hội chủ nghĩa xứng đáng với danh từ ấy phải bênh vực. Đây, sự tố cáo tinh thần trịnh trọng đã đưa đến kết quả như thế đấy.

GABRIEL MARCEL

(*Les Nouvelles Littéraires* số ra ngày 29-10-64)

nhà xuất bản LÁ BỐI đã phát hành

★ **TÌNH NGƯỜI** của Tâm - Quán.

truyện của một chú tiểu do chính chú tiểu viết.

Giá 30 đ

★ **ĐẠO PHẬT ĐI VÀO CUỘC ĐỜI** của Nhất-Hạnh
tập khảo luận về những vấn đề then chốt của ĐẠO PHẬT
và DÂN TỘC.

Giá 45 đ

BANK OF CHINA

Siège Social TAIPEI - TAIWAN

Capital : 60.000.000 Silver Dollars

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Code : Peterson Internationale 4 th Edition

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES
LES GRANDES VILLES DU MONDE

SUCCURSALE DE SAIGON :

11, Bến Chương Dương

Téléphone : 21.632-21.633

AGENCE DE CHOLON :

818, đại lộ Đồng-Khánh

Téléphone : 36.266

AGENCE DE LA
CHINA INSURANCE COMPANY, LTD

Maritime — Incendie — Automobile — Accidents



PHI-CƠ PHẢN-LỰC

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG



SAIGON-HONGKONG:
SAIGON-PHNOUMPENH-BANGKOK: 3 chuyến mỗi tuần

bằng *Caravelle*
PHI-CƠ PHẢN-LỰC TRĂNG-LỆ NHÚT THỀ-GIỜ

- ★ NHANH-CHÓNG
- ★ ÊM-ÁI
- ★ TIỆN-NGHI

VIỆT-NAM  HÀNG-KHÔNG

AIR 64

QUÝ-VỊ BẮY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LẪM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY ● LOẠI ĐỂ ĐÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu ☎ Téléphone 20.821 ☎ SAIGON

TRONG GIA-ĐÌNH ÊM-ÀM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁT MỆT

Chỉ có



NƯỚC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai "HÒA TIỀN" !

CAPSTAN

MEDIUM



W.D.&H.O.WILLS.
BRISTOL & LONDON

Quản-nhiệm :

HUYNH-VĂN-LANG

Chủ-nhiệm :

Tòa Sạn

160, Phan-Bình-Phụng — SAIGON

Điện thoại : 25.539

In tại VĂN-HÓA AN-QUÂN
412-414, Trần-Hung-Đạo — SAIGON

Giá : 10\$

Công sở : 15\$